PA-VEN VÊ-CI-NÔP

ba-ri-e

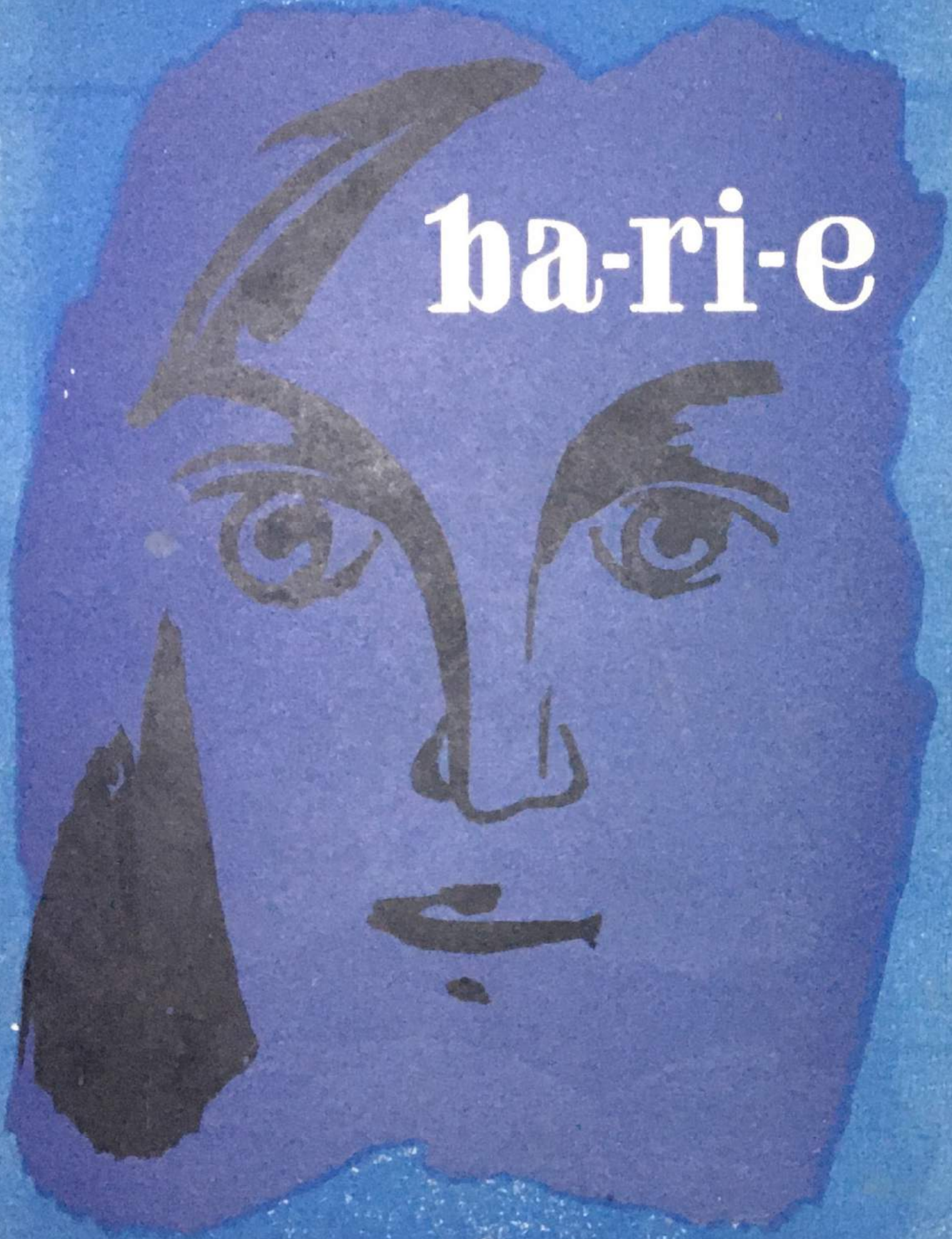

LAO ĐỘNG

PA-VEN VÊ-GI-NỐP

BA-RI-E

ĐỖ HỒNG CHUNG *dịch*

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG
HÀ-NỘI — 1983

NHÀ XUẤT BẢN MONG BẠN ĐỌC
GÓP Ý KIẾN, PHÊ BÌNH

BA-RI-E — tiểu thuyết của *P. Vêginốp* (Bun-ga-ri) *Đỗ Hồng Chung* dịch từ bản tiếng Nga, INOXTRANNAIA LITERATURA số 1-1978, MOCKBA. Vũ Quần Phương giới thiệu.

LỜI GIỚI THIỆU

Cốt chuyện Ba-ri-e dựa trên những biến động trong hành vi và nhân cách của một bệnh nhân rối loạn thần kinh chức năng (còn gọi là bệnh tâm thần). Các chi tiết tác giả đưa ra không xa lạ gì với triệu chứng trong một bệnh án tâm thần, nhiều việc như hoang dường nhưng không phải là đã không xảy ra ở những bệnh nhân nào đó. Chúng ta không tranh luận về sự chính xác, hoặc nguyên nhân các hành động, hoặc cảm giác của cô Đô-rê-tê-a. Đó là lĩnh vực của các nhà tâm thần học. Điều chúng ta quan tâm và cũng là điều mà Pa-ven Vê-gi-nốp muốn đề cập đến là khả năng cảm thông nhau giữa con người với con người, là cách nhìn nhận con người, đặc biệt là cách nhìn nhận những khát vọng của con người. *« Có lẽ ở đây có một cái gì sâu sắc và mạnh mẽ hơn cái vốn có trong bản chất con người. Và cũng như nhiều người bình thường, tôi cảm thụ theo bản năng rằng tất cả những cái tôi không có khả năng làm hoặc những cái người khác làm không giống tôi, đều là cái không bình thường. Bây giờ tôi mới hiểu sâu sắc rằng điều này là biểu hiện sự dốt nát và kém cỏi, chứ không là cái gì khác »* Sau sự mất mát lớn lao mà không gì trên đời có thể bù đắp lại được, nhân vật chính của cuốn truyện, An-tô-nhi, đã bàng hoàng nhận ra điều đó. Đây là một lời tự thú xót đau, nhưng cái hiện trạng này, cho đến hôm nay, tiếc thay, vẫn cứ phổ biến ở ngoài đời

Cái khả năng tự bay lên được của Đô-rô-tê-a trong câu chuyện có một ý nghĩa tượng trưng. Đây là khát vọng được sống vượt qua mình, cao hơn mình, được thắng cái sức hút vĩnh hằng của trái đất tới mỗi con người. Người ta khó mà tin rằng khát vọng đó có thể thành hiện thực vì những nguyên tắc vật lý mà người ta đã biết. Nhưng còn nguyên tắc khoa học khác mà người ta chưa biết thì sao? Biết đâu đấy, đến một lúc nào đó, cái ước mơ được coi là điên rồ của Đô-rô-tê-a hôm nay lại trở thành chuyện đương nhiên? Đã từng có bao nhiêu việc hôm nay chúng ta thấy là bình thường thì ở các thế kỷ trước cũng bị coi là chuyện điên rồ đấy thôi. Lỗ Tấn đã nhận xét: *« Đã gọi là hy vọng thì không thể nói đâu là thực, đâu là hư, cũng giống như những con đường trên mặt đất: kỳ thực trên mặt đất làm gì có đường. Người ta đi mãi thì thành đường thôi* (1). Nói bi kịch của người đời là cứ tự tạo cho mình những ba-ri-e (thành chắn) ngăn mình lại không cho mình vượt quá những quan niệm quen thuộc của mình như vậy.

Đô-rô-tê-a là một nhân vật rất con người, con người thuần khiết nhất trong bản chất người, đến mức những con người *đã được xã hội hóa* không chấp nhận cô. An-tô-nhi được chọn làm đại diện cho những con người *đã được xã hội hóa* đó, cho nên theo luật pháp của xã hội, anh không có tội gì trong cái chết của Đô-rô-tê-a. Nhưng khi cái bản chất người thuần khiết trong anh đã thức tỉnh, thì chính anh hiểu hơn ai hết cái hậu quả thảm khốc do phẩm cách yếu đuối và nhỏ nhen của anh gây nên. Bác sĩ I-u-ri cô-va đã đoán anh không bao giờ vượt qua được ba-ri-e của mình, nhưng chả có lần anh đã bay đôi với Đô-rô-tê-a ấy ư? Cái việc bay ấy là thực hay chỉ là một ảo ảnh? Bút pháp của tác giả không cho ta xác định, mà cần gì phải xác định, chỉ biết đó là những giây phút sức cảm thông của hai cá thể người Đô-rô-tê-a và An-tô-nhi đạt đến điểm cao nhất. Ở đó nỗi đau khổ và niềm tin của Đô-rô-tê-a, cái cô gái điên ấy, hoàn toàn ngự trị trong tâm hồn của An-tô-nhi. Đó là hạnh phúc. Khi đó không có điên và không có tỉnh, chỉ có niềm vui. Khi An-tô-nhi không muốn cảm

---

1. Trong truyện ngắn *Cỏ hương*.

thấy nhẹ nhõm trước đau khổ của người khác, lại chính là lúc anh vượt qua được sức hút của trái đất, vượt qua sức hút của những quan niệm cố hữu của người đời. Tiếc thay trạng thái đó không lâu bền ở những người như An-tô-nhi. Ngay ngày hôm sau anh lại dằn vặt về điên với tỉnh, và cố gắng để xác định vị trí *tỉnh* cho mình, đến nỗi dẫn đến cái hậu quả xa xót kia. Khi anh hiểu được rằng *« Nói cho cùng thì người ta điên hay tỉnh hỏi có gì là quan trọng. Điều quan trọng là người ta cảm thấy hạnh phúc »*, thì mọi sự đã muộn rồi, dù anh đã phóng xe như bay ngay khi còn chưa tỉnh rượu. Giá anh quan tâm đến hạnh phúc của Đô-rô-tê-a thay vì bị ám ảnh về chuyện điên điên tỉnh tỉnh kia, thì anh đã cứu được cô ấy. Cô ấy đã bay được một đoạn rồi mà, chứng cớ là chỗ cô ấy nằm cách chân tường cửa sổ phòng anh một trăm mét, nhưng nửa chừng cô ấy đã đứt cánh, vì không được sức nâng đỡ của một trái tim nào. Cái ba-ri-e nó giết người như thế đấy, không ai phải ra tòa cả. Nhưng không phải là ai cũng trắng án đâu, bạn đọc ạ! Cả anh, tôi, chúng ta đều có phần trách nhiệm.

Chúng ta quy phạm hóa lối sống của mình nhiều quá, đến mức kinh ngạc trước những gì còn giữ nguyên vẻ, nguyên sợ, thuần chất. Ở Đô-rô-tê-a những nét nguyên sơ ấy còn nhiều lắm. Cô nhận cũng như cho, không có mặc cảm ơn huệ, cô bơi bằng bản năng, cô hiện diện khỏa thân trước mặt người khác mà hồn nhiên như trẻ nhỏ. Phải chăng đó là triệu chứng điên của cô đã được ghi trong bệnh án? Nhưng thôi, đây không phải là tập sách y học. Chúng ta nên cho phép người viết dùng những chuyện không thực để nêu lên những vấn đề rất thực trong cuộc sống của con người. Truyện thần thoại ngày xưa và tiểu thuyết huyền thoại Mỹ la-tinh ngày nay là thế, vả lại, tác giả Pa-ven Vê-gi-nốp cũng đã tẩn tiện đến mức tối đa trong việc sử dụng các chi tiết phi lý, và đã khéo bố trí câu chuyện trong khí quyển của một bệnh tâm thần, để những người tỉnh táo 100% như chúng ta chấp nhận được.

Cái chết của nhân vật hư cấu Đô-rô-tê-a không hiểu tại sao lại gợi ta nhớ tới cái chết của những nhân vật lịch sử bị coi là tà giáo như Gian-đa, Ga-li-lê.. Hình như có một cỗi

rễ nhân bản nào đó đã nối liền những ngôi mộ nằm rải rác dọc theo con đường tiến hóa của nhân loại đó lại. Chỉ khác là cái tội của những người tỉnh như An-tô-nhi đối với những người điên như Đô-rô-tê-a bây giờ nó tinh vi quá, để nỗi không có luật pháp nào đưa nó ra tòa được, ngoại trừ bản thân nó, khi nó vượt được cái ba-ri-e của chính mình.

Hà-nội, tháng ba năm 1983

VŨ QUẦN PHƯƠNG

1

Trước kia tôi không biết thế nào là cô đơn, tôi hoàn toàn xa lạ với cảm giác đó, nhưng bây giờ chính nó lại hay đến với tôi vào ban đêm. Nó thường xuất hiện vào quãng nửa đêm khi vạn vật đã chìm trong giấc ngủ và mọi tiếng động cũng lắng đi, chỉ còn có tiếng hè phố cựa mình giống như tiếng xương kêu răng rắc trong một xác chết lạnh cóng. Trong những giây phút như thế, tôi bị cuốn theo một cảm giác kỳ quặc, cứ tưởng như mình đang nằm lọt trong cái mồm há hốc của một con ác thú. Tôi nghe thấy rõ ràng có tiếng thở ở đâu đó tuy chỉ thoáng qua, nhưng lại rất gần. Tôi đứng bật dậy, bắt đầu thấy căng thẳng khó chịu, tôi cứ đi tới đi lui mãi trong căn phòng lớn vẫn dùng làm nơi làm việc của tôi. Tôi chịu không tìm ra được lối thoát. Cái cảm giác cô đơn ấy tuy không quánh đặc, nhớp nháp, nhưng lai chói buốt và sắc bén như lưỡi dao cạo. Nó bất ngờ xộc đến, dồn tôi vào sát mãi chân tường, bên cạnh cái bình hai quai đã ngả màu xanh lố bịch và chậu cảnh mà bà lão giúp việc đặt trong góc phòng. Tôi phải cố gắng lắm mới vùng ra khỏi hai gọng kìm của nó. Tôi chạy bổ ra cửa, quên cả tắt đèn. Tôi lao như bay vào trong thang máy và tụt dần từ tầng gác mười lăm xuống đến đất mà không dám thở mạnh. Tôi biết rất rõ là ban đêm như thế

này mà bị nhốt trong cái thang máy đang kêu cót két không ra được thì sẽ chết trước khi gọi được người đến cứu. Tôi ra ô-tô và mở máy. Tiếng máy rung êm êm, nghe dễ chịu hơn cả tiếng suối reo rì rào mà các nhà thơ thường ca ngợi, nó làm cho tôi tạm yên lòng. Tôi cười nhạo sự ngớ ngẩn của mình và từ từ cho xe chuyển bánh. Tuy thế, tôi vẫn còn chưa chế ngự được cái rét run người, cứ như là tôi vừa mới ở trong tủ lạnh chui ra. Vừa cho xe chạy, tôi vừa hạ cửa kính để xua cho bay hết hơi thở hôi thối của con ác thú vẫn còn lẩn quất theo tôi vào trong xe. Có chuyện gì xảy ra với tôi hay không, tôi cũng không biết nữa, chắc là thần kinh của tôi bị suy nhược sau ngày vợ chồng tôi ly dị nhau.

Bánh xe lăn lạo xạo, đều đều như tiếng mưa rơi. Muốn nghe tiếng phanh rít như trách móc lại như khích lệ tôi liền quặt xe sang con đường có trồng cây hai bên, chúng tôi vẫn quen gọi là phố. Ánh đèn pha quét lên mặt trước các ngôi nhà tối xẫm tưởng như tôi đưa tay ra ve vuốt chúng. Một chùm đèn ở phía xa xa bắt gặp ánh đèn pha liền sáng lóe lên giây lát trước mắt tôi rồi vụt tắt. Tấm màn của nhà ai bằng tuyn trắng thấp thoáng lướt qua và biến mất. Không phải chỉ có một mình tôi lẻ loi, bên cạnh tôi vẫn có động cơ ô-tô. Người ta cứ uổng công sỉ vả cái vật nhẫn nhục và dễ tính này chỉ vì nó xả ra mùi hôi. Ừ thì nó xả ra đấy, nhưng mà ít nhất nó cũng làm việc đó một cách phải phép chứ không xả ra như những kẻ uống rượu say mà ăn nhiều tỏi.

Lúc này may ra chỉ có tiệm rượu đêm của khách sạn « Xô-phi-a » là còn mở cửa. Tôi đỗ xe trên quảng trường như mọi lần và chẳng cần đắn đo tôi bước

ngay vào trong thang máy sang trọng. Tôi cảm thấy trong lòng đã thư thái nên cũng chẳng thiết vào tiệm nữa. Tôi không phải là người đam mê rượu chè, tôi không ưa những đám đông ồn ào, những gã say rượu ba hoa, nịnh bợ. Tuy vậy, có thể nói đây là môi trường thân thuộc của tôi, tôi đến đây như một thói quen hàng ngày. Tôi vốn dĩ là người kín đáo, thậm chí còn hay cau có, miệng lúc nào cũng mím chặt. Tôi biết là nhiều người có thiện cảm với tôi, nhưng cũng không hiểu là vì lẽ gì. Hình như những người lầm lì ít nói chỉ đôi khi thốt ra một ý kiến ngược đời, cay độc lại được chú ý nhiều hơn là những người sắc sảo, ồn ào, đại loại như đám người đang lượn lờ chung quanh cô vợ tôi. Tôi đi ngang qua gian phòng lớn, cố ý không nhìn sang hai bên và đến ngồi bên chiếc bàn nhỏ ở cuối phòng. Lúc này đáng lẽ phải hoàn toàn thanh thản thì tôi lại cảm thấy đang chơi vơi trong một khoảng chân không lạ lùng nào đó.

Tôi gọi rượu véc-mút trắng của Ý và thứ đồ uống lờ lợ dễ ghét, kể ra cũng chẳng nên uống, nhưng biết uống gì được trong lúc quá khuya thế này. Mãi đến lúc này tôi mới nhìn chung quanh mình. Đêm nay tiệm rượu vắng khách và yên tĩnh là thường. Sự yên tĩnh dường như thấm cả vào những tấm màn cửa bằng nhung đỏ. Sự yên tĩnh giăng ra như một mạng nhện trong suốt, mỏng manh và những người hầu bàn giống như những con nhện, thấp thoáng qua lại không một tiếng động, lặng lẽ và khéo léo phục vụ khách. Cái đó có lẽ là giá trị chủ yếu của nhà hàng chứ món thịt bê lạnh họ mang đến cho tôi thì lại quá rắn. Tôi uống cạn một ly véc-mút nữa, uống thêm một ly uýt-xki nguyên chất kèm theo một miếng đá nhỏ. Tôi cảm thấy trong người ấm áp, dễ chịu.

Gặp những trường hợp như thế trí tưởng tượng thường hoạt động ngay tức khắc và đôi cánh xanh xanh, mỏng như cánh chuồn của nó đã sẵn sàng bay vút lên. Nhưng lần này trí tưởng tượng vừa mới chợt rung rinh thì người hầu bàn đã đến bên tôi và nói rất lễ phép:

— Thưa ông Ma-nhép, mấy ông đằng kia mời ông lại chỗ bàn dài ạ.

Bàn dài nào nhỉ, sao lúc nãy đi qua tôi không trông thấy.

— Ai mời tôi đấy?

— Thưa, ông Gian ạ.

— Ông ấy đang say phải không?

— Thưa, tuyệt nhiên không say đâu ạ.

Tôi thở dài bực bội. Ông Gian là thợ may của tôi. Không ai lại làm mất lòng thợ may của mình, nhất là khi muốn mặc đẹp. Thế mà ông Gian lại được đánh giá là một trong những thợ may giỏi nhất Xô-phi-a. Ông ta thường trữ sẵn những loại vải hảo hạng và cứ thế ỉm đi để may riêng cho những khách hàng ông ta có cảm tình hoặc để dành cho những người có tiếng tăm nhất, cố nhiên cũng là theo quan điểm của ông ta. Nếu tôi cùng ở trong số người đó thì ông ta không thể nào tha thứ cho sự từ chối của tôi được.

— Anh nói là tôi đến ngay bây giờ nhé.— Tôi đáp.

Nhưng việc gì phải vội, tôi ăn xong món thịt bê lạnh rồi mới buồn bã đi về phía bàn tôi được mời đến. Đúng là ông Gian đang tụ họp chung quanh hàng chục những người hâm mộ và khách hàng. Nhìn thấy tôi, ông ta liền đứng ngay dậy. Ông ta mặc bộ đồ còn nguyên nếp gấp, màu tím hoa cà không sao mê được.

Con người này chỉ biết cách may mặc trang nhã cho mọi người, còn mình lại hoàn toàn không biết cách ăn mặc.

— Tôi thiết tưởng không cần phải giới thiệu ông khách của tôi nữa, vì tất cả các vị đều biết rồi.

Vị tất đã như vậy, — tôi vừa nghĩ thế, vừa ngồi xuống vị trí danh dự bên cạnh ông ta. Tôi không phải là nhạc sĩ tạp hý khiến cho các cô gái trong các tiệm cà-phê hiện đại phải tò mò nhìn và thán phục. Cũng may là tôi còn nhìn thấy quanh bàn một vài khuôn mặt quen quen: nhà đạo diễn ở xưởng phim hoạt họa, cô bán hàng ở tiệm rượu ban ngày. Trong thời gian gần đây, tôi thấy ở đâu phụ nữ cũng đông hơn nam giới, họ hết sức vui nhộn và hay kêu la một điều gì đó bằng cái giọng say rượu the thé. Cuối cùng, chính tôi lại phải ân hận bởi lẽ con dao găm sắc nhọn của sự cô đơn cũng không khinh khủng bằng cái dám người tẻ nhạt, ồn ào, chếnh choáng hơi men này.

Nhưng có lẽ sẽ còn tệ hại hơn nữa, nếu ví dụ bọn họ lại say bét nhè hoặc lại tranh cãi với nhau về chuyện ô-tô hay chuyện bóng đá. Những người này được cái là cũng chỉ bàn luận về các cuốn phim mà chỉ là phim Bun-ga-ri. Cuộc sống của tôi đầy ắp những buổi tối trôi qua không mục đích và những chuyện quen biết không cần thiết đôi khi làm cho tôi khổ sở mất nhiều năm. Tôi cứ đăm đăm ngắm ly rượu, không trả lời các câu hỏi, không cười đùa, không hề bận tâm đến bất kỳ ai và bất kỳ việc gì. Nói chung tôi buồn chết đi được. Và cái đêm như đêm nay chắc cũng sẽ trôi đi không để lại dấu vết gì trong tâm trí tôi vì có chuyện gì đặc biệt đâu. Nhưng muộn hơn một chút nữa, chuyện ấy sẽ xảy ra, còn bây giờ tôi đang ngồi đây, lòng buồn

vô hạn và không hiểu cái gì đang chờ đợi tôi. Thỉnh thoảng tôi kín đáo liếc nhìn đồng hồ, nó vẫn đang tích tắc đều đặn, chẳng cần biết tôi đang phải ngồi giữa đám người này ra sao nữa. Mọi việc cứ như thế, kéo dài cho đến khi tôi thấy đã ngồi lâu đủ số thời gian quy định cho một người có giáo dục thì tôi đứng dậy, ngỏ lời xin lỗi và ra về. Tôi nhận thấy ông Gian không hài lòng với tôi lắm, song biết làm thế nào được. Tôi sẽ gửi cho ông giấy mời đi dự buổi biểu diễn ra mắt tại nhà hát ô-pê-ra vậy vì ông rất thích những buổi biểu diễn ra mắt.

Ngoài đường rất lạnh, gió thổi là là trên thành phố, xua tan những đám mây vàng tơi tả. Nhà thờ lớn dường như được tưới đẫm bằng thứ nước mơ vàng đặc sánh, nóc tròn của nhà thờ thỉnh thoảng lại ánh lên mờ mờ trên nền trời. Trên quảng trường không một bóng người, nếu không kể những hình người trên tượng đài đang vươn tới số phận muôn đời. Tôi vội vàng lên xe vì trên người chỉ phong phanh một bộ quần áo. Nhưng xe vừa mới chạy được mấy thước, tôi chợt cảm thấy có người nào đang động đậy ở phía sau lưng. Tôi hốt hoảng hãm xe lại. Tôi quay ngoắt về đằng sau, đinh ninh rằng sẽ bị một đòn khủng khiếp giáng xuống đầu ngay lúc đó và nhất định phải là một thanh sắt bọc giẻ bên ngoài. Nhưng chẳng có chuyện gì ghê gớm xảy ra cả, tôi nhận ra ngay ở ghế đằng sau có một khuôn mặt trái xoan của phụ nữ, nhợt nhạt đi vì sợ hãi và đôi mắt mở to đang nhìn tôi. Tôi không còn tin ở mắt mình nữa.

— Cô làm gì ở đây ? — Tôi kêu lên giận dữ.

Nhưng tôi bỗng cảm thấy xấu hổ. Không hẳn vì tôi chót nổi khùng, mặc dù tôi có lý do để nổi khùng lắm

chứ: duyên cớ gì mà cô ta lại dám tự tiện chui vào trong xe của tôi? Tôi xấu hổ chủ yếu vì đã quá hoảng sợ.

– Em có làm gì đâu, – cô gái sợ hãi trả lời. – Tại ông cho xe chạy ngay mà.

– Thế nhưng tại sao cô lại ngồi trong xe?

– Hóa ra ông vẫn chưa nhận ra em sao? – Cô gái ngạc nhiên hỏi.

– Làm sao mà tôi nhận ra cô được, – tôi trả lời gắt gỏng.

Lẽ ra không nên nói chuyện với các cô gái ít tuổi bằng cái giọng đó mới phải. Cô ta quả thực còn trẻ lắm, mới độ hai mươi tuổi là cùng. Lúc đó tôi thấy hình như cô ta ăn mặc không được tươm tất lắm và có vẻ rất mệt mỏi.

– Em đã ngồi cùng bàn với ông trong tiệm. Ông lại còn nhìn em kia mà?

Chuyện vớ vẩn gì vậy, tôi lại để ý đến cô ta nữa cơ à? A, mà cũng có thể là tôi đã nhìn cô ta thực, nhưng có điều chắc chắn là lúc ấy tôi còn mải nghĩ đâu đâu. Tôi chẳng bao giờ ưa những cô gái hay la cà ở các tiệm rượu, những ma men nốc vốt-ca còn táo tợn hơn đám công nhân bốc vác. Với lại làm sao có thể nhận ra được họ qua những đám khói thuốc lá mù mịt lúc nào cũng bao quanh người họ.

– Thôi được, cứ cho là như thế đi! Nhưng cái đó vẫn chưa phải là nguyên nhân để leo vào xe của người khác.

Cơn giận của tôi qua đi, tôi chỉ còn hơi bực mình một chút.

— Nhưng em dợi ông mà, — cô gái phân trần. — Ông chẳng bảo em là cô đi về thôi... Nhưng ngoài phố trời lạnh quá.

— Cô làm thế nào đoán được xe này là của tôi?

— Có chiếc xe «Pơ-giô» nào khác nữa đâu. Cửa xe lại không khóa.

— Thôi cũng được. Nhưng vì sao cô lại chờ tôi nhỉ? Xin được phép hỏi cô như vậy.

Câu nói mỉa mai ấy chắc gì những cô gái say rượu đã hiểu. Cô chỉ chớp chớp mắt và trả lời rất ngây thơ.

— Em muốn phiền ông đưa em về nhà. Đêm khuya quá, hết mất cả xe điện rồi.

Thế đấy! Một cái cớ mới ngu ngốc làm sao. Họa chăng chỉ có những người trẻ hơn tôi hoặc già hơn tôi mới dễ mắc vào cái bẫy đó.

— Cô ở đâu nhỉ?

— Dạ, em ở cạnh Nhà tù trung ương. — cô ta trả lời nghiêm chỉnh.

Chỗ ở tuyệt thật! Có lẽ cô nói thật: Ban đêm thế này quả không ai đi bộ về tận đó được. Lý do rất đứng đắn.

— Nào cô gái, — tôi đã nói bằng một giọng khác hẳn. — Chính mắt cô cũng nhìn thấy là tôi đã uống không phải chỉ một ly rượu... Tôi làm thế nào mà lái xe qua khắp thành phố trong tình trạng này được. Cô cũng biết là người ta sẽ chặn xe tôi lại mất thôi!

— Nhưng dù sao đi nữa, ông cũng phải lái xe về nhà cơ mà? — Cô tỏ ra ngạc nhiên.

— Đã hẳn là thế rồi, nhưng tôi phải cho xe chạy vào những phố nhỏ và tối.

— Thôi đành vậy, cũng chẳng có cách nào khác! — Cô ngoan ngoãn đáp và nắm lấy cửa xe.

Về sau này, khi cô thiếu nữ không lấy gì làm đẹp và có phần vụng về ấy, chẳng hiểu sao lại trở thành một phần của đời tôi thì sự ngoan ngoãn, dịu dàng này của cô sẽ còn vò xé trái tim tôi mãi.

— Cô hãy thong thả đã, — tôi nói —, cô định đi đâu đấy?

— Nhưng không được mà!

— Ít ra thì tôi cũng chở cô đến bến tắc-xi đã.

— Cám ơn ông, không cần phải vậy đâu!

Thế là cô bước ra khỏi xe. Tôi nhìn theo dáng đi ủ rũ, xem chừng lúng túng của cô và bỗng nhiên tôi nhảy ra khỏi xe, chẳng cần nghĩ ngợi gì cả. Lúc tôi đuổi kịp cô thì cô đang khóc, đúng là khóc thầm, nhưng nước mắt chảy đầm đìa trên mặt. Tôi bối rối quá. Tôi vốn là người điềm tĩnh, không quá ủy mị, nhưng tôi không chịu nổi nước mắt của phụ nữ, nước mắt bao giờ cũng làm tôi mủi lòng. Hình như cô gái này không giống như tôi đã nghĩ lầm về cô.

— Nếu cô không sẵn tiền thuê tắc-xi, — tôi nói, — tôi sẽ đưa cô mượn tạm. Đêm tối thế này cô không nên đi bộ.

— Không, không mà! — Cô gái kêu lên, — không cần như vậy!

Cô gái kiêu hãnh thế đấy! Nếu cô không khóc chắc tôi lại rầy la cô cho mà xem. Đã biết kiêu hãnh thì đừng chui vào xe của người khác mới phải chứ!

— Thôi nào, vậy thì cùng đi, tôi sẽ đưa cô về, — tôi nói, — kẻo rồi cô lại khóc hết nước mắt.

Tôi bực bội quay trở lại xe. Nhưng tôi không nghe thấy tiếng chân bước theo sau. Tôi quay lại. Cô gái đứng xoay lưng lại phía tôi và đang đăm đăm nhìn trời, tưởng như cô sắp sửa bay vút lên. Thậm chí tôi có cảm giác như gió đang nâng bổng cô lên nữa kia, người cô nhẹ lâng lâng và trong suốt.

– Cô làm sao thế? - Tôi hỏi vội vã.

Cô gái ngoan ngoãn bước về phía tôi, nhưng tự dưng cô đứng lại, ngập ngừng:

– Em không thể về nhà được, – cô nói. – Em sợ lắm...

– Cô sợ ai?

– Mẹ em. Khuya thế này mẹ không cho em vào nhà. Mà nếu mẹ có cho vào thì em cũng không về với mẹ nữa. Ông không thể tưởng nổi mẹ em là người thế nào đâu! – Giọng nói của cô lộ rõ vẻ ghê tởm thực sự.

– Đã thế thì cô bầy ra cái trò dùa này với tôi làm gì mới được chứ?

Cô gái lại chớp chớp mắt, bối rối, cô nói thật giản dị và thành thật:

– Thế mà em lại ngỡ là ông mời em.

Bây giờ tôi thật khó mà nhớ lại được những tình cảm của tôi lúc ấy. Tôi không xúc động, không bối rối, thậm chí cũng không ngạc nhiên nữa. Tôi chẳng có điều gì ác cảm với cô và tất nhiên là không thể nói rằng tôi ưa cô. Tôi nhìn cô đang đứng đó, dáng người mảnh mai, ăn mặc phong phanh, chiếc váy bị gió quấn chặt vào cặp dùi thon nhỏ. Trong những lời cô nói không có gì là hổ thẹn, sợ sệt, cũng không có gì là hư hỏng, hình như không phải cô đang nói với tôi mà đang nói với bà cô, bà dì của mình ở nhà. Lúc đó trong lòng

tôi dào dạt một nỗi xót thương hay một tình cảm gì đó cũng không rõ nữa, nhưng đấy là một tình cảm tự nhiên. Tôi thở dài, vừa nhún vai vừa lầm bầm:

— Thôi ta đi thôi. Tôi không bỏ cô lại ngoài phố đâu.

Lúc đó mặt cô bỗng nhiên bừng sáng, hình như gió đã đưa tay lau khô nước mắt trên mặt cô. Mọi chuyện xem ra đều hồn nhiên lại đồng thời phức tạp hơn là tôi nghĩ. Tôi chưa muốn đi sâu vào những điều phức tạp đó vội. Vả lại, làm thế nào mà hiểu được các cô gái thời nay, khi chính các cô cũng còn chưa tự hiểu được bản thân mình.

— Cô tên gì nhỉ? — Tôi hỏi.

— Em là Đô-rô-tê-a.

— Thế này, cô Đô-rô-tê-a nhé, hình như cô có biết ít nhiều về tôi phải không. Tên tôi này, nhãn hiệu xe của tôi này. Nhưng cô làm thế nào mà biết được là vợ tôi sẽ không đuổi tôi và cô đi, nếu bây giờ cả hai cùng về nhà tôi.

— Ông đã ly dị rồi, — cô đáp. — Ông sống có một mình.

— Vì sao cô biết điều đó?

— Lúc em còn đang ngồi ở bàn, trong khi ông chưa lại thì ông Gian có nói chuyện về ông. Ông ấy khen ông nhiều, ông ấy cũng bảo là ông hay nóng tính, nhưng là người rất tốt.

Mọi việc thế là rõ. Tại sao tôi không đoán ra ngay nhỉ? Có lẽ cô gái không đơn giản như tôi nghĩ lúc thoạt đầu. Cô biết rất rõ là cần phải hành động như thế nào. Liệu cô có lại bắt đầu một trò chơi tinh vi và quá trớn không đấy? Không loại trừ điều này được. Duy có một điều tôi nhận thức rõ ràng là dầu thế nào

chăng nữa thì cô cũng không phải là người ranh mãnh, tính toán. Tuy nhiên, thế hệ này đã mất hẳn tính tế nhị đến nỗi họ chẳng cần nói dối khéo léo và vờ vĩnh làm gì.

Chúng tôi lên xe, tôi để cô ngồi ở ghế sau, tôi chẳng hề mong rút ngắn khoảng cách giữa hai người một chút nào. Thậm chí, nếu cô có là người khôn khéo đi nữa, cũng chẳng mong được lợi lộc gì. Cô ngồi lọt thỏm vào góc xe đến nỗi nhìn vào gương xe, tôi cũng không trông thấy. Cô ngồi yên lặng, có lẽ thiu thiu ngủ cũng nên. Chẳng có gì đáng ngạc nhiên, gần ba giờ đêm rồi còn gì nữa. Chắc hẳn cô đã trải qua không ít những giây phút chẳng lấy gì làm dễ chịu trong lúc chưa tóm được một anh chàng ngốc nghếch như tôi. Song dù sao mọi việc cũng tốt thôi, tôi vẫn thích ban đêm phóng xe dọc những phố và đại lộ vắng vẻ, ở đó gió đang xua đuổi những gã say rượu và đám giấy vụn trên mặt đường. Tôi thích cái cảm giác được tiếp xúc với không khí bị động cơ đốt nóng lên, thở thật sâu vào lồng ngực như hít từ túi đựng ô-xi vậy. Tôi sẽ để cô ngủ trong căn phòng lớn. Nếu rủi ro thì bất quá cô cũng chỉ lấy mất một pho tượng gỗ khỏa thân trong đám tượng anh tôi mang ở châu Phi về. Cái chính lúc này là làm sao đến chỗ thang máy mà không ai biết. Tôi cũng không quá coi trọng dư luận của hàng xóm láng giềng, nhưng đưa một phụ nữ trẻ về nhà quả là bất tiện. Bỗng dưng lại phải leo bộ lên mãi trên tầng gác mười lăm sau khi uống thứ rượu véc-mút đáng ghê sợ hay sao? Tôi sống ở tầng cao nhất, trên đầu chỉ còn có trời, có mây và những nàng thơ lười biếng được nuông chiều. Nhưng may thay, thang máy vẫn còn làm việc. Tôi mở cửa và nhẹ nhàng dẫn cô vào phòng.

– Phòng ông có đèn sáng này! – Cô kinh ngạc nói. – Có lẽ vợ ông về chăng?

– Đừng lo, – tôi nói đùa – trong bất cứ trường hợp nào cũng chỉ có tôi bị rầy rà, chứ không phải cô đâu.

Mãi cho đến lúc này tôi mới có thể ngắm nhìn cô. Cô đi đằng trước tôi, dáng đi hơi là lạ: rất nhẹ nhàng lại đồng thời có vẻ gò bó, giống như con chim bồ câu hay chim hải âu đang thận trọng bước trên cát ướt ngoài bãi biển. Cô mặc chiếc váy bằng hàng lụa rẻ tiền và chiếc áo ngắn tay màu đen, cả váy lẫn áo đều nhầu nát. Cô không mang tất dù mùa xuân năm nay khá lạnh. Cô không có xắc, ví tay, cũng không có chùm chìa khóa hay chiếc khăn mùi soa, cô giống như con chim thần vẫn ngủ đỗ trên cành cây. Đô-rô-tê-a băn khoăn ngắm nghía căn phòng rồi quay lại nhìn tôi bằng đôi mắt trong sáng:

– Phòng của ông tốt thật đấy! – Cô thốt lên vẻ thán phục.

– Đâu có.

Và quả thực trong phòng chẳng có gì đặc biệt. Tôi không mắc phải cái bệnh si mê đồ đạc. Những thứ gì tốt nhất thì vợ tôi đem đi cả rồi. Kể ra như thế cũng phải vì chính tay cô ấy mua sắm những thứ đó. Trong phòng chỉ còn lại mấy bức tranh đẹp treo tường, chiếc đàn dương cầm và chiếc thảm thô trải sàn, sản xuất ở Viên, màu da cam dìu dịu, hồi đầu tôi rất ghét. Chiếc thảm ấy cũng do vợ tôi mua, hơn nữa lại mua bằng ngoại tệ, mặc dầu chúng tôi đã ly dị nhau. Cô ấy vẫn có cái lô-gích điển hình của phụ nữ, cái lô-gích buộc họ cứ phải may bằng được một bộ quần áo màu xanh nếu như tình cờ họ đã có chiếc xắc màu xanh, cô ấy khăng khăng một mực cho rằng chiếc thảm rất

hợp với màu tường, còn tôi lại nghĩ là chiếc thảm hợp nhất với màu đen thẫm của chiếc đàn dương cầm, chiếc đàn cổ rất đẹp, nổi lên tuyệt diệu trên cái nền thảm sáng dịu. Đô-rô-tê-a bước lại bên dương cầm, mở nắp ra và chăm chú xem xét các phím đàn lâu ngày đã ố vàng.

— Đây là dương cầm của ông phải không ạ? — Cô hỏi. — Em muốn nói là ông sáng tác với đàn này chứ ạ?

— Vâng, đúng thế.

— Đàn này có cũ quá không?

— Không sao đâu, vẫn còn tốt chán.

Một lần nữa, cô lại ngước đôi mắt trong sáng nhìn tôi, vẻ rụt rè của cô đã hoàn toàn biến mất, bây giờ cô tự nhiên như ở nhà mình vậy.

— Ông đàn cho em nghe một bài gì đi, — cô nài nỉ. — Một chút thôi cũng được... Nhưng nhất định phải là bài gì của ông cơ.

— Vì sao cô thích như vậy?

— Em muốn hiểu xem ông là người như thế nào mà. Thực tình em cũng không thạo nhạc lắm đâu. Nhưng cái đó không hề gì.

Cô gái ma men này, dù cho có dễ thương và kỳ lạ đi chăng nữa, nhưng nếu lại có thể hiểu được một đoạn nhạc ngắn thì cũng lý thú chứ sao? Bằng này tuổi đầu tôi đã có kinh nghiệm là có thể chờ đợi ở phụ nữ bất kỳ điều gì. Ví dụ như vợ tôi. Cô ấy bỏ tôi ra đi hoàn toàn bất ngờ. Không có lấy một nguyên nhân nào đặc biệt hay ít ra theo tôi là như vậy. Không một duyên cớ, một căn cứ nào cả, thậm chí không có đến một cuộc cãi cọ thông thường nữa kia, cũng không có nước mắt như vẫn thường thấy trong những trường

hợp thế này. Cô ấy cứ lẳng lặng bỏ đi. Không có một người phụ nữ nào mà lại không làm một việc gì đó thiếu cân nhắc, không sao sửa chữa được, dù chỉ một lần trong đời. Chúng tôi nghĩ đến nát óc để làm sao trình bày được trước tòa án. Có thể bây giờ cô ấy đang hối tiếc về những việc đã làm, nhưng cô ấy đâu có thuộc loại những người nửa chừng bỏ cuộc. Ở tòa án, cô ấy ngồi lặng đi, xanh xao, nhợt nhạt như vừa bị ngộ độc. Nhưng vừa mới bước chân ra khỏi phòng là cô ấy òa lên khóc. Tôi tảng lờ như không trông thấy, cố nhiên đó cũng là cách để tự trấn an cho mình. Tôi không thấy thương tiếc gì lắm mặc dầu tôi yêu cô ấy. Bản tính là người cứng rắn và đành hanh, cô ấy luôn luôn bó buộc tôi phải theo lối sống của cô ấy. Tôi phải cố gắng lắm mới chịu đựng nổi cái cung cách mỹ quan hỗn độn vẫn vây bọc lấy chúng tôi. Đến lúc bắt đầu được sống một mình, tôi làm việc hào hứng, say mê hơn trước nhiều; một vài nhà phê bình đã khẳng định rằng tài năng của tôi đang độ phát triển mạnh mẽ.

Đô-rô-tê-a vẫn đứng trước mặt tôi và chờ đợi.

– Muộn quá rồi, – tôi nói không quả quyết lắm, – chúng ta sẽ đánh thức hàng xóm mất thôi.

– Thế ông đàn nhè nhẹ vậy, – cô lại nài nỉ. – Không ai nghe thấy đâu.

Tôi trầm ngâm suy nghĩ. Cách đây hai hôm tôi viết xong một tác phẩm, nhưng tôi không biết là có đạt hay không. Tôi định bụng xếp nó đấy một thời gian xem sao đã rồi sau này nhìn lại nó với con mắt mới mẻ hơn khi tôi đang sáng tác có một tiếng nói nào đó từ bên trong làm cho lòng tôi hân hoan. Điều đó đã đành là tốt. Nhưng tôi cũng đủ tỉnh táo để đánh giá tác phẩm của mình, tôi trông mong vào trình độ âm

nhạc hơn là cảm hứng. Tôi thiết nghĩ nếu chỉ dựa vào tài năng không thôi thì cũng chẳng khác gì tin rằng gió có thể đẩy cho xe tải chạy được.

– Đã vậy thì cô ngồi xuống đi, – tôi nói.

– Em ngồi ở đâu được?

– Tùy cô.

Cô ngồi xuống chiếc ghế đầu bên cạnh. Thật ra cô không ngồi mà buông mình xuống ghế tựa như con chim sẻ bị lạnh cóng. Song vừa mới đụng tay đến phím đàn, tôi đã quên ngay là có cô đang ở đó. Tôi hay đàn vào ban đêm tất cả những gì tôi đã sáng tác ban ngày Tôi làm việc không được tốt trong ánh sáng ban ngày, nói chung tôi không thích những lúc ánh nắng rực rỡ. Tôi chỉ có thể chân thực cảm thụ âm nhạc của tôi về ban đêm hoặc vào những ngày mưa ảm đạm khi ánh sáng chói lọi của mặt trời và thiên nhiên không làm tôi lóa mắt.

Bây giờ ngồi đàn tôi lại đang cảm thấy những làn sóng hân hoan êm đềm dâng lên trong lòng mình. Tôi say sưa đàn hết bài. Có lẽ tôi giống hệt những chàng thi sĩ dại khờ, mải khoái trá với những vần thơ của mình nên cứ đọc hét lên mà không dừng lại được. Mãi đến lúc chơi xong hết cả bài, tôi mới chợt nhớ ra là không phải chỉ có mình tôi. Tôi ngẩng đầu nhìn cô gái. Sự biểu lộ trên nét mặt cô chỉ có thể làm cho tôi thích thú.

– Cô có ưng không? – Tôi hỏi nửa đùa nửa thật.

– Ưng lắm chứ, – cô kêu lên.

– Thế cô có biết bài này tên là gì không?

– Em biết, – cô trả lời dễ dàng. – Đó là « Đêm Ca-xti-li-a ».

Giá mà cô có cào xé tôi thì tôi cũng không ngạc nhiên đến sững sờ như vậy. Số là bản nhạc quả thực mang tên là « Đêm Ca-xti-li-a ». Nhưng mà ngoài tôi ra thì không có một người nào biết được điều đó, bản nhạc lại không đề tên. Tôi đăm đăm nhìn cô, tưởng như trước mặt tôi không phải là một người mà là một ảo ảnh.

— Vì sao mà cô lại biết được điều đó ? — Mãi sau tôi mới nói được nên lời.

— Em biết, có vậy thôi.

Và không để ý đến vẻ mặt thảng thốt của tôi, cô nói thêm :

— Em không giống như mọi người đâu... Em là một người điên...

2

Tôi không còn trẻ nữa. Nhưng tôi cũng chưa già. Mùa thu vừa rồi tôi bước vào tuổi bốn mươi bất hạnh ngày nay cái tuổi ấy được xem là ranh giới, bên kia ranh giới là bắt đầu thời kỳ già dặn. Có lẽ tôi trông có vẻ già hơn tuổi một chút. Cái chính là do mái tóc dày của tôi đã điểm nhiều sợi bạc và những nếp nhăn sâu trên má. Nói đúng ra tôi đâu phải là người thích sống lẻ loi, tôi biết cách trò chuyện lịch thiệp, đối xử ân cần với mọi người, thậm chí còn ưa hài hước là cái rất đối tương phản với vẻ mặt nghiêm nghị của tôi. Người ta coi tôi là một trong số những người sáng tác nhạc cho phim ưu tú nhất. Sự tâng bốc như thế cũng chẳng tốt lắm, nhưng tôi lại tránh được khó khăn về

vật chất. Tôi đã viết được một vài tác phẩm quan trọng hơn và trong đó có hai ba tác phẩm được phổ biến rộng rãi.

Tôi bẩm sinh là một người biết suy xét, ngoài âm nhạc, tôi còn quan tâm đến môn học nguồn gốc vũ trụ và vật lý thiên văn, thậm chí cả toán học nữa, vì tôi xem nó là cơ sở của mọi khoa học quan trọng. Tôi cho rằng bản chất của tự nhiên, kể cả của nghệ thuật chính là sự hài hòa. Tôi tin chắc như vậy, trong khi nghiên cứu những quy luật đơn giản nhất của tự nhiên. Còn nếu như tôi không thể phát hiện ra sự hài hòa ở chỗ nào đó thì có nghĩa là cái đó không bình thường hoặc không hoàn thiện, hoặc không thể hiểu nổi đối với tôi.

Tôi nói ra tất cả những điều đó để có thể hiểu rằng bỗng dưng tôi lại lâm vào một tình thế khó khăn như thế nào. Song tôi đâu phải là trẻ con, tôi nhanh chóng tự chủ và bình tĩnh đi đi lại lại trong phòng.

– Thế ai nói với cô rằng cô không giống như mọi người?

Tôi không thể nào đặt được một câu hỏi cho nhã nhặn hơn.

– Điều ấy đã được xác định, – cô trả lời miễn cưỡng.

Đã được xác định, thì ra thế đấy. Có lẽ tôi là người vụng về, nhưng chưa ai bảo tôi là người không tế nhị. Tôi muốn hỏi cho cặn kẽ. Hình như cô cũng nhận thấy điều đó, nên tự nhiên cô nói thêm:

– Thậm chí em còn chẳng có nơi nào mà sống nữa chứ, em sống trong nhà thương điên..., cho nên em chẳng đi được đến đâu.

– Cô ở đó trốn đi phải không?

— Không, không, — cô cãi lại, vẻ không bằng lòng. — Em chỉ nghỉ đêm ở đó thôi, còn ban ngày em đi làm. Em là bệnh nhân nội trú, các bác sĩ bảo vậy.

Tôi vẫn biết trên đời này có những người điên nội trú. Chắc là cô mới bị rối loạn thần kinh chút ít thôi, những người như thế này ta có thể gặp ở bất cứ đâu, thậm chí ngay cả trong Hội nhạc sĩ chúng tôi nữa. Tôi chưa thấy ở cô có điều gì phi lý cả, thậm chí còn ngược lại nữa kia. Nói cho đúng thì hành vi của tôi mới là lạ lùng.

— Thế ai điều trị cho cô ?

— Bác sĩ của em là bà I-u-ru-cô-va, — cô đáp và vẻ mặt bỗng nhiên tươi lên.

— Việc này có hay xảy ra không ? Là tôi nói việc cô không về nhà ấy mà.

— Cũng không mấy khi... Bà ấy chẳng khi nào giận em cả. Nhưng các bác sĩ khác thì tất nhiên là hay mắng mỏ em, nhất là ông bác sĩ Xtơ-re-dốp ấy. Ông ta bảo đây là bệnh viện chứ không phải là ký túc xá.

Hình như tôi mỉm cười, thấy thế, cô vội vàng nói thêm :

— Em hiểu, không có kỷ luật không được. Nhưng mà em không thể không chạy trốn. Bà I u-ru-cô-va ấy mà, bà cho rằng điều ấy cũng có lợi đấy. Ai mà chẳng muốn giống như mọi người, có phải không nào ?

Tôi nhìn cô phân vân. Cô nói năng hết sức hợp tình, hợp lý. Nét mặt cô lúc đó tỏ ra bình thản và thuần khiết. Lẽ nào cô lại đánh lừa tôi nữa sao.

— Chẳng lẽ cô không giống như mọi người ư ?

— Không giống hoàn toàn. Em thường hay lên cơn Chắc ông có nghe nói đến tình trạng phân đôi của cá

nhân rồi chứ ? Mỗi khi việc đó xảy ra với em thì em vẫn biết cái gì là thật, cái gì là tưởng tượng.

Những hồi tưởng chắc là đang giày vò cô, cho nên mặt cô tự dưng tối sầm lại. Tôi hiểu là phải tránh cho cô khỏi câu chuyện khó chịu này.

— À mà ai mời cô đến đó nhỉ? Tôi muốn nói là đến tiệm ăn ấy mà.

— Không ai mời cả.

— Sao lại không ai mời là thế nào ?

— Thì.. không ai mời chứ sao ! Thỉnh thoảng em muốn có nặt trong một gian phòng đẹp, bên cạnh những người ăn mặc lịch sự. Lúc đó em nghĩ rằng em đẹp và bình thường, chẳng sao cả. Em biết những người bình thường có thể kiềm chế được những mong muốn kiểu đó. Nhưng em thì lại không thể, vì em còn chưa phải là người hoàn toàn bình thường. Em đến tiệm ăn và ngồi ngay cạnh chiếc bàn đầu tiên. Điều đó thật dễ dàng. Ai cũng tưởng có một người nào đó đã mời em.

— Cũng chẳng dễ dàng thế đâu, — tôi nhận xét.

— Đúng là không dễ dàng đối với những người có văn hóa như ông kia, còn những người bình thường như chúng em lại khác. Cũng vì thế nên em mới vào ngồi trong xe của ông. Thử hỏi em còn biết làm gì được nữa.

— À, tất nhiên là vậy, — tôi trả lời và lần này tôi nói rất dịu dàng. Một lát sau tôi hỏi : Dù sao cô cũng cho biết cô đã làm thế nào mà đoán ra là « Đêm Ca-xti-li-a » ?

— Em cũng không biết nữa, — cô miễn cưỡng nói.— Bản thân em không phải bao giờ cũng hiểu được là

cái đó xảy ra với em như thế nào, và vì sao mà em lại hiểu đâu.

Chà, có lẽ không thể hỏi cô ta được điều gì nữa. Vì thế, tôi nói với cô không được lịch sự cho lắm:

— Cô sẽ ngủ ở phòng này. Khăn trải giường để trong tủ kia. Tôi nghĩ là cô tự thu xếp được chứ?

— Vâng, tất nhiên là thế, — cô luống cuống đáp.

Nhưng nhìn nét mặt, tôi biết là cô cảm thấy nhẹ nhõm. Cô có khuôn mặt rất gợi cảm, có thể đọc trên nét mặt cô như đọc trong sách vậy. Tôi biết là vì sao cô thấy nhẹ nhõm trong lòng. Đêm nay cô không phải trả tiền ngủ trọ.

Tôi vào trong phòng ngủ, nhưng nằm mãi vẫn không sao ngủ được. Tôi cố gắng cắt nghĩa vì sao cô lại có tình cảm ghê gớm như vậy. Dĩ nhiên, bản nhạc tôi đàn có gợi nhớ một cái gì đó rất Tây Ban Nha. Nhưng xa lạ như thế thì làm sao đoán được. Chỉ có nhà chuyên môn thật giỏi mới có thể xác định được điều đó qua những âm điệu riêng biệt. Không làm gì có đêm Ca-xti-li-a nào hết, cố nhiên là thế rồi. Thậm chí tôi cũng không có cả cái khái niệm về đêm Ca-xti-li-a nữa kia. Giống như mọi khách du lịch, tôi đã trải qua những đêm ở Ma-đrít, trong các quán rượu khác nhau. Và cũng chẳng có lần nào tôi lại nhìn lên trời để ngắm các vì sao đêm và việc ấy phỏng có ý nghĩa gì. Bầu trời trên thành phố Ma-đrít không có gì khác với bầu trời trên thành phố phố Xô-phi-a hay thành Pa-ri, hay bất kỳ thành phố nào khác. Còn đêm thì cũng na ná như nhau trong cái thế giới đã quy phạm hóa của những quán rượu quy phạm và những thứ đồ uống quy phạm. Và cho dù ở các nước, chúng có khác nhau về khẩu vị đến mấy đi nữa, thì rốt cuộc, chúng cũng làm thành một thứ

cốc-tay hệt như nhau mà thôi. Đối với tôi thì đằng nào cũng vậy, dù tôi ở Vê-nê-tô hay trên những cánh đồng Ê-li-xây. Lâu dần tôi cũng mất cả hứng thú đối với những chuyến du lịch mà trước kia tôi vẫn hằng khao khát.

Tuy nhiên, hình như đã có một đêm Ca-xti-li-a đích thực. Vâng, đúng như vậy thật, thế mà tôi đã hoàn toàn quên bẵng mất đêm hôm đó. Có lẽ chính khi ấy mô-típ chủ đạo hoặc giả cái nhan đề đã nảy sinh trong đầu tôi cũng nên. Tôi không còn nhớ rõ điều đó nữa, nhưng tôi vẫn còn nhớ như in cái buổi tối hôm đó. Chúng tôi từ E-xcu-ri-an trở về bằng xe hơi của cơ quan đại diện thương mại. Lúc ấy chạng vạng tối, bầu trời đen sẫm lại, những ánh đèn thắp sớm hắt qua cửa sổ làm cho mặt trước các ngôi nhà, đang lướt nhanh qua dọc hai bên đường, khác nhau chút ít. Chúng tôi rẽ vào một tiệm ăn nho nhỏ, cũ kỹ và nhếch nhác. Trên các mặt bàn không phủ khăn, và trên nền nhà còn vương vãi những mẩu thức ăn thừa, đầu cá, càng tôm có vẩy hồng hồng. Trong tiệm cố nhiên không có một khách du lịch nào, chỉ có mấy người công nhân làm đường đang ngồi lắc lư bên quầy rượu. Đó là mấy chàng trai mặc bộ áo quần may liền và đội mũ bảo hộ màu vàng. Họ đã say ngà ngà, nhưng còn khá điềm đạm so với tính khí người Tây Ban Nha. Sự có mặt của bà chủ tiệm rõ ràng đã ghìm giữ họ lại. Bà ta đã đứng tuổi, trông giống như một người Đức, có mái tóc hung và khuôn mặt to rộng. Giữa lúc chúng tôi còn đang ngần ngại chưa biết có nên nghỉ lại hay không thì nghe thấy một giọng nữ lanh lảnh:

— Xin mời các quý ngài vào, các quý ngài dùng gì ạ?

Một lúc mà có những bốn người khách nước ngoài thì không thể nào để sểnh được. Bà chủ ra đón chúng tôi và thế là chấm dứt luôn cả sự lưỡng lự của chúng tôi. Bà chủ hơi hiếng mắt, cái đó lại làm bà dễ coi hơn.

– Chúng tôi ngồi ở ngoài sân được chứ? – Người bạn đi cùng chúng tôi lên tiếng.

– Thưa quý ngài, xin tùy ý quý ngài, – bà chủ mỉm cười đáp, – mặc dù ở đây có mùi dồi lợn, còn trong kia lại có mùi dầu xăng.

– Không sao đâu, chúng tôi đành liều vậy.

Chúng tôi ngồi quây quanh một chiếc bàn gỗ rộng trên mặt bàn rải rác những chiếc lá khô và cứt chim. Đô-nhi-a Pê-la-gây-a lau tất cả những cái đó bằng một cái dẻ không lấy gì làm sạch rồi trải chiếc khăn bàn làm bằng giấy lên. Chúng tôi gọi rượu Khê-rét, một thứ rượu vang mạnh và thơm, có màu sắc gợi ta nhớ đến rượu Cô-nhắc. Bà chủ mang rượu ra một cách trịnh trọng cẩn thận đặt lên bàn một cái chai rất đẹp.

– Thứ ngon nhất mà tôi có đấy ạ, – bà kiêu hãnh nói. – Xin chúc các vị ngon miệng!

Rượu Khê-rét Tây Ban Nha chính cống là một thứ rượu vang ngon tuyệt. Chúng tôi uống cạn đến chai thứ hai, thậm chí còn nếm thử cả món dồi lợn giống như một khúc ruột đầy mỡ hóng và ấu trùng của bọ dừa. Tôi thử đụng đến món này cũng hoàn toàn vì tò mò. Nó không thể nào so sánh với thứ dồi ở ta vẫn làm trong dịp lễ nô-en. Chúng tôi im lặng. Trời đã tối hẳn, nhưng lại không có trăng. Chính lúc đó cũng là lần đầu tiên tôi nhìn thấy những vì sao lớn Ca-xti-li-a đang sáng lấp lánh trên đầu chúng tôi. Vâng, mọi việc

đúng là như thế. Nhưng cái mô-típ hiện ra trong đầu tôi sau này thì lại không phải do những vì sao, mà do thứ rượu vang Ca-đix vàng óng khêu gợi nên.

Song, không hiểu do đâu mà cô khách của tôi lại có những liên tưởng gần với Tây Ban Nha? Có lẽ chính cô ta cũng không biết nữa. Chẳng dễ mà lường hết được những gì lọt vào cái đầu thủng lỗ như cái rây bột? Nhưng rồi tôi cũng ngủ thiếp đi. Buổi sáng tôi thức dậy thì cô gái đã mất tăm mất tích, chẳng còn dấu vết. Có thể nghĩ là mọi chuyện đều do tôi nằm mơ nếu như trong lúc vội vã cô đã không phủ đi-văng bằng chiếc chăn lộn trái mặt trong ra ngoài. Tôi nhìn quanh xem có để thư lại không. Thư không có. Chẳng biết thêm gì ở cô, nhưng dù sao tôi cũng thấy lòng mình có phần trống trải. Thảo nào tôi không thích đối xử nhân ái với mọi người để sau đó khỏi phải thấy là mình ngây thơ. Trong đặc điểm này của tính cách con người, dù nó có hấp dẫn đến mấy đi nữa, tôi cũng thấy có một cái gì đó xúc phạm.

3

Ba ngày đã trôi qua hay nói cho đúng hơn là ba ngày kỳ lạ đã trôi qua. Dù tôi cố xua đuổi đi những hồi ức về cô gái tâm thần, nhưng một cái gì đó của cô ấy vẫn hiện ra trước mắt tôi. Tôi luôn luôn nhận thấy mình đang làm những chuyện ngu ngốc. Mấy lần tôi đã mở lầm tốc độ xe. Tôi đi dự hòa nhạc lại quên không thắt cra-vát, trông cứ như một anh chàng cẩu thả tồi tệ nhất. Có lần định đi về nhà thì tôi lại đến chỗ cô vợ cũ của tôi. Tôi nghe người ta bảo là bất kỳ bệnh gì, kể cả bệnh thấp khớp, cũng hay lây. Có lẽ như thế

thật. Vô luận thế nào đi nữa, tôi cũng cảm thấy rõ ràng có một cái gì đó không ổn.

Đến tối thứ bảy tôi lại đến tiệm ăn đêm, mặc dầu lần này tôi không hề có chút cảm giác cô đơn nào. Tôi ngồi bên chiếc bàn lần trước. Tiệm ăn khá đông người, tiếng trò chuyện rì rầm, chán ngấy vẫn cứ len lỏi vọng đến chỗ tôi ngồi. Tôi không muốn tự thú với mình là tôi đến đây có mục đích gì. Tại sao tôi không rủ bạn bè đi cùng, có phải tại tôi ít bạn bè đâu. Hay là tại tôi còn đang ấp ủ một hy vọng thầm kín nào đó. Tôi cố không nghĩ đến nữa. Nhưng dẫu sao trong đầu tôi vẫn lởnvởn ý nghĩ là tôi sẽ làm gì, nếu giả dụ cô gái bỗng đưng xuất hiện đằng sau cửa kính kia và cũng giống như lần trước, cô đi giầy không tất, mặc chiếc váy nhàu nát. Chắc là tôi sẽ len lén bỏ chạy ra tới lối cửa sau. Với một người hay e ngại như tôi thì mọi chuyện có thể xảy ra lắm.

Tôi trở về nhà, tuyệt đối tỉnh táo. Tôi lại đàn khe khẽ bản « Đêm Ca-xti-li-a ». Tôi không thấy hào hứng cho lắm, lần này bản nhạc chẳng làm tôi thích thú. Những tiết nhạc đẹp đẽ, trôi chảy đấy, nhưng hời hợt. Có lẽ tôi đã bất công với mình chăng, bởi vì cái đẹp chân chính không thể nào lại vô nghĩa được.

Ngày thứ hai tôi gọi dây nói đến bệnh viện cho bác sĩ I-u-ru-cô-va. Tôi không biết tí gì về bà ngoài tên và họ, thậm chí tôi cũng không dám tin chắc là có bà hay không nữa. Tôi nghe một giọng nữ trả lời, một giọng phát ra từ lồng ngực, đều đều bình thản đến nỗi tôi đâm ra xấu hổ và xuýt nữa thì bỏ ống nghe xuống. Tôi nhận thấy lúc này có giải thích cách nào đi nữa cũng là ngu ngốc và giả dối, chỉ có một hy vọng là may ra tên họ của tôi có làm cho bà chú ý chăng.

— Vâng, tôi có biết ông, — bà đáp, không một chút ngạc nhiên — Đô-rô-tê-a đã kể hết với tôi rồi... vì thế nên mời ông cứ đến. Tôi cũng có việc muốn nhờ ông.

Chắc là nhiều người trong các bạn đó có lần nhìn thấy tòa nhà cũ kỹ, buồn tẻ, cửa sổ bịt lưới sắt ấy. Tôi vẫn còn nhớ như in những hàng cây rất đẹp, bóng mát dịu dàng ngả xuống những lối đi. Bệnh nhân tha thẩn đi dạo chơi, hờ hững và xa xôi tựa như giải Ngân hà. Những người điên thực sự hoàn toàn tin tưởng vào tầm quan trọng của cái thế giới do họ tưởng tượng ra, còn những người điên hiền lành lại giống hệt trẻ con. Họ đã gây cho tôi một ấn tượng không phai mờ vào một lần tôi đến đây, đến nỗi tôi không muốn đến một lần thứ hai nữa, mặc dầu người ta đã kể cho tôi những liệu pháp gì đó để chống dị ứng. Còn bây giờ đây, trên đường đến bệnh viện, lòng tôi đang tràn ngập niềm kính trọng lẫn nỗi xúc động.

Nhưng rồi những gì tôi trông thấy lại làm tôi thất vọng. Tôi đang rơi vào một chỗ đỗ xe náo nhiệt, ô-tô cứ chạy đến chạy đi không ngớt, tưởng chừng như trong thành phố đang đầy rẫy người điên và bệnh nhân tâm thần. May mắn là người bảo vệ không có mặt ở cổng. Nhưng sao tòa nhà mới lại có vẻ thiếu tiện nghi ghê gớm và trông xấu xi quá thể, nó giống như mọi ngôi nhà hiện đại, đã trở nên không hợp thời ngay từ khi chưa xây dựng xong. Không ai biết phòng làm việc của bà I-u-ru-cô-va ở đâu. Trong khi tôi còn hoang mang chạy lên các tầng gác thì một đám đông người buồn bã và tất bật vẫn đang quay cuồng trước mặt tôi như trên một chiếc đu quay. Điều làm tôi ngạc nhiên hơn cả là các bệnh nhân mặc áo bờ-lu kẻ sọc bằng vải sợi bông, nét mặt xem chừng bận rộn,

trông họ cứ như không phải là người nữa, mà là đàn cừu bị đưa đến đây để cắt trụi lông, rồi thả ra tùy theo công việc cần thiết. Các bác sĩ tay cầm bút máy, băn khoăn chạy qua lại chạy trong đám bệnh nhân; không ai chú ý đến ai và không ai chào hỏi ai.

Liệu tôi có quá đa cảm hay không nhỉ? Thế giới đã biến đổi khôn lường chăng trong khi tôi còn mải mê gõ đàn dương cầm? Cuối cùng, một nữ hộ lý đã chỉ dùm tôi một cái cửa trong vô số cửa không đánh số và không treo biển. Tôi gõ cửa và bước vào. Nói cho đúng thì cũng chẳng có chỗ mà bước vào nữa. Một phòng nhỏ như phòng xép, lại chất đầy nào đi-văng, nào ghế và một thứ gì đó hình thù kỳ quái, ở giữa phình ra, dùng làm bàn viết, bên ngoài phủ một lớp mỏng sơn dầu, đôi chỗ đã long tróc, nên trông nó giống như cái bàn bẩn thỉu, nhem nhuốc ở nhà bếp.

Ngồi đằng sau bàn là một phụ nữ đã đứng tuổi, mặc áo bờ-lu bệnh viện. Đằng sau bà có một cái bình cầu cực lớn đựng ô-xi lỏng, lù lù như một vệ sĩ. Do bối rối và buồn bực nên trong giây phút đầu tiên ấy, tôi đã không nhìn rõ bà. Tôi lắp bắp xưng tên, họ. Bà gật đầu mời tôi ngồi. Tôi đành phải ngồi xuống đi-văng, vì chật chội nên cả hai ghế đều để quay ra cửa. Mãi đến lúc này tôi mới có thể nhìn kỹ bà. Bà trạc năm mươi tuổi, khuôn mặt vàng màu sáp ong, nhưng không còn vết tích của mật ong nữa, nó nhẵn nhụi, nhợt nhạt như thiếu máu, trên mặt không một nếp nhăn, giống hệt khuôn mặt làm bằng sáp ong ở Viện bảo tàng. Ấn tượng này càng mạnh thêm do bộ ngực con gái nhô cao, căng tròn một vẻ hoàn hảo và bất động, giống như được đắp nặn vậy.

Bà ngả người tựa vào ghế và bất ngờ bật cười, không hiểu sao tôi cảm thấy tiếng cười ấy buồn thảm như báo điềm gở, mặc dầu tôi nhận ra ngay là nó cũng vui vẻ, hiền lành thôi. Thần kinh tôi căng thẳng, tự nhiên tôi e ngại không biết có sa vào cạm bẫy mà bọn họ và Đô-rô-tê-a khéo léo xếp đặt trước hay không.

— Thưa ông Ma-nhép, xin ông cứ yên tâm, — bà nói. — Không có gì đáng ngại đâu.

— Vì sao bà lại nghĩ là tôi đang xúc động? — Tôi thận trọng hỏi.

— Nhìn nét mặt ông là tôi biết. — Theo tôi thì có những dấu hiệu rõ ràng là ông bị rối loạn thần kinh.

— Xin lỗi, không phải tôi đến đây để điều trị! — Tôi nói, vẻ ác cảm.

— Tôi biết là như thế, — bà đáp. — Nhưng nếu vậy thì ông đến có việc gì?

Câu hỏi của bà dồn tôi vào ngõ cụt. Tôi hình dung trước một cuộc trò chuyện thân mật kia. Nhưng cũng có thể là do lỗi của tôi nên câu chuyện mới mở đầu một cách gay gắt vậy. Hơn nữa, trong lúc chúng tôi còn đang trao đổi với nhau những câu như thế thì lại có mấy cái đầu cứ thập thò ở cửa, những cá nhân nào đó mặc áo bờ-lu trắng bệnh viện đang hỏi han người nào đó, cứ như là trong tòa nhà to lớn này không có ai chịu ngồi yên chỗ của mình cả.

— Tôi muốn được thưa chuyện về cô Đô-rô-tê-a, — tôi đáp, — về tình trạng sức khỏe của cô ấy. Dĩ nhiên là nếu điều đó không làm trở ngại đến công việc của thầy thuốc.

— Tôi không có điều gì phải giữ bí mật cả, — bà I-u-ru-cô-va nói. — Nhưng hình như cô Đô-rô-tê-a đã làm ông bị xúc động phải không?

— Nếu bà cho rằng cô ấy đã làm tôi hoảng sợ thì... — tôi bắt đầu nói.

— Thế khi ở trong xe?

— Cô ấy kể hết với bà rồi hay sao?

— Chúng tôi đã quy ước với nhau mà, — bà đáp. — Đêm hôm đó ông đã xử sự rất tế nhị, và cũng rất nhân ái. Vì thế không có nguyên nhân nào khiến tôi phải giấu diếm ông bất cứ điều gì. Trong thời điểm này, cô ấy thực tế đang khỏe mạnh. Tôi đã quan sát năm, sáu năm nay rồi, cô ấy hay bị những cơn thần kinh phân lập nhè nhẹ, cố nhiên là theo chu kỳ. Tôi cứ tạm gọi đó là những ý nghĩ luôn luôn ám ảnh tâm trí để ông hiểu rõ hơn. Cô ấy tưởng tượng mình là một trong số những nữ nhân vật của các cuốn sách cô ấy đọc. Ví dụ như I-ri-na trong truyện «Thuốc lá» hoặc Cô-dét trong cuốn «Những người khốn khổ». Gần đây nhất, cô ấy nhập vào hình tượng Ta-ít và rất tiếc là chuyện này kéo dài khá lâu. Nhưng trong vòng sáu tháng nay cô ấy chưa bị tái phát lần nào.

— Hoàn toàn không tái phát?

— Cứ cho là như thế.

— Theo bà nhận xét thì nguyên nhân bệnh của cô ấy là gì?

Bà liếc nhìn tôi rất nhanh, khó mà nhận thấy được. Cái nhìn ấy giống như mũi dao kim cương miết trên mặt kính.

— Chuyện đó rồi tôi sẽ nói với ông, — bà dè dặt trả lời, — có lẽ cứ để ông biết lại hơn. Lúc nhỏ, cô ấy đã

hai lần bị chấn động thần kinh rất mạnh. Năm cô ấy mười một tuổi, một chiếc xe ô-tô đã cán phải ông bố ngay trước mặt cô ấy. Ông bố chết ngay tức khắc. Bà mẹ đi lấy chồng khác. Cuộc sống trong cái gia đình mới này chẳng được bao lâu, đến lúc không thể nào kham nổi nữa thì cô ấy đến ở với ông bác. Năm cô ấy mười ba tuổi, như ta vẫn nói là lúc bước chân vào thời kỳ con gái, thì ông bác đã toan làm cho cháu gái mất trinh.

Bà I-u-ru-cô-va im lặng mấy giây, nét mặt trở nên đăm chiêu. « Chà, câu chuyện quả là bỉ ổi, – tôi bàng hoàng suy nghĩ. – Giá tôi đừng hỏi còn hơn ».

– Nhưng tôi vẫn nghĩ là nguyên nhân căn bệnh của cô ấy không phải tại chuyện đó, – bà I-u-ru-cô-va nói tiếp, – mặc dầu mọi việc đều có liên quan với nhau. Ông cứ thử nghĩ mà xem, ở đây hẳn là có vai trò của một số yếu tố di truyền. Nhưng mà bây giờ cô ấy đã cảm thấy khỏe mạnh rồi, ta đừng nhắc đến chuyện gở nữa. Mong sao đừng có điều gì gây ra phản ứng thần kinh mới nữa là được.

Bà im lặng, không nhìn tôi, nhưng trong giọng nói của bà tôi cảm thấy có sự ân cần.

– Thưa bà, vì sao bà chưa cho cô ấy xuất viện? – tôi hỏi.

– Nhưng cô ấy sẽ sống ở đâu mới được? Ở nhà ông bác ấy à? Hay về ở với bà mẹ còn tồi tệ hơn cả dì ghẻ ấy? Tôi đã phải viện đủ mọi lý do để giữ cô ấy ở lại đây. Tôi làm ra vẻ như cần có cô ấy để thí nghiệm khoa học. Nhưng cũng không thể cứ kéo dài mãi như thế được. Hoàn cảnh này quả thực nguy hiểm cho cô ấy. Cũng thật đáng sợ mỗi khi nghĩ đến những gì đang đợi cô ấy trong tương lai.

Tôi cũng hơi hoảng. Chẳng phải tôi đã quá nông nổi khi bước vào con đường mà mình chưa biết hay sao? Vì sao tôi lại đến đây, chẳng lẽ chỉ để chuốc lấy những điều khó chịu ư? Tôi vừa chợt nghĩ là phải từ bỏ chuyện này thôi thì bà đã bất ngờ hỏi:

— Hình như ông cũng có điều gì muốn nói phải không?

— Vâng, vâng.

Và thế là tôi miêu tả một cách quá ư sôi nổi cho bà nghe việc Đô-rô-tê-a đoán được tên bản nhạc « Đêm Ca-xti-li-a » của tôi. Tôi cảm thấy rõ hơn là tôi nhận thấy, rằng câu chuyện của tôi không gây cho bà ấn tượng gì đặc biệt cả. Vả lại tôi cũng hiểu là tôi nói năng lúc này không mạch lạc cho lắm.

— Không có gì lạ lùng đâu, — bà I-u-ru-cô-va thản nhiên nói. — Chỉ có một điều đơn giản là cô ấy đọc được ý nghĩ của ông. Hồi đầu tôi cũng sửng sốt về chuyện đó, nhưng lâu nay tôi đã quen rồi.

Có phải bà vừa nói là chuyện này không có gì lạ phải không ạ? — Tôi ngạc nhiên nhìn bà.

— Vâng, đây là thần giao cách cảm chứ không phải chuyện tưởng tượng tào lao đâu. Cô Đô-rô-tê-a thỉnh thoảng vẫn có những phán đoán kỳ lạ. Ai mà biết trước được, rất có thể là vài ba thế kỷ nữa, thần giao cách cảm sẽ là hình thức giao tiếp bình thường giữa mọi người cũng nên.

— Vâng, sau vài ba thế kỷ nữa cũng có thể là như vậy, — tôi lẩm bẩm. — Nhưng chúng ta lại đang sống ở thế kỷ hai mươi. Và chưa chắc cô ấy đã biết Ca-xti-li-a ở đâu.

— Ông đừng có xem thường cô ấy. Cô ấy đọc nhiều sách lắm. Tôi còn chưa cho phép cô ấy đọc tiểu thuyết

nhất là những tiểu thuyết hay. Nhưng ngoài cái đó ra thì cô ấy đã ngốn ngấu tất cả những gì rơi vào tay, kể cả sách y học của tôi nữa. Nhờ có trí nhớ đặc biệt, cô ấy còn hiểu kỹ một số tác phẩm hơn cả nhiều bạn đồng nghiệp của tôi cơ đấy.

— Chắc hẳn cái đó cũng chẳng khó khăn lắm, — tôi mỉm cười.

Nhưng người đang tiếp chuyện tôi hình như không hiểu cái ý bóng gió của tôi.

Cô ấy không nhớ một cách máy móc đâu, — bà nói tiếp. — Bản năng giúp cô ấy đắc lực ở chỗ nào cô ấy không đủ kiến thức hoặc lô-gích. Nói chung, Đê-rô-tê-a là một cô gái rất hay, một người kiên nghị đấy.

Tôi thật không ngờ lại được nghe nói như thế.

— Xem ra cô ấy có vẻ nhút nhát, — tôi đáp.

— Chưa ai bảo cô ta là xấc xược cả. Nhưng nếu ông cho là cô ấy yếu đuối thì ông nhầm to rồi. Cô ấy rất giỏi chịu đựng, thậm chí ngay cả về thể lực nữa. Các bạn đồng nghiệp của cô ấy đều ngạc nhiên khi thấy cô ấy sử dụng máy dập rất nhẹ nhàng.

— Cô ấy làm việc ở đâu ạ?

— Ở xưởng máy. Cô ấy dập các chi tiết hay một cái gì đại loại như vậy. Công việc thì vẫn là công việc, nhưng tôi vẫn nghĩ là công việc này không được thích hợp lắm với cô ấy. Nó quá ư đơn điệu, không kích thích được trí tưởng tượng. Thế mà trí tưởng tượng của cô ấy lại rất đỗi linh lợi, nó cần có thức ăn liên tục. Nó vẫn phải có thứ gì đó, nhưng dù thế nào cũng không phải là những ước mơ huyền hoặc. Chính cũng vì thế nên tôi muốn phiền đến ông... Ông là người quen biết rộng, liệu ông có thể tìm giúp cho cô ấy một công việc thích hợp hơn được không?

— Công việc như thế nào chẳng hạn?

— Ví dụ như làm búp-bê, vẽ chén tách, lọ hoa. Cô ấy có đôi bàn tay vàng đấy.

— Tôi sẽ cố gắng tìm, — tôi đáp, — nhưng bà hãy khoan chớ nói với cô ấy vội. Tôi không muốn làm cô ấy buồn phiền ngộ nhỡ không có kết quả.

— Cô ấy chẳng buồn đâu. Bây giờ cô ấy làm ở đâu cũng được và bao nhiêu tiền cũng thế thôi. Đối với cô ấy tiền chẳng qua chỉ là những tờ giấy. Trong những công việc của đời sống, cô ấy rất không thực tế.

— Ồ, không hẳn thế đây. Đêm hôm đó, cô ấy đã biết định hướng rất giỏi trong mọi tình huống.

— Đó là bản năng thì đúng hơn. Ở đâu mà lý trí tỏ ra bất lực thì ở đó thiên nhiên huy động những sức mạnh tiềm tàng, bí ẩn. Tôi thường quan sát thấy một cái gì tương tự như vậy ở các bệnh nhân của tôi. Và tuy là bác sĩ, tôi vẫn chưa thể cắt nghĩa được điều đó.

Tôi rời bệnh viện trong tình trạng hết sức bối rối. Những lời nói sau cùng của bà I-u-ru-cô-va cứ bám riết lấy tôi không chịu rời, y hệt những gã ăn mày chán ngấy. Tôi cứ tưởng ngồi vào ô-tô là thoát nạn. Nhưng tôi đã thất bại. Chúng tự thu xếp lấy chỗ ngồi ở ghế đằng sau và tiếp tục làm tình làm tội tôi với những câu hỏi và những ước đoán kỳ quặc. Tôi mở ra-đi-ô to hết cỡ. Kết quả vẫn y nguyên như cũ. Nếu quả thực thiên nhiên biết sáng tạo, như bác sĩ I-u-ru-cô-va khẳng định, thì trong trường hợp này nó đã chọn cho tôi con đường hoàn toàn bí ẩn.

Một tuần lễ nữa lại trôi qua. Thành tích duy nhất của tôi trong thời gian vừa qua là đã rứt khoát đuổi nỗi cô đơn ra khỏi nhà. Tôi không còn sống trong cảnh trơ trọi một mình nữa. Đê-rô-tê-a dường như đang sống vô hình ở trong tôi, ở bên cạnh tôi, mặc dầu đây không phải là con người cô, thậm chí cũng không phải là hồi niệm. Hồi niệm không do những điều dễ chịu mà có, nên tôi cố xua đuổi nó khỏi bản thân mình. Ở vị trí cũ của nó vẫn còn lắng đọng lại một chất cặn gì đó, một tình cảm mơ hồ và nặng nề, nhưng lại sống động. Tình cảm đó là như thế nào? Thật khó nói. Nó là sự trách cứ cay đắng chăng, nó là nỗi hổ thẹn vì thái độ dửng dưng quen thuộc của mình chăng. Trong thâm tâm tôi thấy mình đang trò chuyện không dứt nhưng không phải với cô mà với chính mình. Tôi định tìm hiểu xem chuyện gì đã xảy ra. Chẳng có gì thay đổi so với trước kia ngoài việc tôi không sống lẻ loi nữa. Đô-rô-tê-a đã xua đuổi nỗi cô đơn đi rồi. Mọi việc rồi sẽ đâu vào đấy, nếu như chính cô không chiếm vị trí của nó. Nỗi cô đơn không thể thay thế bằng sự hoang mang, bối rối được.

Có một lần vào ban đêm, tôi trằn trọc mãi trên giường không tài nào ngủ được, tôi ráng sức mường tượng lại khuôn mặt của cô. Cũng thật lạ, tôi không thể hình dung được rõ ràng, xác thực một nét nào trên mặt cô. Giá có gặp cô ở ngoài phố trong một bộ cánh khác thì chắc là tôi không nhận ra được.

Không, cô đâu phải là người không có bản sắc riêng. không thể nào nói về cô như vậy được. Thế là tôi nhớ ra, mũi cô thon dài, môi nhỏ nhắn và nhợt nhạt,

tóc thả xuống như tóc của Mô-na Li-da. Nhưng mà đó chưa phải là những nét ổn định, mặt cô biến đổi không ngừng, nó giống như bề mặt một dòng sông, khi thì có những vệt nắng lóng la lóng lánh, khi thì có những bóng mây trôi ngược xuôi. Gương mặt cô dường như phản ánh cái thế giới bên ngoài mà không biểu lộ một chút gì của mình cả. Chắc chắn là trong sự biến đổi thường xuyên này có chứa đựng vẻ quyến rũ lạ lùng của gương mặt cô.

Kể từ buổi tối hôm đó, khi chúng tôi gặp nhau lần đầu tiên, thấm thoát đã hơn một năm rồi. Giờ đây cô không còn nữa, tôi vừa kinh hoàng, vừa đau đớn, chua xót cảm thấy là tôi không còn nhớ lại được khuôn mặt cô mặc dầu có bao nhiêu điều kỳ lạ, khác thường đã xảy ra với chúng tôi. Và cũng chẳng phải chỉ riêng khuôn mặt mà không một dấu vết nào, thậm chí cả vết máu có lần tôi nhìn thấy, đỏ nhạt và loang như nước anh đào cũng không còn đọng lại trong tâm trí tôi nữa. Hình như cô không tồn tại mặc dầu trong thế giới này không có ai giống cô. Cô hoàn toàn như giấc mơ, như sự hoang tưởng của một đầu óc cuồng nhiệt và mệt mỏi. Lúc này có thể nghi ngờ tất cả. Và không tin một điều gì. Không tin một điều gì ngoài sự thật về cô.

Vậy mà con tạo trớ trêu, như người ta thường nói trong những trường hợp như thế này, không ngờ tôi lại nhanh chóng và dễ dàng làm được cái việc mà bà I-u-ru-cô-va yêu cầu. Tôi gọi dây nói cho bà ngay tức khắc, bà thực lòng lấy làm vui sướng, tất nhiên là bà hứa sẽ cho Đô-rô-tê-a đến ngay chỗ tôi. Nhưng rồi mấy ngày sau Đô-rô-tê-a vẫn chưa thấy đến. Tôi không nhớ chính xác những gì tôi đã trải qua

trong những ngày đó: hồi hộp chờ đợi hay là bất giác sợ hãi. Nhưng không có lúc nào tôi cảm thấy bối rối, hoang mang như trước đó nữa. Tuy nhiên, trí óc tỉnh táo và lành mạnh của tôi vẫn khuyên tôi, dù có thế nào đi nữa cũng chớ có thúc đẩy nhanh sự kiện. Trong thế giới này, chẳng đi đâu mà vội, mọi con đường cho con người đều đo đạc cả rồi. Bởi thế dù có sốt ruột đi nữa, tôi cũng không gọi dây nói cho bà I-u-ru-cô-va lần thứ hai. Cứ mặc cho số phận định đoạt chứ cưỡng lại nó làm gì.

Đợi mãi rồi một ngày kia tự Đô-rô-tê-a đã xuất hiện. Cô gọi dây nói:

— Ông Ma-nhép đấy phải không ạ?

Tôi nhận ngay ra tiếng cô.

— Tôi đây. Sao mà mãi không thấy cô đến?

Hình như giọng nói hơi mạnh của tôi khiến cô lúng túng!

— Ấy chết, em đã gọi đến mấy lần rồi mà.

Lúc đó tôi nghĩ là cô nói dối. Sau này tôi mới hiểu là trong mọi thói xấu của con người thì thói xấu này ít thấy ở cô nhất.

— Cô gọi vào lúc nào?

— Vào giờ nghỉ ăn trưa ạ.

Cố nhiên vào giờ đó là tôi cũng đi ăn rồi chứ đâu còn ở nhà.

— Thôi được rồi, — tôi nói. — Cô đến chỗ tôi ngay bây giờ nhé. Tôi có tin rất hay để báo cho cô đấy.

— Ngay bây giờ thì em không đến được. — Cô trả lời rụt rè. — Em còn đang làm việc vì em gọi ông ở điện thoại tự động mà.

– Hãy quẳng tất cả đấy, – tôi ra lệnh, – cô đến đây ngay đi, tôi đã tìm được cho cô một công việc khác rồi.

Sau một thoáng do dự, cô bằng lòng. Ngày hôm đó tôi còn nhớ là trời rất lạnh. Cô vẫn mặc bộ quần áo lần trước. Tôi thấy cô xanh tái đi vì lạnh, cứ như là cô ngồi qua đêm trên ghế vườn hoa. Ai mà biết được, có thể cô đã ngủ đợ ở một chỗ nào đó trong công viên. Có lẽ vì thế nên tôi cảm thấy mũi cô dài thêm, nó phối hợp với đôi mắt tròn dễ tạo cho khuôn mặt một vẻ ngỡ ngàng thế nào đó. Không thể nói là cô đẹp, nhưng cứ nhìn hình dáng bên ngoài của cô lại khó mà bảo là bình thường, không nói được. Sau này khi tôi hay đi với cô đến các tiệm ăn, tôi nhận thấy bạn bè và người quen của tôi mới gặp cô lần đầu, đều ngắm cô với một vẻ thích thú, thậm chí còn thán phục nữa.

– Thưa ông, công việc gì vậy? – Cô hỏi ngay từ ngoài cửa.

– Chép lại các bản nhạc... Cô chưa bao giờ làm việc này nhỉ?

– Chưa ạ. Chẳng lẽ cái đó cũng là công việc hay sao? – Cô ngạc nhiên kéo dài giọng.

– Thì cũng là công việc chứ sao. Cô đừng ngại, cô sẽ học làm được. Cô có năng khiếu mà.

– Hay thật đấy, – cô tự lự đáp, – những nốt nhạc. Thôi được ạ, nhưng làm ở đâu kia?

Tôi có những người bạn làm ở Nhà xuất bản âm nhạc, bố trí cho cô đến làm ở đó thì không có gì là khó. Có cô gái tân tiến nào lại muốn hại mắt vì những bát độ và những dấu thăng kia chứ! Chép các nốt nhạc là một công việc tỉ mỉ, đòi hỏi phải cẩn thận, cần cù. Tôi cũng không biết tại sao tôi lại tự kỷ ám thị rằng cô làm tốt việc này.

– Em muốn làm ngay bây giờ! – Cô nói rất hào hứng.

– Tốt lắm, hôm nay tôi sẽ đưa cô đến đó ngay, dù chỉ cốt là giới thiệu với ông giám đốc.

Nhưng nhìn cô kỹ hơn, tôi chợt hiểu là tôi đã quá hấp tấp.

Với chiếc váy nhàu nát và bộ mặt xanh xao, trông cô giống như cô hàng hoa trong đám các cô gái bán hoa trên các phố hồi trước cách mạng.

– Cô có thể thay bộ quần áo khác được không nhỉ? – Tôi hỏi.

– Không được ạ, em để tất cả quần áo ở nhà cô bạn.

– Cô đến đó lấy về đi.

– Không được ạ, em không thể! – Mặt cô chợt buồn bã.

– À mà cô có sẵn tiền đây không?

– Ở xưởng chúng em mấy hôm nữa mới có lương.

– Thế thì không xong rồi. Cần phải mua sắm các thứ ngay trong ngày hôm nay cơ. Tôi sẽ đưa cô mượn tiền đã rồi cô trả sau.

– Nhất định em sẽ trả, – cô bằng lòng ngay.

Tôi định để cô đi một mình, nhưng sau tôi nghĩ lại. Tôi hiểu rõ hơn cô là khi một thiếu nữ thanh lịch đến làm việc ở Nhà xuất bản trông phải như thế nào. Nhưng cũng không hẳn chỉ vì lẽ đó. Lúc này tôi đang hào hứng, đang muốn tự mình làm lấy mọi việc. Nhưng tại sao từ trước đến nay chưa bao giờ tôi có được niềm mong muốn như thế nhỉ? Tôi đưa cô đến cửa hàng « Va-len-ti-na ». Chiếc áo tôi mua cho cô là hàng ấm, gần như là hàng mùa đông, nhưng hôm nay

tôi cứ muốn làm cho cô ấm áp. Khi cô từ trong phòng thử áo bước ra, nét mặt cô có phần lúng túng.

– Trông có đẹp không ạ? – Cô hỏi, vẻ nghi ngờ.

Cũng chẳng có gì đặc biệt, áo loại thông thường, hàng may sẵn, mặc dầu là hàng tốt. Tuy nhiên, chiếc áo lại ăn ý một cách tuyệt diệu với vóc người cân đối như người mặc áo mẫu của cô. Chúng tôi còn mua thêm giày và ít thứ lặt vặt khác. Chúng tôi dạo quanh mấy cửa hàng. Cô nhận mọi thứ cứ tự nhiên như không, khiến cho tôi cũng hơi bực mình. Lúc còn thanh niên, tôi sống khá vất vả, nên tôi không ưa những người nào nghĩ rằng những thứ họ có được mà không mất tiền mua là lý đương nhiên, cứ như là những thứ đó tự trên trời rơi xuống vậy. Nhưng cũng có thể là quả thực cô không hiểu giá trị của tiền bạc và đồ vật, đúng như bà I-ru-cô-va đã nói với tôi. Cô không một lần nào hỏi giá bao nhiêu tiền, không ngó đến tích-kê, cô cứ coi mọi thứ như là một cái gì đó tất nhiên, cũng giống như con bồ câu trước những hạt đại mạch vương vãi quanh nhà máy rượu bia.

Buổi sáng tôi chưa kịp ăn lót dạ nên chẳng bao lâu đã thấy đói. Chúng tôi ăn qua loa ở quán bia trong khách sạn «Bôn-ga-ri-a» rồi trở về nhà. Tôi bắt đầu kiên trì giảng giải cho cô biết cách chép các nốt nhạc, thậm chí còn chép cho cô xem hai ba dòng trong bản nhạc «Đêm Ca-xti-li-a». Cô chăm chú theo dõi tôi làm rồi sau đó tự cô chép thử. Tôi rất ngạc nhiên vì những nốt nhạc cô chép giống y như những nốt nhạc tôi chép. Chúng tôi cứ thế mải mê làm trong khoảng hai tiếng đồng hồ mà không để ý đến thời gian đang trôi. Khi tôi nhìn đến đồng hồ thì đã gần sáu giờ tối.

— Cô Đô-rô-tê-a này, cô nghe tôi nói nhé. Đến giờ tôi phải đi họp mất rồi. Độ chín giờ tôi về. Cô cứ ngồi đây làm việc và đợi tôi về nhé. Và chúng ta sẽ đi ăn tối ở tiệm.

— Được ạ, — cô nói.

Nhưng rồi mãi mười giờ tôi mới về đến nhà. Cuộc họp rất sôi nổi, nhiều vấn đề quan trọng được giải quyết, thực ra cũng chẳng cần phải sôi sục nhiệt tình đến thế. Ở nhà, cô hết sức lo lắng, kinh hãi. Cô không hiểu tại sao tôi lại không thể bỏ cuộc họp mà về được.

— Em cứ tưởng là chúng giết mất anh! — Giọng nói của cô vẫn còn hoảng hốt. — Ngoài phố tối kinh khủng như thế.

— Ai có thể giết được anh?

— Còn ai nữa! Chính cái bọn Các-bô-na-ri ấy! — Đô-rô-tê-a trả lời rành rọt.

Cô ta thực tế đã khỏe mạnh như thế đấy! Tôi xin chúc mừng bác sĩ I-u-ru-cô-va về chuyện này được đấy! Liệu có phải bà ta định trút việc trông nom người bệnh cho tôi phải không? Chà, ý nghĩ ấy khá thật đấy! Một người giàu có, tân tiến thì đáng phải chăm sóc một cô gái ốm đau, bất hạnh chứ gì. Nhưng hình như chính Đô-rô-tê-a cũng nhận ra là mình lầm, nên cô luống cuống nói thêm:

— Em lại đi nói điều gì ngu ngốc thế. Chẳng qua chỉ vì sợ hãi.

— Người nào đã nói tầm bậy với em về những người Các-bô-na-ri thế? — Tôi nói, vẻ không bằng lòng. — Họ hoàn toàn không phải như vậy đâu.

— Vâng, tất nhiên rồi, em cũng biết mà! — Cô đồng tình. — Tại em nhớ trong một cuốn sách ngu ngốc nào đó thôi.

Sau đó cô đăm đăm nhìn tôi và hỏi:

– Bác sĩ I-u-ru-cô-va kể hết với anh rồi à?

– Làm sao anh biết được là hết hay chưa hết? – Tôi đáp.

– Những điều chính ấy mà.

– Ừ, có lẽ thế.

– Thế không có gì khủng khiếp hay sao? – Đô-rô-tê-a nói gần như giận dữ. – Thà cứ tưởng tượng mình là một người nào đấy còn hơn không phải là ai cả.

– Quên chuyện đó đi em ạ. Tốt hơn là đưa anh xem em đã làm được gì nào.

Mặt cô lúc ấy tươi tỉnh lên, cô mang đến cho tôi cả một tập những tờ chép nhạc. Tôi lại một lần nữa có ấn tượng là cô không chép các nốt nhạc mà chụp ảnh chúng, vì trông chúng giống như in với các nốt nhạc do tôi viết. Tôi biết cách viết thật đẹp, nhưng dù sao tôi cũng vẫn cứ sửng sốt trước năng khiếu của cô. Một người đã có thể làm được một việc như thế này chắc đủ sức để làm nhiều việc khác nữa. Nhưng lúc đó tôi cũng không ngờ rằng câu nói cửa miệng ấy lại phù hợp với chân lý biết bao nhiêu.

– Được lắm, – tôi thận trọng nói. – Em nhanh chóng nắm vững đấy.

Tôi mơ hồ cảm thấy là không nên khen cô nhiều.

– Nhưng em thấy chép sách thì vẫn tốt hơn. Đằng này chép nhạc mà không hiểu là chép cái gì. Nhưng em cũng nhớ ngay được cả dòng nhạc mà không lầm lẫn.

Lần này thì tôi không nghi ngờ gì, chắc chắn cô ta nói thật hoàn toàn. Không thế thì đã không chép được cả tập nhạc thế này.

– Anh dạy em đọc các nốt nhạc nhé? Em van anh đấy.

– Việc này không đơn giản đâu.

– Không sao. Em muốn biết đến chết đi được tất cả những gì viết ra ở đó. Rồi bỗng nhiên sẽ có một cái gì rất tốt cho mà xem.

– Mọi cái ở em đều tốt cả! – Tôi bật cười. – Em ăn chưa?

– Chưa ạ, – cô trả lời, vẻ ngạc nhiên.

– Nếu em ưng, chúng ta sẽ đi ăn ở tiệm nhé?

– Bây giờ ư? Không, em không muốn đi đâu nữa. Trong nhà anh không có sẵn thức ăn hay sao?

Chúng tôi cùng nhau lục lọi và lôi ra bơ, mứt, trứng luộc và bánh mì đã khô rắn dễ sợ.

– Thế này khéo gẫy răng mất thôi, – tôi nói.

– Anh đau răng à? – Cô buồn rầu hỏi.

– Không, anh nói đùa đấy.

– Em không thích đùa. – Đô-rô-tê-a đáp. – Em không hiểu khi nào người ta đùa và khi nào người ta nói nghiêm chỉnh. Vì thế nên em không xem phim khôi hài. Mọi người cười, còn em lại muốn khóc.

Mẹ tôi kể lại rằng hồi bé tôi cũng khóc thút thít khi xem phim « Thời đại mới ». Tôi cứ ngỡ là thật khi thấy Sác-li Sa-plin bị vít chặt vào cỗ máy.

– Có lẽ em nói đúng, tôi nhận xét.

– Dĩ nhiên là em đúng! – Đô-rô-tê-a thốt lên. – Có cái gì là buồn cười đâu khi người ta xô đẩy, đánh đập và quẳng người khác từ ban-công xuống đất.

Thôi được, rất có lô-gích. Đúng là không thể khen cái việc công nhiên cười cợt những tai họa và bất hạnh của người khác được.

Mặc dầu Đô-rô-tê-a không giống với mọi người, cô cũng làm cho bữa tối đạm bạc của chúng tôi hóa ngon lành vô cùng. Khi tôi đặt những quả trứng lên bàn, cô trìu mến ngắm nghía chúng.

— Anh có biết không, đã lâu lắm em không được ăn trứng luộc! Từ hồi cha em còn sống kia. Ông rất thích trứng.

Tôi cảm thấy như cô đang co rúm người lại, ánh mắt lờ đờ. Một ngày tuyệt diệu và mỹ mãn như ngày hôm nay thì không thể nào bỏ qua được. Tôi lấy trong tủ lạnh ra một chai rượu «Ca-béc-ne» và bầy cốc lên bàn.

— Đừng rót cho em! — Cô nói.

— Tại sao kia? — Tôi ngạc nhiên hỏi.

— Bác sĩ I-u-ru-cô-va không cho phép.

Thôi đành vậy chứ biết làm sao được. Tôi rót cho một mình tôi vậy. Nhưng Đô-rô-tê-a không rời mắt khỏi chai rượu, rõ ràng là cô phân vân dữ lắm.

— Thôi, cứ rót cho em nửa cốc vậy, — cô nói. — Không phải ngày nào cũng có công việc mới, hơn nữa rượu cũng không phải là thuốc độc.

Vì lịch sự, tôi đành rót cho cô, già nửa cốc một chút. Tôi hoàn toàn không muốn để cô uống rượu. Mới chỉ uống vài ngụm, cô đã say rồi. Mặt cô hây hây đỏ, ánh mắt hơi lộ vẻ suy nhược. Chỉ cần căn cứ vào vẻ suy nhược lộ ra trên nét mặt mà vợ tôi đã đoán ra không bao giờ sai là tôi đã uống một cốc hay là ba cốc. Đô-rô-tê-a dường như trở nên thanh mảnh hơn, cô ngả người trên ghế, hệt như cô đã biến thành một cuộng hoa.

— Đầu em choáng váng quá! — Cô nói. — Em đi nằm được không?

– Được chứ. Với lại sáng mai chúng ta cần phải dậy sớm.

Sợ rủi có chuyện gì, nên tôi đưa cô về căn phòng lớn. Nhưng không sao cả, cô vẫn bước đi bình thường. Nhìn đằng sau, tôi thấy hai tai cô đã đỏ ửng như trái anh đào.

– Không sao, không sao đâu, cứ ngủ đi, rồi ngày mai em sẽ cảm thấy rất tuyệt diệu.

Nhưng cô vẫn cứ chầm chầm nhìn tôi một cách khó hiểu. Nét mặt cô trông đến buồn cười.

– Nếu anh muốn, anh có thể ở lại với em! – Bỗng dưng cô nói vậy.

– Em đừng xúc động, ở đây em không lo ngại gì đâu.

– Còn em lại đang xúc động, – cô nói. – Em không thích mang ơn.

Giọng nói của cô gần như xấc xược. Sau này tôi chẳng bao giờ nghe thấy cô nói bằng cái giọng đó nữa. Nhưng đây cũng lại là ngụm rượu cuối cùng của đời cô.

– Còn anh thì lại không quen để người ta trả giá rẻ như vậy. – Tôi ném ra những lời khá gay gắt. – Chúc ngủ ngon!

Cô yên lặng. Tôi đi sang phòng ngủ, bối rối vì những lời cô nói bao nhiêu thì cũng bối rối vì những lời mình nói bấy nhiêu. Dĩ nhiên là tôi có thể tìm được câu trả lời lễ độ và thích hợp hơn. Nhưng điều chủ yếu không phải ở đó. Liệu trong những lời tôi nói ra có phần nào sự thật hay không? Nói cho trung thực thì có đấy. Vấn đề không phải vì Đô-rô-tê-a đã uống một chút rượu hay vì cô ấy náy trong lòng. Phân tích những cảm giác của mình, tôi thấy không phải là đơn giản. Thực ra đối với tôi, cô không phải là khó ưng về thân

xác. Cô gợi nên ấn tượng về một cô gái dễ thương và hiền lành. Tuy thế, giữa chúng tôi vẫn có một chướng ngại vật nào đó mà trước kia tôi không ngờ tới. Có thể đó là sự ghê sợ có tính chất bản năng đối với bệnh tật ngay cả khi bệnh ấy không lây. Có thể là...

-5

Cô ở lại nhà tôi, mặc dầu chúng tôi không hề bàn bạc với nhau về chuyện này. Kể thì cũng đơn giản như con chim bồ câu nương náu trên sân thượng nhà tôi vậy. Cô dậy sớm, không một tiếng động, đi lại như một cái bóng trong căn phòng rộng lớn không có đồ đạc. Cô lặng lẽ ra đi đến nỗi giá cô không ngủ thì tôi cũng không sao nghe thấy tiếng bước chân của cô hoặc tiếng mở khóa lách cách. Duy có tiếng vòi nước chảy ồ ồ trong phòng tắm mới mách cho tôi biết là cô đã dậy và đang tắm rửa. Lát sau tôi nhìn thấy chiếc khăn mặt ướt của cô treo trên móc cửa và cái bàn chải xinh xinh, nho nhỏ của cô để trên chiếc giá trước gương soi. Chẳng mấy chốc, tôi bỗng nhận ra là cô tắm rửa buổi sáng và buổi tối một cách chăm chỉ không thể tưởng tượng được, dường như cô muốn gột rửa người mình cho sạch hết cái mùi nặng nề của bệnh viện cùng với những kỷ niệm và tất cả những gì còn lại, cho đến dấu vết cuối cùng của cuộc sống trước đây. Cô gột rửa sạch và càng ngày càng thuần khiết, càng trong sạch, càng nhẹ lâng lâng. Và cũng đồng thời càng ngày càng thanh thản hơn. Toàn thân cô suốt từ cổ áo đến tận mũi giầy đều như rạng rỡ lên vì trong trắng. Ngay đến dáng đi của cô cũng đã thay đổi. Cô không còn giống như con chim hải âu đi bước một trên bờ biển

nữa. Tất cả mọi cái ở nơi cô đều toát lên vẻ bình yên, thanh thản, môi cô hình như bắt đầu thắm đỏ hơn, còn cái mũi ủ dột ngày nào bây giờ trông cũng dễ coi.

Đô-rô-tê-a đi làm lúc bẩy giờ và về nhà lúc bốn giờ, không bao giờ sai. Tôi không rõ cô ăn uống ở đâu, vả lại tôi cũng không tiện hỏi cô chuyện đó. Đúng là hồi mới đầu cô lầm lì ít nói, chẳng lúc nào cô nói đến quá khứ hoặc tương lai của mình cả, cô chỉ nói những chuyện hàng ngày bình thường nhất mà thôi. Những lúc đó cô nói những câu rời rạc, không đầu không đuôi, nếu như không phải là khó hiểu. Đầu tiên tôi cứ nghĩ đó là do thiếu sót của trí tuệ, về sau tôi mới hiểu là tôi đã bất công bao nhiêu. Cô chỉ nói chuyện với những người cô nâng niu trong tâm hồn mình, những người cô thực lòng nhập vai. Họ cũng hiểu cô giống như cô vẫn hay đoán ra những ý nghĩ của họ. Dần dà rồi cô cũng thích trò chuyện, có khi còn nói năng thoải mái nữa, thôi thì đủ thứ chuyện, nào hoa, nào cây, nào các tủ kính bày hàng ngoài phố, nào văn phòng du lịch, nào máy bay ầm ầm lướt trên thành phố. Duy có một điều là cô không nói đến con người, thậm chí cũng không nói đến những cô bạn đồng nghiệp hiền lành của cô nữa.

Cô không hề đi đâu, không quan tâm đến những gì xảy ra bên ngoài những bức tường nhà chúng tôi. Cô không xem ti-vi, dễ cũng giống như con mèo chẳng bao giờ để ý đến những hình ảnh trên ti-vi. Khi tôi đọc sách, cô ngồi yên bất động và trầm tư, nhưng xem ra cô không buồn. Tôi nghĩ rằng cô đang vỗ về trong lòng tất cả những gì cần thiết cho cô, kể cả bông hoa cuối mùa hay một ngọn cỏ. Tất cả mọi cái ở bên ngoài cô đều thu hút vào bên trong và có thể suy tư hàng

giờ, tưởng như những cái đó đang không ngừng nảy nở và biến đổi ngay trước mắt cô. Họa hoằn tôi mới thấy trên môi cô một nụ cười nhợt nhạt, hình như trong đầu cô đang hé lộ ra một kỷ niệm duy nhất mà cô giữ gìn như châu ngọc vô giá.

Lúc nào thư thả, tôi lại dạy cô đọc nốt nhạc. Có khi mãi đến tận đêm khuya, tôi vẫn còn chơi đàn dương cầm, cắt nghĩa cho cô hiểu và bắt cô tập luyện. Tôi cũng không ngờ là bây giờ tôi lại say mê công việc dạy học, thế mà sau khi tốt nghiệp nhạc viện tôi đã hoàn toàn quên hết cả học trò và giáo viên. Cô hiểu thấu suốt những vấn đề phức tạp không phải hàng ngày mà hàng giờ. Cái đó đem lại cho tôi một niềm kiêu hãnh danh giá, tưởng như thành tích của cô là của tôi vậy. Tôi chưa từng cùng làm việc với ai bao giờ, ngay cả với con trai tôi, nên tôi không thể hình dung được những lúc cùng làm việc như thế có thể làm cho lòng ta tràn đầy vui sướng. Chẳng lẽ trong tôi lại thức tỉnh những tình cảm muộn màng của người làm cha hay sao ? Chuyện tầm bậy ! Cô ấy không còn là trẻ con nữa, cũng không phải là thiếu nữ. Cô ấy đã là một phụ nữ như mọi người khác.

Tôi nhớ lại cái ngày nghe một giọng phụ nữ phấn khởi báo tin qua điện thoại cho biết là tôi đã có con trai. Trong giây lát ấy tôi cảm thấy thất vọng vì tôi đang mong sinh con gái. Thậm chí không còn là mong nữa, mà là tin chắc chắn sẽ sinh con gái nữa kia. Đã nhiều tháng qua, bé gái sống trong trí tưởng tượng của tôi. Dường như tôi sẽ chẳng bao giờ có thể làm quen với sự thay hình đổi dạng này được. Đứa bé linh lợi, kêu la inh ỏi, tính khí giống mẹ. Tôi không ưa những đứa bé nghịch ngợm. Có lẽ nói chung tôi không

mến trẻ, nhất là khi bọn chúng tụ tập thành một đám đông huyên náo. Tôi cố tránh không đi gần các sân trường, tôi thấy gai mắt khi trẻ con nện nhau, chúng cứ lấy cặp đập lên những cái đầu húi ngắn. Những trò chơi ầm ĩ của chúng dù cho có hồn nhiên và vô hại đi nữa, cũng khiến tôi bất giác tức giận. Theo quan điểm của tôi thì trẻ con sơ sinh ngay từ những ngày đầu tiên, đã biểu lộ những bản năng mạnh mẽ hơn nhiều so với loài vật lúc còn non.

Dù sao đi nữa, kể từ khi Đô-rô-tê-a ở lại nhà tôi thì hình như tôi đã quên mất rằng ở trên đời này đang còn có những người khác nữa, trong đó có con trai tôi mà tôi không chăm nom mấy. Một tháng đôi lần tôi trở về căn hộ cũ, quấy quá xoa đầu con trai, đút vào túi nó thỏi sô-cô-la mềm nhũn tôi đã mang theo mấy hôm rồi. Nó không để ý đến tôi lắm mà chỉ nhăm nhăm giương khẩu súng gỗ ngắm bắn tôi. Thế rồi, một ngày kia vợ tôi gọi dây nói cho tôi, cô ta tỏ ra độc địa hơn trước nhiều. Cô ta gọi tôi là « ngài »: Không biết liệu ngài có ý định xem đứa con nối dõi của ngài sống ra sao không. Hoặc giả nếu ngài không có ý định đó thì tại sao ngài lại không quan tâm đến việc này, dù chỉ là qua điện thoại thôi? Được rồi, – tôi đáp – ngài vẫn có ý định như vậy nhưng cho đến nay ngài còn quá bận, còn đang mải hoàn thành nốt một tác phẩm mới, thiên tài.

– Tôi biết thừa những tác phẩm mới của anh rồi, – cô ta gầm ghè. – Anh không biết xấu hổ à?

– Còn về khoản tiền nong ấy mà, – tôi cắt ngang, – thì ngày mai tôi sẽ mang lại cho cô.

Cuối cùng thì ngoài đường phố cũng đã ấm áp hơn. Đỉnh núi Vi-tô-sa tuyết trắng ngày càng tan vụn ra và

đen bẩn đi. Trên sườn núi đã hiện ra một màu xanh non, ngày càng đậm hơn và chảy dài từng mảng lớn xuống tận chân núi. Tôi thường hay leo lên sân thượng, vẫn quen gọi là cái mái bằng trên tòa nhà chọc trời của chúng tôi. Sử dụng cái mái bằng này có lẽ chỉ có tôi và lũ mèo lên đuổi chim bồ câu. Sân thượng ngăn cách với vực thẳm không khí chung quanh chỉ bằng những hàng lan can thâm thấp. Tôi không thích lại gần các lan can, tôi ngả người trên chiếc ghế bành bằng vải bạt và khoan khoái hít thở khí trời trong sạch. Từ chỗ tôi ngồi đây đến những dãy núi đằng kia là một cánh đồng được đánh dấu bằng một con đường giống như một vạch kẻ đen sẫm. Hoặc giả đó là dòng sông cũng nên vì ở hai bên bờ hiện rõ những rặng liễu như những vệt sẫm màu. Có thể nhận ra đây đó những ngôi nhà nông thôn, nhưng lò gạch hoang tàn, trong đó có vài lò còn nghi ngút khói, giống như mặt đất còn đang phả ra hơi độc qua những khe kẽ rạn nứt. Bức tranh còn chưa toàn mỹ nhưng cũng làm cho tôi vui lòng vì dù sao ngắm nó còn dễ chịu hơn là ngắm cái nghĩa trang huyền hoặc có những cột ăng-ten giăng ra trên các mái nhà.

Độ này tôi không leo lên sân thượng nữa, nó làm cho tôi sờ sợ.

Hôm sau tôi đến thăm Na-đi-a. Tôi bấm chuông. Cô ta còn chưa mở cửa vội. Một lát sau mới loáng thoáng có tiếng dép lê lệp xệt. Cửa bật mở, vợ tôi nhìn tôi với ánh mắt thù địch, đứng dịch ra cho tôi vào phòng. Tôi đã quá quen thuộc ánh mắt ấy trong biết bao nhiêu lần cô ta gặp tôi. Không biết từ đâu con mèo nhảy ra, con vật yêu mến của tôi âu yếm cọ cọ vào ống quần tôi. Cái đuôi lông vàng của nó dựng lên như một cái

cột buồm trên đó đang phấp phới bay lá cờ trắng hòa bình mà không ai trông thấy. Chúng tôi đặt tên con mèo là Cô-sa.

— Con Cô-sa thế nào? — Tôi hỏi.

— Không làm sao cả, nó bị táo bón... Vào đi chứ, sao anh cứ đứng mãi ngoài cửa thế?

Nói thật lòng tôi không muốn vào, nên tôi mới chậm chạp như vậy.

Khi bước vào phòng, không hiểu sao tôi cứ sợ rằng cô ta sẽ lấy lòng bàn tay vỗ vờ vào giữa hai xương vai của tôi như vỗ về một đứa bé không vâng lời. Phòng khách vẫn còn chưa thu dọn, con trai tôi không thấy đâu. Liệu tôi có thể chịu đựng được cảnh lộn xộn này trong bao nhiêu lần tôi cũng không hiểu nữa.

— Anh chờ một tí, tôi khoác lên người cái gì đã.

Vợ tôi có một thói quen tệ hại là ở nhà cứ mặc những bộ đồ cũ tơi tả trong lúc có quần áo mới lại đem cất vào tủ cho bụi bám. Bây giờ cô ta cũng đang mặc một cái áo loại rẻ tiền đã rách nát, không có áo lót nên bộ ngực lép kẹp có hai núm vú cao-su lớn cứ lúc la lúc lắc dưới lần vải mỏng. Nhưng nói chung cô ta vẫn là một phụ nữ đẹp, dù hơi mảnh khảnh, có đôi chân của loài ngựa cái thuần giống A-rập, thon thả, chắc lẳn và nhạy cảm. Cô ta có khuôn mặt trái xoan, đôi môi màu mận chín hay mím chặt, trông độc ác, quyết liệt. Thật ít người chịu đựng nổi ánh mắt như muốn thiêu đốt ra tro và thù ghét không giấu diếm của cô ta. Riêng tôi cũng chẳng muốn thử chịu đựng làm gì và điều đó lại làm cho cô ta mất tự chủ.

— Anh sống ra làm sao? — Cô ta vừa hỏi vừa ngồi xuống ghế và lần nào cũng như lần nào, cô giạng chân

ra một chút để tỏ rõ thái độ hoàn toàn khinh thường cả thế giới trong đó có tôi.

– Cũng bình thường.

– Anh dan díu với con điếm nào thế? – Cô ta nói cục cằn.

– Cô ấy không phải là điếm, – tôi gần như kêu lên, cảm thấy hai lỗ mũi cồm cộm.

– Thế là ai?

– Một người bà con xa..., một sinh viên đang cần tìm chỗ ở.

Na-i-đa khinh bỉ nhìn tôi:

– Anh học được cách nói dối rồi đấy!

– Lúc nào cũng bảo nói dối. – Tôi nổi nóng. – Chẳng lẽ có thể nói thực với cô à.

– Có thực cô ta là bệnh nhân tinh thần phân lập không đấy?

– Thế thì việc gì đến cô nào?

– Chẳng việc quái gì đến tôi, nhưng dù sao còn con anh nữa kia mà.

– Nó chẳng quan tâm đến chuyện này, – tôi lạnh lùng nói.

– Được rồi, nhưng mai kia thì không phải thế nào cũng xong với nó đâu. Nó sẽ có em trai, em gái như thế nào kia chứ.

– Này đây, cô cầm lấy tiền... Tôi sẽ đến thăm con lúc khác.

– Thậm chí anh cũng không thèm hỏi xem nó đâu nữa. Vô liêm sỉ chưa!

Tôi cũng chẳng muốn biết nó đâu nữa, tôi tức giận lao ra cửa. Nói của đáng tội chứ tôi đâu phải là người độc ác, chẳng qua chỉ vì lâu nay tôi đã nhiễm phải cái

thói độc mồm độc miệng của cô ta. Tôi đã ly dị xong với cô ta, không phải để rồi lại hứng lấy những chuyện lôi thôi thế này. Tôi đi ra, suýt nữa dẫm phải con mèo đang ngồi cạnh cửa, cứ chốc chốc lại hy vọng nhìn lên ổ khóa. Đúng là nó cũng đang chán cảnh nô lệ này. Chỉ còn việc túm lấy nó cắp vào nách và vĩnh viễn đóng sập cửa lại.

Tôi ăn trưa ở tiệm rồi quay về nhà. Tôi sáng tác nhạc cho phim. Những dòng nhạc hiện ra như thường lệ. Nhưng công việc lại không trôi chảy. Những âm điệu phẫn nộ, hờn giận thế nào đó cứ vỡ ra trong nhạc mà hành động trong phim lại xảy ra ở một trại chăn nuôi kiểu mẫu. Những người vắt sữa sống hòa thuận với nhau và chỉ có một kẻ nào đó xích mích hầu như với tất cả mọi người. Nhưng rốt cuộc thì tập thể cố nhiên đã thắng cá nhân vô trách nhiệm. Việc đó cần được biểu hiện bằng cách nào đó trong âm nhạc nhưng mà cụ thể như thế nào thì tôi vẫn còn chưa hình dung ra được.

Đô-rô-tê-a về nhà như mọi ngày vào lúc bốn giờ. Tinh thần của cô đang lúc sảng khoái, cô có vẻ rất vui thích. Sau khi đi đi lại lại mấy vòng trong phòng, với cái dáng đi đặc biệt, hơi nhún nhẩy, cô dừng lại trước mặt tôi và nói :

– Em đã nghe được rồi.

– Nghe gì kia ?

– Nghe nhạc của anh, – cô trả lời nghiêm chỉnh.

Lúc đó tôi chú ý đến ý nghĩa những lời cô nói bao nhiêu thì tôi cũng chú ý đến vẻ khác thường của chúng qua miệng cô gái ít văn hóa này bấy nhiêu. Hồi này cô đã thực sự chép lại được một cái gì đó của tôi trong những cái tôi đưa cho Nhà xuất bản. Ở đó người

ta coi cô gần như là một hiện tượng đặc biệt, một sự kỳ diệu của thiên nhiên.

– Em có thích không ? – Tôi hỏi đùa.

– Ồ, cố nhiên là em thích ! – Cô bồng bột đáp.

Nói cho cùng thì có gì phải ngạc nhiên kia chứ. Chính tôi đã dạy cho cô tập đọc các nốt nhạc hàng giờ liền đấy thôi. Với một người có những khả năng khác thường, không sao cắt nghĩa được, như cô thì có thể chờ đợi điều ấy lắm chứ. Nhưng lúc này tôi còn chưa nghĩ gì đến âm nhạc, đầu óc tôi còn lấn bấn những chuyện khó chịu với Na-đi-a. Điều làm tôi băn khoăn hơn cả là không hiểu vì sao cô ta lại biết chuyện Đô-rô-tê-a ? Chúng tôi rất ít khi đi cùng với nhau, đặc biệt là đến những nơi thường gặp người quen của tôi. Người quen của tôi đã đành, nhưng còn người quen của cô thì sao nhỉ ? A, nếu Đô-rô-tê-a lại nổi tiếng trong các nhóm nhạc hơn là tôi tưởng thì sao nhỉ. Cái đó là cái chắc. Ý nghĩ này làm tôi khó chịu đến nỗi tôi bất giác nhăn nhó. Ai mà biết được, có thể tôi sẽ thành trò cười dưới con mắt của họ. Một nhạc sĩ nổi tiếng, một con người khả ái, có một địa vị đáng mong ước lại đi dan díu với một cô gái tầm thường trong đám các cô gái vẫn thường láng cháng ở các tiệm ăn, đã thế lại là bệnh nhân tinh thần phân lập, như cách gọi ra vẻ tế nhị của vợ tôi.

Tôi đã ngẫm nghĩ những chuyện đó trong lúc nằm trên đi-văng với một tâm trạng khó chịu. Bỗng nhiên tôi cảm thấy Đô-rô-tê-a đang nhìn tôi, tôi ngẩng đầu lên. Đúng là cô đang chằm chằm nhìn tôi không rời mắt, hình như cô đang bận lắng nghe một cái gì đó mà không một người nào khác có thể nghe được.

– Hôm nay anh vừa đến thăm chị ấy phải không? – Cô hỏi đột ngột.

– Vì sao em biết được?

– Em hỏi vậy thôi.

– Đúng đấy, – tôi đáp.

Cô ta yên lặng một lát rồi gay gắt nói thêm:

– Tất cả những cái anh nghĩ về em đều không đúng đâu.

Từ trước đến nay chưa lần nào cô lại to tiếng trong lúc trò chuyện với tôi. Tôi vẫn nghĩ đó là đức tính quan trọng của cô.

– Vì sao em biết được những điều anh nghĩ về em?

Tôi rời khỏi đi-văng và hồi hộp đi đi lại lại trong phòng. Bây giờ cô im lặng và cũng không nhìn tôi nữa. Tôi rất muốn nói hết với cô mọi chuyện, chỉ có điều là tôi không biết nên bắt đầu từ đâu.

– Thế là em đọc được ý nghĩ của anh chứ gì?

– Em cũng không biết nữa. Đôi lúc như thế thôi, – cô lúng túng đáp.

– Đôi lúc là thế nào?

– Rất hãn hữu.

– Em đọc được bằng cách nào vậy? – Tôi phải khó khăn lắm mới che giấu được nỗi bực tức của mình.

– Bản thân em cũng không biết, – cô bất lực đáp. – Tự nó cứ hiện ra trong đầu em.

– Bác sĩ I-u-ru-cô-va có nói với em về thần giao cách cảm không?

– Có chứ. Em và bà đã làm thí nghiệm.

– Thành công chứ?

– Em không biết đâu. Hình như là không đạt lắm. Em không thể làm được việc đó theo yêu cầu đâu. Tự nó hiện ra thôi.

– Thôi được rồi, Đô-rô-tê-a này, em quên câu chuyện ngốc nghếch này đi nhé.

Cô nhìn tôi và mỉm cười tuy vẫn còn hơi buồn.

Chẳng bao lâu sau ngày xảy ra câu chuyện trên thì ông quản trị nhà cửa đến tìm tôi. Đó là một ông cựu đại tá, một người đã quá bơ phờ, mệt mỏi với cuộc sống. Ông bị viêm lợi nên răng của ông lung lay cả tưởng chừng nếu ông hắt hơi thì răng sẽ bay tứ tung khắp nơi. Có lẽ vì thế ông nói năng chậm chạp và cẩn thận.

– Xin phép được gặp ông mấy phút.

Tôi dẫn ông vào căn phòng lớn. Lúc này hãy còn sớm, Đô-rô-tê-a đi làm chưa về. Ông dừng lại chăm chú nhìn khắp phòng, đúng hệt như khi quan sát chiến trường.

– Xin mời đại tá ngồi tạm xuống đây.

Những chiếc ghế bành thấp, làm theo kiểu mới, quả thực bất tiện cho cái cột sống cứng đơ của ông. Hai đầu gối xương xẩu của ông hóa ra lại nhô cao ngang với hai cái tai màu da lươn, to mập như những tổ én. Tôi cảm thấy ông đang lúng túng, không phải chỉ vì cái tư thế ngồi kém thoải mái mà thôi.

– Thưa đồng chí Ma-nhép, tôi phải xin lỗi đồng chí mới được. Đồng chí cũng biết là tôi kính trọng đồng chí như thế nào rồi, chẳng phải chỉ mình tôi đâu, mà cả các con tôi nữa. Thực tình tôi cũng không biết nên mở đầu ra sao đây.

— Xin đại tá cứ mạnh dạn, — tôi nói, — như khi xung phong ấy chứ!

Ông nhìn tôi như được khuyến khích. Tôi cũng đoán ra ông định nói gì rồi.

— Ông biết không, người ta cứ bảo... ấy chính tôi thì không trông thấy đâu, nhưng người ta bảo là có một phụ nữ trẻ ở trong nhà ta.

— Ông bảo sao kia ạ? Một phụ nữ trẻ à? — Tôi hỏi với vẻ mỉa mai.

— Vâng, một phụ nữ trẻ ạ. Mà nói cho cùng thì ông là người sống độc thân, tự ông cũng hiểu rằng cái đó không tiện lắm!

— Đại tá ạ, ông có biết cho không, cô gái ấy là người bà con của tôi đấy. Tôi làm sao đang tâm để cô ấy ngủ đêm ở ngoài đường được, có phải thế không ông?

— Ồ thì cái đó dặ hẳn rồi. Với lại hà cớ gì cô ấy phải ngủ ngoài đường mới được chứ? — Cái mũi sần sùi của ông đang nở to ra trước mắt tôi. — Nhưng tuy vậy luật pháp của ta vẫn liên can đến ông đấy.

— Vậy theo ý ông thì tôi đã vi phạm điều luật nào kia ạ.

— Chả là cô ấy sống ở đây mà không đăng ký hộ khẩu.

— Được rồi! — tôi đáp. — Đến mai tôi sẽ đăng ký cư trú cho cô ấy.

Đến đây câu chuyện công vụ của chúng tôi thực tế đã xong. Ông đại tá hẳn là cảm thấy vô cùng nhẹ nhõm, nên ông đâm ra vui vẻ, cái nhìn của ông đã có vẻ thân thiệt theo kiểu người già. Tôi rót cho ông một cốc cô-nhắc loại ngon. Ông chăm chú nhìn cốc rượu rồi nói:

– Thôi thì đành, tôi cũng thử liều vậy! Bà vợ tôi đi nghỉ an dưỡng rồi...

Ông không nói hết câu, thong thả uống cạn cốc rượu với niềm thích thú rõ rệt. Ông ra về, bước đi không vững cho lắm. Một người già cần bao nhiêu rượu để làm cho đầu óc choáng váng? Còn lại một mình, tôi mới hiểu là tôi không thể dễ dàng làm tròn lời hứa được. Đô-rô-tê-a đến với tôi không mang theo một thứ gì, kể cả một chiếc mùi soa cũng không có. Tôi hơi lo ngại vì ngộ nhỡ cô không có một thứ giấy tờ gì thì sao. Cô đi làm chưa kịp vào nhà thì tôi đã bắt đầu gạn hỏi: Cô có thẻ căn cước không? Cô cất nó ở đâu?

– Em cũng chẳng biết, – cô bối rối nói. – Chắc là có đấy. À mà nhất định là có. Nhưng nó ở đằng bà I-u-ru-cô-va.

– Thế hôm nay em đến lấy về nhé.

– Không... không, – cô kêu lên, – em ngượng lắm.

Tất nhiên là cô xấu hổ rồi. Từ khi cô đến đằng nhà tôi thì chúng tôi đã hoàn toàn quên mất bà I-u-ru-cô-va. Thậm chí cũng chẳng gọi đây nói cho bà lần nào. Tôi đã đóng vai trò gì trước con mắt của bà? Người đỡ đầu à? Hay là kẻ quyến rũ? Chỉ tôi, mới có thể giải thích rõ ràng việc lấy được mà thôi.

Không còn cách nào khác nên ngay hôm sau tôi đánh xe ô-tô đến bệnh viện. Tòa nhà đồ sộ nhô lên buồn bã trong bóng cây. Cảnh bận rộn tíu tít chung quanh nhà vẫn không giảm bớt chút nào. Tôi đã may mắn thu xếp được chỗ trong chiếc đu quay ấy và dòng người đã nhanh chóng mang tôi đến trước cái cửa cần thiết. Cũng may là bà I-u-ru-cô-va đang có mặt trong phòng. Bà ngồi sau bàn và lần này bà mang kính, thỉnh thoảng nó lại lấp lánh trong ánh nắng. Lúc

tôi bước vào, bà bỏ kính xuống và khi nhận ra tôi, bà hơi mỉm cười. Tôi nói để bà rõ mục đích tôi đến đây. Cố nhiên là tôi không quên xin lỗi bà. Bà coi mọi chuyện đều bình thường, cứ như là căn hộ của tôi là phân viện trực thuộc bệnh viện của bà vậy.

— Thế sức khỏe cô ấy bây giờ ra sao? — Bà I-u-ru-cô-va hỏi.

— Tôi nghĩ là rất tốt. Cô ấy có dặn tôi xin lỗi bà vì mãi đến hôm nay cô ấy vẫn chưa gọi dây nói cho bà được.

— Điều đó có nghĩa gì đâu kia chứ, — bà I-u-ru-cô-va phẩy tay. — Tôi hiểu rõ cô ấy lắm. Muốn bình phục hoàn toàn, cô ấy không nên nhớ lại quá khứ làm gì. Cô ấy càng mau quên chúng tôi lại càng tốt.

Tôi kể cho bà nghe về công việc mới của Đô-rô-tê-a, về niềm say mê tha thiết và bất ngờ của cô đối với âm nhạc. Bà nghe tôi không được chăm chú lắm, hình như bà còn đang mải nghĩ những chuyện khác. Nhưng không phải, bà không nghĩ chuyện khác, bà đang cố gắng tìm hiểu ý nghĩa thầm kín và giá trị những lời tôi nói.

— Thế là tốt, — bà nhận xét khi tôi ngừng lời. — Và cũng là nguy hiểm như bất kỳ niềm say mê nào của con người. Đô-rô-tê-a không nên xúc động thái quá. Thế mà âm nhạc lại gây nên nhiều xúc động.

— Dạ, ít hơn rất nhiều chứ không như bà nghĩ.

Hình như bà lại mải đi đâu đó rất xa rồi sau mới quay trở lại.

— Tôi đã dự một buổi hòa nhạc của ông. Ông có biết điều gì gây cho tôi ấn tượng mãnh liệt nhất không. Chính là cái lô-gích hoàn hảo và đẹp đẽ của ông.

Tôi kinh ngạc nhìn bà. Làm sao bà lại nghĩ ra được điều đó nhỉ? Không phải bất kỳ nhà phê bình nào cũng phát hiện được đâu.

— Cái mà bà gọi là lô-gích trong âm nhạc là gì ạ?

— Tôi không phải chuyên gia âm nhạc nên tôi khó mà cắt nghĩa được rõ ràng. Âm nhạc như âm nhạc của ông sẽ có ích cho cô ấy. Nhưng không phải thứ âm nhạc người ta đang dùng cho là hiện đại và đúng mốt đâu.

Tôi cũng không biết là có mếch lòng về chuyện đó không.

— Xin bà chớ lo, — tôi nói — Thứ âm nhạc cô ấy vẫn chép ở nhà xuất bản trước hết là âm nhạc buồn. Như vậy thì không có gì nguy hiểm hết.

— Vâng, đúng là thế, — bà đồng tình. — Thậm chí âm nhạc cũng có thể buồn. Song ở đây chắc hẳn có một nghịch lý nào đó. Ví như trong âm nhạc của ông mọi cái dường như đều được tính toán rất chính xác Đối với người không am hiểu, nó có thể thành đơn điệu, tẻ nhạt...

— Vâng, có lẽ bà nói đúng. — Tôi xác định. — Trong một ý nghĩa nhất định thì âm nhạc là toán học.

Điều này hình như làm bà ngạc nhiên. Bà nhìn tôi có vẻ hứng thú.

— Có một độ tôi yêu văn học hơn kia. Văn học dĩ nhiên là không thể có sự hoàn mỹ toán học như là âm nhạc được, mặc dầu chỉ vì từ ngữ rất thô thiển, nhàm cũ, thậm chí vô vị nữa. Với một chất liệu không tốt như thế không thể nào sáng tạo được những tác phẩm nghệ thuật hoàn mỹ.

— Thế có đúng là bà tốt nghiệp khoa ngữ văn không ạ?

— Ai nói với ông như vậy?

— Cô Đô-rô-tê-a.

— Đúng thế đấy. Lúc đầu tôi học ngữ văn, mãi sau này tôi mới học y.

— Xin lỗi bà, tôi không thấy có gì chung giữa hai môn đó cả.

— Ông nhận định hết sức sai rồi đấy! — Bà giận dữ đáp. — Cả hai môn đều có chung một đối tượng là con người, và cố nhiên cả tâm hồn con người nữa. Rất tiếc là văn học không giải đáp cho tôi một vài vấn đề chủ yếu đang hấp dẫn tôi khi đó. Vì thế, tôi mới hướng đến y học.

— Và bà đã tìm được lời giải đáp?

Tôi thực lòng muốn biết. Bà I-ư-ru-cô-va vô tình mỉm cười.

— Không phải ngay lập tức tìm được lời giải đáp cho mọi vấn đề đâu. Nhưng vấn đề quan trọng nhất thì hình như tôi đã tìm được lời giải đáp ở Đô-rô-tê-a.

— Bà nói thật ư? Vấn đề nào kia ạ?

— Ấy cái đó thì ông tự hiểu lấy chứ! — Bà vừa cười vừa trả lời. — Ông là một người học thức mà. Cô ấy luôn luôn ấp ủ trong lòng chuyện đó.

— Cám ơn bà, — tôi nói.

— Cô Đô-rô-tê-a định ở đằng ông có lâu không đấy?

Câu hỏi này làm tôi bị bất ngờ.

— Việc đó thì tôi cũng chưa nghĩ tới, — tôi bối rối thú nhận.

— Cần phải suy nghĩ mới được! — Bà nói dứt khoát. — Đô-rô-tê-a không nên quyến luyến với ông nhiều quá. Đối với cô ấy thì chia tay bao giờ cũng đau đớn lắm.

— Chắc là căn cứ vào việc chia tay với bà.

Tôi cảm thấy là đã làm bà xúc động. Bà rùng mình như người bị lạnh, nhưng vẫn bình thản trả lời.

— Cô ấy trở lại bình thường là rất tốt. Dù sao thì ông cũng cần lưu ý trông nom. Nếu ông thoáng thấy điều gì nghi ngại, xin ông cứ đến trao đổi với tôi.

— Điều nghi ngại ấy là gì? — Tôi dè dặt hỏi. — Đúng là ngày nào cô ấy cũng có điều gì đó làm tôi ngạc nhiên.

— Ví dụ.

— Chuyện cũng lặt vặt thôi. Tôi đã nói chuyện với bà về khả năng thần giao cách cảm của cô ấy.

— Chuyện đó không đáng làm ông lo ngại đâu! — Bà bật cười. Bông hoa tuyệt diệu ấy còn ẩn giấu trong tâm hồn mỗi người. Và đến một lúc nào đó, nó sẽ nở.

— Thế bà cho rằng nó đã nở trong tâm hồn cô ấy rồi sao?

— Không hoàn toàn như vậy. Nhưng tôi đã nhìn thấy hoa hạnh đào nở trong tháng giêng đấy. Thế cô ấy có rủ ông cùng bay không?

— Không. — tôi ngạc nhiên. — bà nói sao kia, bay ấy à?

— Bay như chim chẳng hạn. Đó chính là một trong những điều ám ảnh cô ấy thường xuyên. Hoặc đó lại là niềm mơ ước của cô ấy nếu xét đoán từ một phương diện tốt nhất. Ông chưa bao giờ nằm mơ thấy mình bay hay sao?

— Không. — Tôi đáp.

— Tôi thì lại nằm mơ như vậy đấy. Tôi bay nhẹ nhàng, thoải mái như chim. Tôi bay trên những cánh

rừng và những mặt hồ. Chắc ông nghĩ chuyện đó là ngẫu nhiên phải không?

Không, tôi không nghĩ chuyện đó là ngẫu nhiên. Tôi cho rằng những bệnh nhân đã có ảnh hưởng đến bà. Chắc bà cũng thấy đã nói quá lời, bà ngồi ngả người ra ghế, bên dưới lần áo bờ-lu lồ lộ bộ ngực thiếu nữ của bà.

— Ông đừng sợ những cơn tái phát nho nhỏ không đáng kể, — bà nói tiếp, — và chớ làm cô ấy sợ. Tôi đã chữa cho cô ấy bằng những thứ thuốc mạnh. Cô ấy vẫn còn đang say mê mẩn.

— Vâng, có lẽ là như vậy, — tôi hờ hững đáp.

— Cái đó có gì mà sợ. Chính ông cũng có thể tiếp xúc với tâm hồn cô ấy được. Và chính ông cũng biết là tâm hồn cô ấy quả thực tươi sáng biết bao. Mà cái đó mới là niềm hạnh phúc lớn lao đấy. Tâm hồn con người ta có một cái gì thật lạ lùng, không sao tưởng tượng nổi, nó còn hơn cả những điều mà nhà văn cỡ Đô-xtô-ép-xki có thể hình dung. Chúng ta còn chưa hiểu rõ sức mạnh thực sự của tâm hồn và nỗi yếu đuối kinh khủng của nó. Có lẽ là trừ các nhà văn và các thày thuốc tâm thần ra, vì họ có khả năng dù chỉ là đôi lúc, nhìn sâu được vào các ngóc ngách...

Chúng tôi cũng im lặng. Mỗi người đều nghiền ngẫm những ý nghĩ và những lo âu của mình.

— Tôi hy vọng là bà sẽ khích lệ tôi, — cuối cùng tôi nói, — thế nhưng bà lại làm cho tôi sợ hãi hơn.

— Tôi cố ý làm như vậy đấy, — bà nói đùa. — Mặc dầu tôi vẫn tin chắc rằng ông sẽ chẳng bao giờ vượt qua ba-ri-e.

— Ba-ri-e nào kia? — Tôi lo ngại hỏi.

Bà hơi do dự, sau đó bà nói qua loa:

— Nhân tiện cũng xin nói thêm thế này... Tôi muốn nói là đừng có chuyện gì khiến tinh thần cô ấy mất ổn định.

— Vâng, tôi hiểu.

Sau này tôi mới thấy rõ là tôi đã chẳng hiểu gì cả. Còn khi đó tôi thấy không nên kéo dài câu chuyện đó nữa, nếu chúng tôi không muốn làm cho nhau hốt hoảng thêm. Tốt hơn cả là đi ra khỏi căn phòng này, ở đây không khí đau ốm của bệnh viện giống như một chất nhớt đang chậm chạp thấm vào. Tôi bắt đầu cáo biệt.

— Xin cám ơn bác sĩ I-u-ru-cô-va. Tôi sẽ báo tin cho bà.

— Ông đợi cho một chút đã. Ông quên mất là ông đến đây làm gì à?

Bà đi ra khỏi phòng. Lát sau bà quay lại, tay cầm một cái túi ni-lông trong suốt.

— Các thứ của cô ấy đây, — bà nói. — Ông soát lại xem có đủ không và ký nhận hộ.

Không có cách nào thoái thác, tôi đành dốc các thứ trong túi ra bàn. Ngoài thẻ căn cước, còn có một chiếc nhẫn vàng, một đồng tiền vàng, một viên đá xanh giống như ngọc bích. Và một búp tóc xoắn màu hạt dẻ sáng nhạt, gần như trong suốt, giống mảnh trăng lưỡi liềm mảnh mai trên nền trời sáng.

— Đó là tất cả các thứ của cô ấy... Nhưng ông đừng đưa gì cho cô ấy, nhất là thẻ căn cước. Có lẽ ông thấy buồn cười, nhưng mà bây giờ ông cũng như là người đỡ đầu cho cô ấy rồi.

Có gì buồn cười đâu, — tôi nói.

— Ông có muốn tôi dưa ông lại xem phòng của cô ấy ở trước đây không?

Ay chớ! — Tôi gần như hoảng hốt kêu lên.

— Một căn phòng rất tốt! — Bà I-u-ru-cô-va nói có vẻ giận. — Trong những tháng gần đây một mình cô ấy ở đấy.

Biết làm sao được, thôi cũng đành phải uống cho cạn chén tân khổ thôi, một khi tôi chót dưa chân vào con dường này. Tôi cần phải biết cô ấy đã sống thế nào. Mãi về sau, tôi mới hiểu là tôi đã mắc sai lầm nghiêm trọng vì tôi chưa chuẩn bị chuyện này. Không phải riêng tôi mắc sai lầm, bà I-u-ru-cô-va cũng xử sự không đúng, hình như có quỷ thần chi sai khiến như vậy.

Lúc đầu còn chưa có gì đặc biệt. Một hành lang dài, sạch sẽ, hàng loạt cửa phòng bệnh nhân sơn trắng, không có quả đấm cửa. Sau cùng chúng tôi dừng lại trước một cánh cửa không khác gì các cánh cửa khác. Bác sĩ I-u-ru-cô-va lục trong túi áo bờ-lu bệnh viện lấy ra chiếc chìa khóa hình như đã mòn vẹt. Bằng một động tác quen thuộc, bà tra chìa khóa vào ổ và mở cửa ra.

— Ông vào đi!

Tôi bước vào với một cảm giác nặng nề. Bây giờ dù có vì lẽ gì ở trên đời này, tôi cũng không thể nói được là căn phòng ấy như thế nào nữa. Hình như đó là một phòng bệnh nhân thông thường, có hai giường bệnh trải khăn rất cẩn thận. Cửa sổ có bịt lưới sắt. Nhưng lúc đó tôi còn chưa nhận thấy điều gì. Một cô gái cắt tóc ngắn, hai tai vểnh lên, đi ngang qua trước mặt tôi, hai lòng bàn tay còn giữ một vật gì vô hình và giơ mãi lên tận cằm.

– Em làm sao thế, Bét-ti? – Bác sĩ I-u-ru-cô-va âu yếm hỏi. – Chẳng lẽ em không thấy bẩn sao?

Cô gái miễn cưỡng để rớt khỏi lòng bàn tay cái vật vô hình ấy và nhìn bà I-u-ru-cô-va mà không biểu lộ một điều gì, rồi lặng lẽ bước đi. Tôi cảm thấy đôi mắt cô trong giây lát ấy hoàn toàn trong sáng.

– Chúng ta đi thôi! – Tôi kêu lên.

Bác sĩ I-u-ru-cô-va chắc cũng hiểu là đã sơ suất. Bà khép cửa lại sau lưng. Chúng tôi im lặng đi trong hành lang vắng vẻ.

Ngồi trong xe ô-tô rồi tôi mới cảm thấy buồn nôn không chịu được. Tôi thiết tha mong sao được ở giữa chỗ đông người, được uống chút gì đó cho khuây khỏa. Tôi bất giác hãm xe lại bên cạnh câu lạc bộ. Tôi đã tỉnh táo đôi chút, nhưng vẫn hãy còn buồn nôn.

Tôi cố ép mình ăn một chút. Rượu vang đưa tôi trở lại trạng thái bình thường. Có lẽ không có thứ thuốc nào chữa bệnh rối loạn tinh thần tốt hơn là một hai cốc vang ngon. Sau đó tôi chơi bài với các bạn. Tôi có cảm giác hình như tôi vừa tránh khỏi được một tai họa ghê gớm và thế nào cũng phải vui chơi. Khi tôi nhìn đến đồng hồ thì đã mười một giờ đêm. Tôi vội vàng trả tiền và bỏ về, mặc cho các bạn phản đối. Về đến nhà, tôi bắt gặp Đô-rô-tê-a đang đứng ở hành lang, cô nhìn tôi hệt như nhìn một bóng ma vừa xuất hiện.

– Tại sao em lại đứng ở hành lang thế này?

– Em nghe thấy có tiếng thang máy chạy! – Cô bối rối đáp. – Ngay từ lúc nó mới chạy từ tầng một kia.

Đó chưa phải là lý do đầy đủ khiến cô phải đợi tôi ở hành lang, người nhợt nhạt, nét mặt lộ rõ vẻ căng thẳng, chờ đợi. Giống như ngày trước, mỗi lần vợ tôi

ngóng đợi, và không hiểu tại sao tôi lại chưa làm xong việc mà về.

— Em biết bây giờ là mấy giờ rồi không? — Tôi nghiêm giọng hỏi.

— Mười một giờ rưỡi rồi.

— Em thấy chưa? Em cần đi ngủ lúc mười một giờ kia mà?

— Nhưng em sợ lắm.

— Anh chẳng cần biết cái đó! Em muốn vì em mà anh phải thay đổi thói quen hay sao nào? Anh đã không làm việc đó ngay cả vì vợ anh đi nữa!

— Không mà, sao anh nói thế! — Cô thốt lên. — Anh xem đấy, rồi em sẽ quen thôi mà.

— Thôi đủ rồi, đi ngủ đi thôi! — Tôi ra lệnh.

Nói chung, tôi đã hành động chính xác theo đúng những lời căn dặn của bác sĩ I-u-ru-cô-va. Chắc là tôi không thể làm khác được vì lòng tôi quá phiền muộn sau khi đến thăm bệnh viện về và thua bạc nữa. Tôi vội vàng ăn cho xong bữa tối với mấy thứ tìm được trong tủ lạnh. Tôi đã quen ăn uống khô khan giống như con quạ ăn xác thú vật. Sau khi uống cạn hai cốc vang trắng, tôi mới hoàn toàn trấn tĩnh. Đi qua gian phòng lớn, tôi ngó vào xem Đô-rô-tê-a đã đi nằm chưa. Đúng là cô đã nằm yên trên giường, kéo chăn lên tận mũi, còn đôi mắt cô lại ánh lên một thứ ánh sáng từ bên trong.

— Anh An-tô-nhi, — cô gọi tôi. Tôi đứng dừng lại.

— Anh An-tô-nhi ơi, em đang nghe nhạc!

— Em đã nói chuyện ấy với anh rồi mà, — tôi bực tức nói.

– Không, đằng này hoàn toàn không phải thế... Trước kia em đọc nhạc..., còn bây giờ em nghe nhạc thầm cơ mà. Nó vang lên thực đấy, giống như một dàn nhạc đang chơi.

– Có lẽ em đang nghe một cái gì khác chăng? – Tôi thận trọng hỏi.

– Không anh ạ, em nghe chính những gì mà em chép ấy. Giống như trong đầu em có một cái đài bán dẫn nhỏ.

Cô ngước đôi mắt trong sáng nhìn tôi, dào dạt niềm sung sướng cảm động.

– Thế lúc em không nhìn nốt nhạc thì nhạc có tắt không?

– Vâng, đúng thế thật. Tắt ngay lập tức.

– Thú vị đấy! – Tôi nói lẩm bẩm.

Nhưng tôi lại nghĩ thầm: «Quái quỷ thật, chẳng lẽ em lại không giống như mọi cô gái khác hay sao?».

– Em nói thật đấy! – Cô kêu lên. – Anh không thể tưởng tượng điều đó thú vị như thế nào đâu. Mong sao ngày mai cũng thế này.

– Mong sao đừng thế nữa. – Tôi giận dữ nói. – Tốt nhất là anh sẽ mua cho em hẳn hai cái đài bán dẫn, cốt sao đừng có cái gì vang lên trong đầu em nữa.

Tôi bước nhanh ra ngoài để khỏi phải nhìn thấy cái ánh sáng vui sướng trong mắt cô vụt tắt.

6

Mười ngày nay cô ấy như sống trong mộng. Tan giờ làm là cô về ngay nhà cũng như thường lệ, nhưng cô lập tức vớ ngay lấy những bản nhạc nào cô trông thấy

trước tiên. Tôi có một tủ sách lớn, trong đó có tác phẩm của tất cả các nhạc sĩ vĩ đại mà tôi yêu mến và trận trọng. Cô thu xếp một chỗ thuận tiện trên chiếc đi-văng làm giường ngủ, ngồi khép hai chân lại và cặp dùi thanh tú sáng lên trên nền chiếc chân màu xanh giống như hai vành trăng non nhỏ bé. Nét mặt cô luôn luôn biến đổi giống như cô đang điều khiển trình diễn những tác phẩm cô đang đọc theo nốt nhạc. Quan sát cô thật thú vị, nhưng tôi không dám cười vì biết là điều đó cực kỳ nghiêm trọng. Nhìn nét mặt cô, tôi có thể đoán không hề sai, là cô đang nghe đến nét nhạc nào, phần nào của buổi hòa nhạc. Tôi không một chút nghi ngờ, cô đang nghe được tất cả những gì cô đọc theo nốt nhạc, chính vì tôi biết phần lớn các tác phẩm ấy và trước kia tôi đã từng điều khiển trình diễn một số bài, nên khi tôi chăm chú theo dõi cô hàng mấy giờ liền. Không thấy có sai sót nào cả, từng tác phẩm đều ngân vang đúng như nó phải ngân vang.

Tôi không nói rằng tài năng kỳ lạ này của Đô-rô-tê-a làm tôi ngạc nhiên, hoặc sửng sốt đặc biệt. Có thể chờ đợi mọi điều ở cô mà. Tôi cảm thấy lo ngại nhiều hơn. Tôi nhớ đến lời nhắc nhở phòng ngừa của bác sĩ I-u-ru-cô-va. Bất kỳ sự say mê nào, bất kỳ xúc động mới nào cũng đều đe dọa làm cô mất ổn định tinh thần. Nhưng cái đó không phải là chủ yếu. Có lẽ ở đây có một cái gì đó sâu sắc và mạnh mẽ hơn cái vốn có trong bản chất con người. Và cũng như nhiều người bình thường, tôi cảm thụ theo bản năng, rằng tất cả những cái tôi không có khả năng làm hoặc những cái người khác làm không giống như tôi làm, đều là những cái không bình thường. Bây giờ tôi mới hiểu sâu sắc rằng điều này là biểu hiện sự dốt nát và kém cỏi, chứ không phải là cái gì khác. Nhưng biết làm sao được, con người là như

vậy. Cả con gà mái cũng như vậy, nó cứ đứng trên bờ hoảng hốt cục tác, hoài hơi, báo động cho đàn vịt con vàng óng do nó ấp đang bơi theo dòng sông.

Tôi không chỉ lo âu, mà còn hoảng sợ nữa. Tôi chỉ muốn lôi khỏi tay cô những bản nhạc đáng nguyền rủa ấy rồi quẳng chúng qua cửa sổ. Nhưng tôi đã không làm điều đó, không thể chà đạp lên những cái mà anh không với tới được, ngay cả khi anh đã đứng kiễng trên đầu ngón chân. Tôi im lặng thù ghét, ngấm ngầm đau khổ hoặc tôi cố hướng câu chuyện của cô sang mọi loại đề tài khác, và đôi lúc cũng khá thành công. Nhưng khi vừa mới còn lại một mình là lập tức cô chúi mũi ngay vào những bản nhạc.

— Em thích tác phẩm nào hơn cả — một lần tôi hỏi cô, — trong số những bản nhạc đến nay em đã làm quen.

— «Hồ thiên nga», — cô trả lời ngay, không nghĩ ngợi.

Tôi chẳng lấy làm lạ mà còn vui thích nữa. Đây là một cái cớ rất tốt.

— Tuyệt-diệu! Tôi nói. — Em có muốn đi xem hát với anh không? Theo anh biết thì trong tuần này có buổi biểu diễn đấy.

— Buổi biểu diễn như thế nào kia?

— Rất đơn giản, chính là ba lê «Hồ thiên nga». Em cứ đi xem rồi em sẽ hiểu.

— Vâng. — Cô đồng ý.

Nhưng trong giọng nói của cô hình như có phần ngập ngừng, thậm chí còn tiếng tiếc nữa. Tôi biết rõ là chuyện này làm cô sợ hãi. Tôi đã lường trước điều này. Tôi mua hai vé ghế lô loại đắt tiền và kéo

cô đi xem khoan khoái nghĩ trước đến thắng lợi của mình. Cô ngồi chống tay lên lan can, không ngó xuống phòng khán giả. Nói cho đúng thì trong phòng khán giả chẳng ai can dự gì đến cô. Cô rất xúc động, tôi cảm thấy toàn thân cô đang chìm lắng, dường như cô cố gắng nhớ lại điều gì đó.

– Chương trình đây này, em đọc đi! – Tôi nói.

– Để sau hãy hay, – cô gạt đi.

Có lẽ đây là lần đầu tiên cô từ chối không chịu thực hiện yêu cầu của tôi, vì cho đến nay cô vẫn ngoan ngoãn làm theo mọi mong muốn của tôi. Khi hồi chương thứ nhất vang lên, tôi thấy nét mặt cô rất căng thẳng, toàn thân cô nhỏ bé đi và thụt sâu vào trong ghế. Nhưng dần dần nét mặt cô cũng dịu đi và thoáng hiện một nụ cười. Thí nghiệm của tôi rõ ràng không thành công. Trong lúc nghỉ giải lao, tôi dẫn cô đến quầy giải khát và giả vờ thản nhiên hỏi cô:

– Thế nào em, có khác đấy chứ?

– Không, – cô trả lời, – cũng chẳng có gì khác.

– Thế đằng nào hay hơn?

– Tất nhiên là ở nhà hát rồi. Tuy vậy, không phải hai đằng giống nhau đâu. Tất cả những gì em nghe một mình ở nhà hình như diễn ra ở ngay trong em. Cứ tưởng như chính em đang đàn vậy.

Cái cảm giác hân hoan nội tâm không sao diễn tả được này đối với tôi thật là tốt nhưng than ôi chẳng phải thường xuyên tôi có nó. Còn như tâm hồn cô chắc là tràn ngập niềm hân hoan đó. Khi tôi đưa cô đến nhà hát, tôi cứ tưởng rằng âm thanh của dàn nhạc sẽ cho cô thấy cái đẹp chân chính của âm nhạc và cô sẽ phải thất vọng với bản sao mờ nhạt nẩy ra

do trí tưởng tượng của cô. Tôi còn đang mời cô uống nước chanh giữa lúc nghỉ thì một người bạn tôi, một anh chàng ngốc đặc chạy tới.

— Cậu vẫn chưa vợ à? — Anh ta hỏi vẻ quan tâm

— Cậu biết đấy, vẫn chưa có gì, — tôi đáp.

Và tôi ngạc nhiên khi thấy Đô-rô-tê-a khinh bỉ nhìn anh ta, khiến anh ta phải xấu hổ vì quá thô lỗ nên vội vàng chạy lại với chị vợ đang phát cuồng lên vì tò mò, muốn nghe xem có gì mới. Sau buổi diễn, chúng tôi đi ăn ở tiệm. Mãi đến lúc rày Đô-rô-tê-a mới nhận xét một cách rộng rãi.

— Câu chuyện cổ tích kể cũng được, nhưng phải cái hơi ngây ngô.

Sao kia, tôi không chờ đợi ở cô những nhận xét như thế.

— Tại sao lại ngây ngô?

— Em cũng chẳng biết như vậy có tốt không? Cái việc thiên nga hóa thành người ấy, mà lại là công chúa kia chứ. Rồi lại ngồi trong tòa lâu đài buồn tẻ nữa. — Cô nói rất nghiêm chỉnh, giọng cô lộ vẻ chân thành sâu sắc.

— Thế còn y phục thì sao? — Tôi nói vui, — lại còn hoàng tử nữa cơ mà?

— Thế nhưng thiên nga lại biết bay! — Cô nói rất hồn nhiên.

— Tôi bắt đầu dè chừng. Bác sĩ I-u-ru-cô-va khuyên đừng để tâm đến những cơn tái phát nho nhỏ. Đừng nên làm cho cô ấy nghĩ ngợi. Phải chú ý. Tôi vờ như nghe không rõ. Chúng tôi vui vẻ ăn bữa tối nhưng về nhà thì cả hai đều im lặng và lạnh nhạt.

Mùa hè ập đến đột ngột và nóng nực đến nỗi nhựa đường chảy ra trên đường phố. Hồi này chỉ có thể lên sân thượng vào buổi tối, khi mặt trời đã lặn hẳn và gió mát từ trong khe núi Vla-đai bắt đầu thổi về. Tôi trông thấy gió lao đi vùn vụt trên con đường ngoại ô và ở đâu đó cạnh Bòi-a-na, nó rẽ ngoặt xuống thành phố. Nó phóng như bay đến chỗ chúng tôi, nó vẫn trẻ trung và tự đến, nó va quệt vào các góc nhà rồi lại vội vã ra đi. Nhưng chẳng bao lâu nó mất hứng thú và hòa lẫn với đám hơi dầu sáng của thành phố.

Mặc dầu mặt trời mùa hè nóng bỏng, Đô-rô-tê-a vẫn xanh xao như trước. Tôi đưa cô đến hồ chứa nước I-xcư-rơ-xcôi-e để dạo chơi và tắm nắng chút ít. Chúng tôi làm như đến đây câu cá. Nhưng thực ra tôi không phải là người đi câu, mà giấy phép tôi cũng không có. Biệt thự của tướng Crư-xtép nằm trong khu vực cấm và các nhân viên của đội kiểm tra cá lại không để ý đến nơi này. Vị tướng không ở đây, với lại chúng tôi cũng không cần có ông. Chúng tôi mang theo mọi thứ cần thiết. Tôi đã chuẩn bị sẵn một chiếc cần câu dài bằng tre và chúng tôi đi ra khu vịnh nhỏ. Buổi sáng mùa hè ấy rất đẹp. Mặt hồ óng ánh như bạc ngay trước mặt chúng tôi. Mặt trời còn chưa kịp xuyên thủng tấm màn hơi nước, chúng tôi đi giữa những đám cỏ cao ngang đầu gối như lạc vào một thế giới sương mù huyền thoại. Chẳng mấy chốc chân đã ướt dầm sương mai, giống như chúng tôi vừa mới lội ngang qua suối. Nhưng Đô-rô-tê-a không để ý đến những cái đó. Cô nhìn ngắm chung quanh như một người đang bị mê hoặc.

— Trời ơi! Sao mà tuyệt thế này. — Cuối cùng cô nói.

Trong giọng cô nói lộ nỗi kinh ngạc không sao tả xiết. Hoàn toàn có thể như vậy lắm vì lần đầu tiên cô tiếp xúc với thiên nhiên. Có lẽ lần đầu tiên cô dẫm chân lên những hạt sương ướt đọng. Tôi cũng vậy. Quả thực miền này có một vẻ đẹp hiếm thấy. Ngư dân vẫn quen gọi nơi đây là «cái sừng vàng» đâu phải chỉ vì có nhiều cá. Chỗ này hồ giống như một vũng biển ăn sâu vào cánh rừng thông xanh non. Bờ không có. Sau những trận mưa rào mùa xuân, nước đã dâng lên ngập cả khu bãi cỏ và đám cây con. Bây giờ đây trên mặt hồ phẳng lặng còn nhô lên những ngọn thông nhọn đầu và những chỏm xanh của đám liễu ven bờ bị ngập nước. Khắp mọi nơi sặc sỡ những bông hoa vàng, hoa xanh, có lẽ Đô-rô-tê-a chưa lần nào trong đời được thấy nhiều hoa như vậy. Tôi buộc vào cần câu hai thước dây cước và móc mồi vào lưỡi câu. Vào thời gian này, trong năm, loại cá bạc có vẩy hồng ở hồ ham đớp bất kỳ thứ mồi nào.

— Anh định làm gì đấy? — Đô-rô-tê-a ngạc nhiên hỏi.

— Anh câu cá.

— Anh đừng câu! Em không ăn cá, chưa khi nào em ăn cá đâu.

— Còn anh lại thích ăn cá! Cá ngon lắm nhé.

— Thế thì em biết làm gì?

— Em thích làm gì thì làm. Em ra xe lấy chăn và giường xếp rồi đem lại ven rừng đằng kia kìa. Nghỉ ngơi, đọc sách và tắm nắng tha hồ.

Một lúc mà có bao nhiêu khả năng, lại toàn những điều thú vị. Cô yên lòng, quay lưng lại phía tôi rồi đi đến chỗ để xe. Ngày hôm nay cá cắn câu như điên. Ở bờ hồ này không ai làm chúng sợ nên có lẽ chúng

chẳng ngờ gặp nguy hiểm. Tôi chẳng có thời gian mà nhặt đám cá con nữa, tôi cứ ném chúng qua vai xuống đất. Chúng đụng phải bờ, tôi nghe thấy chúng quẫy ráo riết trong cỏ. Một vài con lách ra đến mép nước và tôi trông thấy chúng hồi sinh, lặn vụt xuống đáy hồ. Thôi, chúng nó cứ việc mà sống, tôi đâu phải kẻ thù của chúng. Và chuyện đó cũng chẳng làm tôi mất vui.

— An-tô-nhi! — Tôi nghe có tiếng Đô-rô-tê-a gọi.

Vừa đúng lúc tôi đang nghĩ « Không biết cô ấy trốn ở đâu? ». Tiếng cô ấy gọi nghe rất rõ nhưng hình như ở mãi đâu xa. Tôi quay lại, trên bờ không một bóng người.

— An-tô-nhi! — Cô ấy lại gọi.

Tôi lo lắng nhìn ra hồ. Sương đang tan, mặt hồ xanh biếc và phẳng lặng, sáng lóa ngay trước mắt tôi. Mãi đến khi nhìn kỹ tôi mới thấy mái tóc màu hạt dẻ của cô thấp thoáng đâu đó ở bờ bên kia.

— Em sao thế, mất trí à? — Tôi giận dữ kêu lên.

Vị tất tôi có thể nói câu gì khiếm nhã hơn, nhưng cô ấy nghe hết sức bình thản, tôi còn thấy cô ấy mỉm cười nữa, quay khuôn mặt như một đốm sáng trắng về phía tôi.

— Quay về thôi, — tôi nói thêm nhưng không còn gay gắt nữa.

Tôi biết là cô ấy nghe rõ tiếng tôi nói, dù tôi có nói thầm đi nữa. Cũng như mọi khi, cô ấy ngoan ngoãn quay về, có lẽ vẫn còn đang cười sự sợ hãi của tôi. Vì thế tôi đâm bực mình. Giả dụ bất thình lình vị tướng xuất hiện thì làm sao đây? Trong khu vực cấm này tuyệt đối không được phép tắm. Nhưng cô ấy làm

sao biết được điều đó. Chính tôi mới có lỗi vì đã không báo trước cho cô biết. Đô-rô-tê-a bơi gần đến bờ, cô không cười nữa, chắc cô cũng cảm thấy tôi đang tức giận. Cô bơi nhẹ nhàng và thoải mái, đồng thời lại vụng về, giống như con nòng nọc vừa mới đứt đuôi. Bơi tới bờ, cô đặt chân chạm đất và đứng thẳng người lên. Cô hoàn toàn khỏa thân nhưng dường như không ý thức chuyện đó. Vâng, đúng là cô không ý thức thật, mắt cô nhìn bình thản và trong sáng, không một chút ngượng ngùng, bối rối, không một giọt lả lơi, khêu gợi. Hình như cô không cảm thấy e thẹn, cũng giống như trẻ con hoặc những nữ thần cổ đại. Cô đi lại chỗ tôi, tay vuốt vuốt những giọt nước long lanh ở vai. Cô giống hệt như là tôi chờ đợi được nhìn thấy cô, trắng trong, gần như xanh thẫm, cặp đùi thon thả và bộ ngực mới nhú.

— Em không biết là ở đây không được tắm! — Cô luống cuống nói. — Làm sao mà em biết được, em mới đến đây lần đầu tiên.

— Không sao... Anh không ngờ là em biết bơi đấy.

— Biết bơi ư? Không, em cứ lội xuống nước và tự nhiên em bơi thôi mà. Lần đầu tiên trong đời em bơi em nói thật đấy, anh An-tô-nhi ạ.

Tôi hoài nghi ngắm nhìn cô, mặc dầu tôi biết là chẳng đời nào cô nói dối cả. Nhưng dù sao thì...

— Em chưa bao giờ học bơi à?

— Chưa bao giờ, — cô dừng lại cách tôi mấy bước chân và đáp. — Vì sao lại phải học cái việc tự nhiên ấy chứ?

— Có lẽ em nói đúng, — tôi trả lời. — Em bơi thoải mái tựa như con nòng nọc ấy. Người ta nói thế mà

đúng con người từ lớp ếch nhái mà ra, chẳng hạn từ loài ếch.

– Con người từ loài chim mà ra, – cô cãi lại.

– Thế tại sao em lại bơi được như con nòng nọc nào? Có ai dạy em bơi đâu nào? Đó là bản năng tiềm tàng trong người chúng ta.

– Em cũng chẳng biết nữa. Có lẽ anh từ loài ếch ra, anh An-tô-nhi ạ. Còn em thì lại từ loài chim mà ra. Em tin chắc như thế đấy.

– Được rồi, – tôi nói. – Em mặc quần áo vào đi. À mà em không thấy thẹn với anh hay sao?

– Với anh thì không, – cô vừa đáp vừa quấn đám tóc còn ướt.

– Vì sao vậy?

– Vì anh là An-tô-nhi!

– Là An-tô-nhi, – tôi cười chua chát – Là bác An-tô-nhi chứ gì?

Thế là thêm một sơ suất. Tôi đã quên khuấy mất cái trang này trong quá khứ của cô.

Cô cũng không chú ý đến lời tôi nói, tưởng như tôi chẳng nói điều gì đặc biệt cả.

– Anh là An-tô-nhi. Buồn cười, – cô nói. – Anh lại còn biết rán cá nữa kia?

– Ồ, em không biết làm hay sao?

– Em biết chứ, nhưng em chẳng muốn... Chẳng muốn quay gà, cũng chẳng muốn vặt lông chúng

– Em làm anh chán ngấy chuyện chim của em rồi đấy, – tôi nói vẻ trêu chọc, – nhưng em mặc quần áo vào đi đã.

Cô quay người, bước đi, thận trọng và lóng ngóng dò từng bước để cỏ khỏi đâm vào bàn chân mềm mại.

Tôi nhặt tất cả đám cá con còn sống đem thả xuống hồ. Một số lặn sâu ngay xuống nước, một số còn nằm ngửa bụng ven bờ cát. Tôi đã có kinh nghiệm là phần lớn đám cá này sẽ sống lại và sẽ còn bơi lội rất lâu. Tôi đứng đấy nhìn mãi không chán đàn cá lượn lờ dưới nước. Vẫn có một số con phơi bụng lên, một số khác bơi nghiêng nghiêng, miệng há ra. Tôi bỗng cảm thấy đau khổ dằn vặt là đến một ngày nào đó tôi sẽ bị trừng phạt vì cái việc tồi tệ này. Chỉ còn một con cá nằm lại trong đám cỏ, bất động, không còn sức sống nữa. Tôi chờ đợi khá lâu. Trong một giây nào đó, nó chợt ngọ nguậy cái đuôi màu vàng nhưng rồi mọi việc cũng chấm hết.

Đô-rô-tê-a trải hai chiếc chăn dưới đám bóng cây hiếm hoi và nằm ngửa mặt theo dõi bầy chim của mình, đang bay liệng chập chờn trong bầu trời quang đãng xanh lơ. Đấy là những con chim cú có đôi cánh đen nhọn hoắt và cái cổ thuôn thuôn, có lẽ chúng đang mải bắt sâu bọ và vui sướng tận hưởng khí trời trong lành. Tôi ngả lưng trên tấm chăn kẻ ô, chính lúc này màu sắc rực rỡ như bốc lửa của nó lại làm tôi bực tức. Đô-rô-tê-a nhấm nhấm ngọn cỏ, nét mặt cô mỗi lúc thêm tư lự.

— Anh có muốn em kể chuyện cho anh nghe không? — Cuối cùng cô nói.

— Chuyện gì vậy, Đô-rô-tê-a?

— Chuyện ba em mất ấy mà!

— Bây giờ khoan đã, — tôi nói, tim như thắt lại. — Sau này hãy hay.

— Sau này thì em chẳng còn lòng dạ nào mà kể nữa đâu, — cô nói.

Tôi hiểu là không nên ngăn cô nữa. Cô đang cần trút hết nỗi niềm.

— Thôi được, nhưng em đừng quá xúc động đấy!

— Mãi đến nay em vẫn chưa kể cho ai nghe cả, — Đô-rô-tê-a nói tiếp. — Ngay cả với bà I-u-ru-cô-va cũng vậy. Nhưng bà lại biết chuyện này.

Từ chỗ chúng tôi đang nằm đây nhìn ra là cánh đồng kiểu mạch xanh non. Và ở đằng xa kia có một mảnh hồ, trông xanh và đặc như một tấm kính.

— Được rồi, anh nghe em đây, — tôi nói.

. . . . . .

«Anh biết không, anh An-tô-nhi, ba em là một công chức. Chính ông nói ông là một công chức. Ngày nay không ai còn dùng từ này nữa, bây giờ người ta gọi là «người phục vụ». Tại sao lại là người phục vụ? Cứ theo em nghĩ thì như vậy là ngu ngốc và xúc phạm nữa. Cái từ này không xứng đáng với con người đâu. Nhà em có con chó Ba-rôn. Mọi người gọi nó: «Ê, Ba-rôn, phục vụ đi!». Thế là con Ba-rôn đứng dựng trên hai chân sau và co hai chân trước lên, cái bụng nó xanh tái và trong trong, có những núm vú nho nhỏ, hồng hồng. Em cứ buồn cười khi nhìn con chó Ba-rôn tội nghiệp ấy, đôi mắt nó đượm vẻ ai oán, dường như nó đang khóc hay sao ấy. Loài chó rất không thích phục vụ. Và con người cũng không thích. Chó đã không thích, con chim thì khỏi phải nói nữa. Anh đã có lần nào đến vườn bách thú chưa? Anh có thấy con đại bàng bị nhốt trong lồng không? Ở trên đời này không có gì buồn thảm hơn là chim đại bàng sau hàng lưới sắt. Lẽ nào đại bàng lại có thể «phục vụ». Cố nhiên là không rồi.

Ba em gầy như một bộ xương. Lúc đầu ba cũng không đến nỗi gầy quá như thế đâu, nhưng rồi năm này qua năm khác, ba cứ gầy đi mãi, cho đến lúc chỉ còn da bọc xương. Anh có biết vì sao không? Tại vì đêm nào má cũng uống máu ba trong lúc ba ngủ say. Má đặt vào sau gáy ba một cái vòi và má hút máu. Anh An-tô-nhi, anh đừng sợ, em nói điều đó không phải vì em điên đâu, cái đó là do em nghĩ ra lúc em còn nhỏ ấy mà. Bác sĩ I-u-ru-cô-va nói là trí tưởng tượng của em phát triển rất mạnh. Mọi bất hạnh của em cũng duyên do từ đó cả, bởi vì, như bác sĩ nói, em không thể nào phân biệt những điều tưởng tượng với cái có thực. Quả là em có những ảo ảnh, nhưng từ khi bà ấy cho em uống thuốc thì em hóa ra ngây dộn đi. Bây giờ em sống cứ như trong mộng ấy. Ba em cũng sống trong mộng. Ba không bao giờ mỉm cười, ba nói rất khẽ, mũi ba lúc nào cũng ươn ướt như mũi con Ba-rôn, và cũng giống như con Ba-rôn, ba phục vụ, dù bất kỳ ai ra lệnh cho ba, đến nước ấy thì ba hóa ra thiểu não, anh An-tô-nhi ạ, đến nước ấy thì đôi mắt ba chỉ còn biết cam chịu. Ngay cả trong những lúc nóng nực ghê gớm nhất, ba cũng cứ khụt khịt và hỉ mũi vào chiếc khăn nhàu nát quá thể. Mặc dầu ba rất buồn bã và trầm tư, nhưng ba chẳng giống đại bàng tý nào. Ba giống con quạ gầy còm ủ ê hơn. cứ mùa đông đến là nó rúc mỏ vào cánh và ngồi yên. Em đã trông thấy ba khóc. Lúc đó em còn chưa biết má em đã kiếm được một gã nhân tình làm lính cứu hỏa. Khi ba em mất thì hai người lấy nhau. Người lính cứu hỏa nom rất khỏe mạnh, có lần đang giữa mùa đông, ông ta cởi bỏ hết áo ngoài ra, chỉ còn mặc độc một cái may-ô và người ông ta bốc hơi mờ mịt như ngựa bốc hơi. Em chẳng bao giờ thấy ba má cãi cọ

nhau về chuyện ông ta, mặc dầu ông ta hay đến chơi nhà em và chốc chốc lại giơ tay lên chào, ông ta rất thích chào và cọ ủng, chân nọ vào chân kia, cho đến lúc tỏa mùi xi hôi hôi. Ông ta phàm ăn kinh khủng. Một lần chỉ còn lại hai người ở trong bếp là ông ta và em, ông ta liền mở vung xoong và ăn liền một mạch hết sạch cả. Sau đó ông ta còn cười và cấu véo em nữa Em xấu hổ quá, nên em khóc suốt cả ngày hôm đó, thế mà má chẳng dám nói nửa lời. Hồi ba sắp mất, ông ta đến nhà em luôn luôn. Những lúc đó ba bỏ nhà ra đi và chắc ba lại lang thang ở những phố vắng và ba khóc. Bác sĩ I-u-ru-cô-va bảo rằng em bị di truyền xấu, em giống ba và vì thế cũng gầy gò và đa cảm.

Vào buổi sáng hôm ấy, khi ba dẫn em đi mua áo măng-tô thì ba rất buồn. Em làm ra vẻ không hay biết tý gì, nhưng em vẫn thỉnh thoảng thấy ba lại đưa tay lên lau nước mắt. Ba không có áo măng-tô, mùa đông ba vẫn phải mặc áo mưa, có gài thêm một miếng da dê thuộc cả lông. Anh An-tô-nhi ạ, trong đời em chưa từng khi nào em trông thấy một chiếc áo mưa sờn rách như của ba, nó bạc trắng ra vì nắng mưa, trông chẳng khác gì áo bờ-lu của người bán hàng. Nhưng hôm ấy trời không lạnh lắm, chỉ phải cái đường trơn dễ sợ. Đúng là vào cuối tháng Chạp, hai ngày trước khi sang năm mới. Đêm hôm trước thậm chí trời còn mưa nữa. nhưng sau có gió lạnh thổi về rồi mưa tạnh. Những giọt mưa đọng lại như những bong bóng nước, đến khi em giẫm đế giầy lên thì chúng tan vỡ ra như những mắt người. Thật khủng khiếp khi đi trên những mắt người, nhưng ba và em vẫn cứ phải đi và đi, thỉnh thoảng ba lại bóp mạnh tay em đến nỗi em phải kêu lên vì đau. Cứ như thế, ba và em đến tận trung tâm thành phố, ở đây cũng may là những người qua đường

đã giẫm nát tất cả nên cha con em phải hoàn toàn yên tâm mà đi.

Ba mua cho em chiếc áo măng-tô màu xanh, có cổ trắng bằng lông thú nhân tạo. Trước đó chưa bao giờ em có một chiếc măng-tô đẹp như vậy. Cô bán hàng định gói cho em, nhưng em đòi mặc, ngay và gói chiếc áo cũ lại. Ngay ba cũng hân hoan khi thấy chiếc áo rất hợp với em. Ba và em ra khỏi cửa hàng và vội vã về nhà. Ba lại cầm tay em, mũi hếnh lên vì tự hào có cô con gái mặc áo đẹp như búp-bê, cùng đi bên cạnh trên đường phố. Chắc anh cũng đoán được phải không, anh An-tô-nhi, là mũi em giống mũi ba, nên ở trường bọn nó mới gọi em là Đi-di, con gấu Ma-lai-xi-a. Em chẳng giận đâu. Không biết anh đã trông thấy con gấu con Ma-lai-xi-a trên các bức tranh chưa nhỉ, trông rất dễ thương, mũi giống như cái vòi ấy, đen đen, óng ánh.

Thế rồi em và ba cùng đi trên vỉa hè và ba vẫn nắm chặt tay em. Phố xá rất đông người, ai cũng mang cũng xách, người vác cây thông, người cầm đồ chơi trẻ em. Nhưng ba em thì chưa khi nào mua cây thông cả, em thường được đưa đến bên cây thông ở trong sở ba em làm. Nhưng cây thông như thế nào còn chưa kịp ngắm cho thỏa thích thì ông già tuyết say rượu, có chiếc mũi dài, đã hiện ra và cho em một con ngựa gỗ. Em tha thiết gì ngựa gỗ kia chứ? Em lập tức đem đổi lấy quyển sách. Ai mà không muốn đổi sách lấy ngựa, phải không nào? Nhưng lúc bấy giờ em chẳng nghĩ đến cây thông nào hết, thậm chí em cũng không xin ba mua cho quyển sách nào mặc dầu em rất thích sách. Lúc bấy giờ em còn đang sung sướng vì có chiếc áo măng-tô đáng nguyền rủa ấy, vì nó mà sinh ra mọi tai họa của đời em.

Điều không hay là trong lúc đang đi ấy thì ba lại buồn bã. Mới đầu em thấy tay ba mềm nhũn và ươn ướt. Sau đó ba buông hẳn tay em ra. Chính cái đó đã hại ba. Em không nhìn mắt ba nhưng em cảm thấy ba lại đang lơ đãng nhìn về phía trước. Em cũng đã biết từ lâu là mỗi khi ba đi phố, ba không trông thấy gì cả, cứ như một người mù vậy. Em và ba đi ngang qua công viên thành phố rồi rảo bước trên phố I-van Va-dốp. Đến khi sắp vượt qua góc phố Ra-cốp-xki thì ba đứng dừng lại trước một đống tuyết trên vỉa hè. Do dự một chút rồi ba nhảy qua. Ba đã hoàn toàn quên mất em. Và ba chỉ mới bước có một chân ra mặt đường, rõ ràng ba đang chần chừ vì còn mải nhớ xem có quên gì ở đằng sau không. Em thì đang đứng đó, cầm gói áo trong tay.

Đúng vào chính giây phút ấy, chiếc ô-tô lao vào ba nhanh như chớp. Dù cho em có sống đến một trăm cuộc đời đi nữa, anh An-tô-nhi ơi, thì cảnh tượng ấy sẽ cũng vẫn hiện ra ngay trước mắt em dường như vừa mới xảy ra ngày hôm qua đây thôi. Cảnh tượng ấy đã khắc sâu vào ký ức em và không có gì xóa sạch được. Từ khi em bị đau nặng thì điều khủng khiếp ấy luôn luôn ám ảnh em không rời, thậm chí nếu em có bình phục đi nữa. Em vẫn không thể nào dứt ra được, không có cách nào hết, nếu không thì em đã chẳng kể cho anh nghe câu chuyện này và chẳng làm cho anh phiền muộn. Ngay lúc này, em cũng đang nhìn thấy rõ ràng chiếc xe ô-tô màu xanh sang trọng, có những đèn pha sáng lóa. Nó phóng như điên. Nó chồm lên ba, khiến ba bật tay ra và ngã đè lên chiếc áo khoác. Chiếc xe còn lao thêm mấy mét nữa rồi mới đứng sững lại. Theo quán tính, ba cũng bay về phía trước. Em cảm thấy là ba cứ bay vĩnh viễn, còn thời gian dường như

dừng lại. Tay và chân ba bắn tung tóe, đầu thì rũ xuống, chỉ còn nhìn thấy chỗ hói trăng trắng trên đỉnh đầu. Sau đó ba đổ khuỵu xuống vỉa hè, đầu toác ra như quả trứng vỡ. Em không ngã ngất mà cứ đứng đờ người ra không chớp mắt, mụ mẫm đi vì khiếp đảm, em cứ thế nhìn, nhìn mãi.

Người ở bốn chung quanh chạy đến. Kẻ sát nhân chui ở trong xe ra. Đó là một thanh niên còn trẻ lắm, nhưng mặt đã có những nếp nhăn như một bà già. Vài người định nâng ba lên, còn số đông thì vây quanh anh lái xe. Một người nắm áo anh ta, một người khác đánh vào cổ. Đám đông có vẻ hung dữ. Anh lái xe giật giật người như con búp bê khâu bằng vải, rồi lăn ra mặt đường, dứt tóc, gào rú, quằn quại, nhưng em cảm thấy là anh ta giả vờ làm như vậy. Mọi người ghê tởm tránh xa anh ta, nhiều người buồn bã bước qua. Suốt cả thời gian đó, em vẫn đứng nguyên, không nhúc nhích.

Người ta đặt ba vào một chiếc xe chạy qua đường đó. Em nhìn thấy đầu ba bị vỡ và em biết là ba đã chết. Không một ai để ý đến em, không một ai đoán ra là em đi cùng với ba. Cảnh sát dẫn anh lái xe đi, đám đông cũng dần dần giải tán. Ở nơi mà người ba ngã xuống chỉ còn một vũng máu đỏ loang. Cuối cùng rồi em cũng bước đi. Em cứ đi như trong mộng, qua được hết cái phố kinh khủng ấy và lê về đến nhà. Nhưng dù em kinh hoàng và chết điếng vì đau khổ, em cũng không lúc nào quên rằng em đang mặc áo măng-tô mới. Em lê lết như một xác chết mặc áo măng-tô mới, bước thấp bước cao, khó nhọc lắm mới cất nổi chân lên được.

Em không còn nhớ em đã về nhà như thế nào và nói gì với má nữa. Em chỉ nhớ là mặt má trắng bệch

ra như bột, nhưng mắt má lại hoàn toàn trống không. Mắt má không lộ nỗi đau khổ hay vui sướng, không lộ gì cả ngoài sự trống không. Sau đó em chạy xô vào trong bếp, chưa kịp đến chỗ bồn rửa mặt, em đã ngã vật ra sàn nhà, em bắt đầu nôn ọc một thứ gì đó gớm guốc như mật xanh mật vàng. Em rất muốn làm sao mổ phanh được cái bụng mềm mềm của má ra để cho nó chảy hết tất cả những gì nhơ nhuốc đã tích đầy trong đó. Em muốn điều đó quá, đến nỗi cắn chảy cả máu môi. Đấy, con người là như thế đấy, anh An-tô-nhi ơi, nó vốn như vậy, không nên nghĩ về nó tốt hơn ».

. . . . . .

Đô-rô-tê-a đã kể xong câu chuyện, những lời cuối cùng của cô lắng đọng lại trên môi. Vẻ mặt cô mệt mỏi, đôi mắt thẫn thờ.

– Thôi để cho em ngủ một lát, anh An-tô-nhi nhé, em mệt kinh khủng.

Tôi đi dạo một mình bên bờ hồ. Tôi đi tha thẩn rất lâu, dễ đến một giờ hoặc lâu hơn cũng nên. Tôi có cảm giác là tôi đang đi quanh quẩn trong bầu trời đang có những đám mây đứng yên một chỗ, bầu trời đang được phản chiếu rõ ràng trong mặt nước lặng tờ. Là một người kín đáo, tôi ít chú ý đến những gì đang xảy ra ở chung quanh. Chung quanh không làm tôi hứng thú, không gây nên tiếng vọng trong tâm hồn tôi, thậm chí đến tất cả những cái người khác mê say cũng chẳng gợi cho tôi niềm cảm hứng. Lòng tôi dửng dưng khi đứng trước kim tự tháp Khê-ốp hay khi ngắm thác nước Ni-a-ga-ra. Nhưng sao ngày hôm nay tôi lại thấy trong lòng xao xuyến, cảm động. Có lẽ đó là bản năng tự vệ chăng, nhưng rồi tôi cảm thấy

thanh thản nhanh hơn là tôi tưởng nhiều. « Đô-rô-tê-a nói đúng, con người là như thế đấy. – tôi nghĩ. – Con người nặn ra từ bùn đất, nước hồ và những đám mây. Dù cho với một tỷ lệ thế nào đi nữa thì những yếu tố hợp thành của chất hỗn hợp này có lẽ vẫn không thay đổi ».

Tôi vô tình đi mãi tới tận ven rừng. Đó là một vạt rừng non, nhưng cây cũng đã rậm rạp. Những cành cây giống những cánh tay gầy guộc và cứng cát đan kết vào nhau. Mặt đất phía dưới vẫn còn trơ trụi, không một ngọn cỏ, một đóa hoa, thậm chí không cả một cây dương xỉ, không có gì hết trơn ngoài những thứ nấm lạ tôi chưa hề biết, trắng và mập như những quả trứng gà. Tuy nhiên, vẫn có một cái gì đó mơ hồ lôi cuốn tôi vào sâu mãi, có lẽ đó là cảm giác về cái chưa ai biết và về sự huyền bí, cảm giác này cũng lâu đời như thế giới. Đi trong rừng một lát rồi tôi thong thả quay về.

Khi tôi trở lại chỗ cũ, Đô-rô-tê-a không ngủ nữa, và đang đắm chiêu nhìn mãi về phía xa xa. Cô không nghe thấy tiếng chân tôi, không nhìn thấy tôi, cô mỉm cười nhưng vẫn buồn buồn.

– Em ngủ lâu không anh ?

– Đã lấy gì làm lâu, – tôi đáp.

Cô chẳng bao giờ đeo đồng hồ, vì cô chẳng bận tâm đến thời gian.

– Em đói rồi chứ ?

– Cũng hơi đói thôi..

– Em có muốn ta đi ăn ở đâu chăng ? Gần đây có một quán ăn hay hay.

– Nào thì đi ! – Cũng như mọi lần, cô bằng lòng ngay.

Cố nhiên là chúng tôi có mang sẵn theo thức ăn. Nhưng sau câu chuyện nặng nề như thế thật khó mà hình dung là chúng tôi lại ngồi đối diện với nhau và sẽ ăn một cách ngon lành món dồi thịt và món trứng tráng được. Chúng tôi lặng lẽ xếp đồ đạc. Một sự gượng gạo thế nào đó, hay nói đúng hơn, một nỗi lúng túng vẫn còn vương vấn giữa chúng tôi. Bất cứ sự thú nhận nào cũng đều sinh ra ngượng ngùng và lúng túng cho cả đôi bên. Ngồi vào xe, tôi bắt đầu mở máy. Mãi đến khi xe chạy, tôi mới cảm thấy nhẹ nhõm, mọi việc hóa ra cũng giản dị và tự nhiên, cũng giống như cuộc sống vốn giản dị và tự nhiên.

Có lẽ Đô-rô-tê-a cũng có cảm giác như thế, nên tôi để ý thấy cô mỉm cười. Nhưng cũng chẳng có thì giờ mà nghĩ đến chuyện đó nữa, vì xe chúng tôi đã đi vào rừng. Con đường quá hẹp, lại bị xói lở nhiều, đang luồn dưới bóng cây um tùm. Mấy lần xe bị trượt và phải vất vả lắm, tôi mới đưa xe đến chỗ khô ráo hơn. Lái được xe ra đường cái thì người tôi đã đẫm mồ hôi.

— Em giúp anh đấy nhé! — Đô-rô-tê-a cười, — khi những bánh xe rút cuộc cũng đã lăn trên mặt đường nhựa.

— Em giúp à ? Bằng cách nào vậy ?

— Bằng ý nghĩ.

— Em làm anh hăng hái lên phải không ?

— Không, em làm cho xe chạy ấy chứ.

Tôi cũng bật cười. Trẻ con cũng hay nói như thế đấy. Mà không phải chúng chỉ nói không thôi đâu chúng còn tin là thật nữa kia. Tôi nhớ có một lần hồi còn bé, tôi trông thấy một chiếc xe ngựa bị sa lầy trong đống bùn. Người đánh xe cứ lấy gậy thẳng tay

nện vào đầu lũ ngựa đứng ủ rũ. Cuối cùng thì chiếc xe cũng vượt qua được. Lúc đó tôi tin tưởng rất thiêng liêng rằng tôi đã đẩy được chiếc xe đi thật, đẩy bằng ý nghĩ.

— Chuyện đó lại khác ! — Đô-rô-tê-a đáp. — Đằng này em có thể dùng ý nghĩ điều khiển một cái gì đó được thật cơ mà.

Lúc bấy giờ tôi chưa thấy những lời nói này có ý nghĩa gì cả, hoặc tôi cũng không muốn nghe nữa. Trong ngày hôm nay tôi đã nghe quá đủ rồi. Nhưng sau này những lời nói ấy cứ hiện ra trong tâm trí tôi, đeo đuổi tôi mãi không rời.

Lát sau chúng tôi đến một tiệm ăn nhỏ bên hồ chứa nước Pa-ra-xen. Đúng là chẳng có tiệm ăn nào cả, mà chỉ là một quán nhỏ bình thường. Quán này có món thịt nổi tiếng, nhưng bây giờ tôi ăn món gì cũng thế thôi. Trong mảnh sân cạnh nhà có mấy cây cổ thụ, bên dưới kê những chiếc bàn không trải khăn. Tuy nhiên, người hầu bàn lại trải khăn cho bàn chúng tôi và đứng nghiêm cạnh bàn như một người lính. Lâu nay tôi nhận thấy mọi người đều tỏ vẻ kính trọng tôi chắc họ tưởng nhầm tôi là vị tướng cải trang. Mà cũng có thể là chiếc xe hơi sang trọng của tôi đã khiến cho họ đặc biệt vì nể. Tôi gọi món thịt và rượu men-tốp-ca. Trong nháy mắt người hầu bàn đã bưng rượu đến và món thịt thì chưa làm xong.

Nồng độ rượu men-tốp-ca không cao lắm, nên cánh lái xe uống rất đàng hoàng. Đáng lẽ không nên thế. Rượu này lắm khi cũng gây nguy hiểm. Dù sao tôi cũng ngà ngà say, quả không ngờ. Vì đi đường mệt mỏi, hay vì những xúc động vừa trải qua, hay đơn giản chỉ vì ở ngoài nắng quá lâu. Do hơi men chếnh choáng

mà đột nhiên tôi lại bộp chộp và suồng sã, xưa nay tôi không phải là người như vậy.

– À này, về sau ra sao nữa nhỉ? – Tôi hỏi.

– Còn có thể xảy ra chuyện gì được nữa? – Cô rùng mình.

– Em biết rõ hơn chứ.

Đô-rô-tê-a im lặng như không nghe thấy tôi nói.

– Thế nào, Đô-rô-tê-a? – Tôi khuyến khích cô. – Em khổ sở lắm, anh hiểu mà. Nhưng răng sâu thì nhổ ngay đi cho xong chuyện. Tốt nhất là chấm dứt ngay tức khắc.

Đúng lúc này người hầu bàn đem món thịt đến. Không ai đụng tới nữa.

« Chẳng bao lâu sau ngày ba mất, hai người lấy nhau, tất nhiên là bí mật với em. Nhưng cũng tốt thôi, vì họ không ở lại nhà cũ nữa mà dọn đi nơi khác. Sở dĩ họ phải làm như vậy không phải vì lương tâm họ cắn rứt mà chỉ vì họ rất tham lam. Nhà thuê quả là không đắt, nhưng dù sao vẫn cứ phải trả tiền. Thế là họ quyết định dọn đến ở nhà của ông Stan. Chính ông ta tự gọi tên mình như vậy, do nuốt bớt một âm trong cái tên Sve-tan của ông ta. Còn má thì gọi ông ta là Se-sô. Ông ta là người keo bẩn ghê sớm, nâng niu không phải từng đồng lê-va mà từng xu một kia. Từ ngày đó, em ghét cay ghét đắng những người tham lam, anh An-tô-nhi ạ, em không chịu đựng nổi họ và cả những đồng tiền của họ nữa. Khi nào trên thế giới còn tồn tại đồng tiền thì những người như bọn họ không cần ngụy trang cũng vẫn luôn luôn là những kẻ hèn hạ nhỏ nhen như thế. Đồng tiền không có bộ mặt riêng đâu, mặt chúng giống mặt người nào cầm chúng trong tay. Anh An-tô-nhi ạ, có đồng tiền bẩn thỉu, có đồng

tiền hèn hạ, có đồng tiền thảm hại. Và cũng có đồng tiền không có giá nào hết và không có gì mua nổi chúng. Đó là đồng tiền của những kẻ tham lam.

Em vẫn nhớ mãi ngày hôm đó, khi chuyển đến nhà ông Se-sô. Xe vận tải đến, nhưng cố nhiên là không thuê người khuân vác. Mọi người tự khuân vác lấy tất cả. Má có thừa sức nâng một con ngựa đậy, má thành người rất khỏe. Còn ông Sê-sô thì khỏi phải nói nữa. Cả hai người lăn xả vào đống đồ đạc, như lăn vào một đống của cướp được. Đồ đạc ở nhà em rất đẹp do ông em để lại cho. Họ vơ vét tuốt tuồn tuột, kéo lê xuống cầu thang. Tất cả những thứ không mang vác được thì họ kéo dần từng bậc thang, miệng thở phì phò, mồ hôi vã như tắm, cổ căng ra đỏ gay. Riêng chiếc tủ đựng bát đĩa làm cho họ chật vật. Đó là chiếc tủ buýp-phê dài, cồng kềnh, làm toàn bằng gỗ sồi ngâm kỹ, ba thường giảng giải với má như vậy. Lúc đó em trông họ như thế nào kia chứ: chân họ choãi ra, mắt lồi lên như sắp bật ra ngoài. Thế mà cái tủ buýp-phê vẫn không nhúc nhích. Đầu gối họ khuỵu xuống, môi họ nhợt như môi cá. Cuối cùng, họ cũng nhấc chiếc tủ lên được một chút. Và thế là lần đầu tiên họ cãi nhau, họ nhổ nước bọt, họ hét lên những lời lẽ chẳng ra đầu ra cuối để xúc phạm lẫn nhau, tưởng như từ miệng họ cóc nhái, những con vật nhỏ bé xanh xanh như những chiếc cúc áo len, đang thi nhau nhảy ra. Em lại thấy trong người nôn nao, em trốn vào nhà vệ sinh, khóc nức nở cho đến khi em buồn nôn. Đến lúc mọi người lôi em ra thì tất cả đồ đạc đã chất đầy lên xe. Không sót thứ gì, kể cả chiếc tủ buýp-phê nữa, anh An-tô-nhi ạ. Thực không dám tin nữa, nhưng mọi việc đã đâu vào đó. Sự thiếu thốn dạy cho ta mọi cái, làm cho sức mạnh ghê gớm của ta

bộc lộ ra rồi sau đó ta lại lấy làm lạ không biết sức mạnh ấy ở đâu mà có.

Nhà của ông Se-sô ở I-u-sbu-na-re. Lạy trời, từ trước cho tới ngày hôm đó, em chưa hề trông thấy một túp lều nào nát như vậy, anh An-tô-nhi ạ, nó bé nhỏ, xiêu vẹo, có hai cánh cửa sổ cong queo, giống hệt như trong tranh trẻ con vẽ. Hiện giờ họ vẫn còn đang sống ở đó. Nó không giống cái nhà một tý nào, nó giống như một cái cây củ cải mọc thôi, một nửa trên mặt đất. Ông Se-sô trồng củ cải trong vườn và đến mùa thu lại bắt em đi nhổ củ cải, em cố lấy hết hơi sức mà nhổ lên, tưởng chừng như không phải nhổ củ cải mà là nhổ răng hàm. Căn nhà đã cũ kỹ, trát bằng đất sét và quét ngoài bằng một lớp sơn xanh, nhưng sơn bị bong nhiều nên cứ mỗi lần trời mưa, căn nhà lại giống như một quả bóng lem luốc. Muốn vào được trong nhà phải bước tụt xuống hai bậc. Em cũng không hiểu tại làm sao lại như vậy, hoặc người ta đổ đất vào san, hoặc căn nhà mọc lên từ dưới mặt đất. Khắp cả thành phố chẳng có một căn nhà nào như thế. Má và ông Se-sô lại lao vào đống đồ đạc. Nhưng cái tủ buýp-phê thì đúng là không vào lọt cửa. Người ta đành phải để nó dưới mái hiên và đến bây giờ nó vẫn còn nguyên ở đấy. Bảy năm nay nó bị ướt nước mưa, mùa đông bị tuyết phủ, mùa hè bị nắng thiêu, ấy thế nhưng nó vẫn không việc gì. Nó chỉ hơi bị vênh một chút, nhưng tủ buýp-phê vẫn cứ là tủ buýp-phê. Em thì không dám nhìn nó, mà nó cũng không nhìn mọi người nữa, vì mọi người thật đáng ghét, đã đối xử tàn tệ, vong ân bội nghĩa với nó. Đương nhiên là họ có thể đem bán nó đi, nhưng họ vẫn hy vọng sẽ trúng sổ số và được một căn hộ, đến lúc đó sẽ có chỗ cho nó. Mặc dầu

em rất thương cái tủ, nhưng họ thì đừng có hòng mà trúng số.

Mọi việc là thế, anh An-tô-nhi-a, em đã sống bẩy năm trong căn nhà ấy. Mãi đến nay em vẫn không hiểu là tại sao nó chưa đổ sụp đi cho rồi. Nhà chỉ có một phòng lớn và một bếp. Em và bà già sống ở trong bếp. Bà già không phải là mẹ ông Se-sô mà là bà hoặc là cụ kia. Có lẽ bà đã trăm tuổi vì chính bà cũng không nhớ là bao nhiêu tuổi nữa. Bà không còn lấy một chiếc răng nào. Cũng chẳng còn sợi tóc nào trên cái đầu nhỏ bé như đầu chim nữa. Người bà đẫy đà nên khi ngủ bà ngáy rất to Bà ngáy cả ban ngày lẫn ban đêm, vì bà chẳng làm gì ngoài việc ngủ hoặc nhai nhóp nhép cái gì đó. Em không thể nào tả cho anh biết là bà ấy ngáy như thế nào. Có khi mất nhiều đêm liền, em không sao ngủ được. Nhưng em cố chịu vậy, thậm chí em cũng chẳng ghét bà già. Thử hỏi em còn biết làm gì nữa, nếu không chịu đựng, chịu đựng và chịu đựng? Em không có lối thoát nào khác. Mặc dầu thực ra vẫn có đấy. Bởi vì em đã tập bay, khi con người buồn bã và đau khổ thử hỏi có việc gì mà không làm. Nhưng cũng chỉ có thể bay vào ban đêm được thôi, với lại cũng chẳng có mấy khi. Mọi người rồi sẽ nói sao, nếu giữa ban ngày ban mặt lại trông thấy một cô gái điên dại đang bay trên các nóc nhà. Thỉnhthoảng người ta lại đưa em vào bệnh viện, với bác sĩ I-u-ru-cô-va như là đưa vào nhà an dưỡng.

Nhưng cái làm em khổ sở nhiều nhất lại chính là thói bủn xỉn quá quắt của ông Se-sô và của cả má nữa, vì chưa được bao lâu, má đã giống tính giống nết ông ta y hệt. Hai người vẫn bảo là đang dành dụm tiền để mua nhà. Nhưng em không tin. Họ cứ lần lữa mãi,

nên em tin rằng họ sẽ chẳng bao giờ chịu tiêu tốn lấy một xu trong khoản tiền đó, nếu căn nhà còn chưa đổ sụp thật. Ông Se-sô giấu diếm mọi người, kể cả mẹ về mọi thứ đồ ăn thức uống trong nhà. Mỗi tuần một lần, ông ta mua thịt và đem chia rất chính xác đến từng gam một, làm mười miếng bằng nhau. Thịt thường đem hầm với khoai tây trong một cái nồi đồng tựa như cái chậu thau. Khi mọi người đã ngồi vào bàn ăn, ông Se-sô chia cho mình bốn miếng, cho má hai miếng, cho bà già, cho em và cho hai đứa bé sinh đôi mỗi người một miếng. Em không hiểu ông ta ăn nhiều thế để làm gì, vì ngày nào ông ta cũng ngồi không từ sáng đến tối. Suốt đời ông ta chưa chữa một đám cháy nào và cái lần chữa cháy lớn nhất là dập tắt mấy đầu mẩu thuốc lá ở hành lang trong sở ông ta làm việc. Ông ta tuy không to béo, nhưng sức lực của ông ta thì không biết để đâu cho hết. Má thì lại rất gầy. Bây giờ má làm người quét dọn ở bệnh viện và người má cứ toát ra mùi phê-nôn và cả mùi gì nữa rất ghê tởm. Má bắt đầu có ria mép, còn hai tay mọc đầy những mụn cóc. Em cứ nghĩ là số phận hay cái gì đó sẽ trừng phạt họ và trả thù cho ba. Nhưng mãi đến nay họ vẫn chẳng hề gì, thậm chí em còn thấy má và ông Se-sô sống hạnh phúc nữa. Em không hiểu sao lại có thứ hạnh phúc thảm hại, đê tiện ấy được. Nhưng mà vẫn có đấy. Thế nhưng em thì lại nghĩ rằng hạnh phúc duy nhất đối với con người là bay!

Quần áo cho em họ không mua. Sách giáo khoa và vở viết cũng vậy. Nói thực ra thì em cũng chẳng cần đến chúng. Từ trí nhớ của em mãnh liệt lắm. Em chẳng bao giờ quên điều gì cả. Anh An-tô-nhi-a, chắc hẳn đó là trí nhớ thông thường của con người, còn những cái khác là không bình thường. Ngoài thể dục

ra, các môn khác em đạt điểm trung bình. Anh biết không, chiếc mi-ni giuýp em cũng sáng chế lấy đấy. Trong có một năm thôi mà em lớn bổng lên, chiếc áo của em đã cộc đến đây này. Thế là em đành phải đi ra đường với đôi chân để trần cũng nhỏ nhắn như tay em bây giờ. Tất dài thì em không có. Mỗi năm chỉ được mua có một đôi, nên em cứ phải mạng đi mạng lại. Cái từ mạng là từ em ghét nhất đấy, anh An-tô-nhi ạ. Má vẫn hay kể cho em nghe là có một chàng sĩ quan lấy một cô gái nghèo. Chàng thấy cô mạng rất giỏi liền nói: Tôi không tìm đâu ra một người vợ tốt hơn thế này! Và họ cưới nhau. Lúc đầu em giận dỗi vì em ăn mặc tồi quá. Em rất xấu hổ vì rách rưới. Nhưng bây giờ em lại cảm ơn họ, em nói thực đấy. Trên đời có ai mà em chưa bắt chước. Nào Ta-ít, nào Dôi-a Cô-xmô-đe-mi-an-xcai-a, thậm chí cả Xô-nhét-sca Mác-me-la-dô-va nữa.

Ngay trong năm đầu ấy, má đẻ sinh đôi. Hai đứa đều tóc xoăn màu hạt dẻ, bụ bẫm như lợn con. Và cũng như lợn con, suốt ngày chúng kêu khóc đòi ăn. Em rất yêu chúng nó lúc chúng còn bé. Em cho ăn tắm táp, kỳ cọ những cái lưng hồng hồng của chúng. Khi em đang còn khỏe mạnh, em đã săn sóc chúng. Nhưng năm chúng lên sáu, em bắt được chúng đang đùa nghịch. Thật ra cũng chẳng có gì nghiêm trọng vì chúng cũng chỉ nô rỡn như mọi đứa bé khác. Nhưng chẳng bao giờ trong đời em lại tức giận như thế. Thậm chí đến bây giờ em cũng không hiểu là tại sao nữa. Em đánh chúng đến thâm tím mình mẩy. Ông Se-sô đuổi em đi và em đến ở với bác sĩ I-u-ru-cô-va. Rồi về sau, em gặp anh. Em kể hết rồi đấy, anh An-tô-nhi ạ ».

Cô ngừng lời và bắt đầu uống nước chanh ừng ực. Trông cô không còn vẻ đau khổ, ủ ê như khi mới gặp lần đầu nữa. Thậm chí một vài ánh lửa vui vẻ đã lấp lánh trong đôi mắt trong sáng của cô. Và lúc đó rượu men-tốp-ca lại làm cho tôi bất nhã một lần nữa.

– Em thừa biết là như vậy chưa hết đâu!

– Vậy còn gì nữa hở anh An-tô-nhi? – Cô hồi hộp hỏi.

– Em kể chuyện ông bác đi.

– Không! – Cô bật dậy khỏi ghế và kêu lên.

Chưa bao giờ tôi trông thấy cô như lúc này. – Cô không hoảng sợ, hoàn toàn không, mà là một nỗi căng thẳng bên trong, mặt cô nhợt nhạt như người chết và môi thì mím chặt lại.

– Không! – Cô nhắc lại. – Em xin anh, anh An-tô-nhi!...

– Tất nhiên, tất nhiên là vậy. – Tôi cũng hồi hộp không kém gì cô. – Em đã không muốn thì em đừng kể nữa.

Chúng tôi ngồi thêm một chút rồi ra về và lòng chúng tôi càng thêm ảm đạm.

Từ hôm đó, quan hệ giữa hai chúng tôi đã có cái gì đó thay đổi, nó giản dị và tự nhiên hơn trước. Và cuộc sống của chúng tôi cũng hóa tự nhiên hơn. Đô-rô-tê-a vừa về đến nhà, miệng còn thở hổn hển, hai má còn đỏ rực, nhưng đã nhanh chóng thu dọn ngay căn phòng. Tôi có một cảm giác lạ lùng là những đồ vật nào có bàn tay cô đụng tới là y như rằng không còn trọng lượng nữa và tự chúng trở về đúng vị trí. Có khi cô đọc một cuốn sách gì đó tiện tay rút trong tủ sách của tôi, nhưng không phải là tiểu thuyết. Có

khi cô đọc bản nhạc. Nhưng tôi nhận thấy cô không còn say mê như trước kia nữa. Bây giờ cô thường hay mở máy ghi âm nhiều hơn. Có khi cô để hàng mấy giờ liền hỏi chuyện tôi về các nhạc sĩ, đặc biệt là về Traicốp xki. Tôi phân vân không biết nên kể điều gì với cô, còn điều gì không nên kể, đặc biệt khi nói đến việc kết hôn của ông. Cô nghe rất chăm chú và có lẽ tự cô đoán ra được những điều tôi chưa nói. Ít nhất thì tôi cũng cảm thấy như thế.

Tôi đã quen luôn có cô ở bên cạnh nên mỗi khi cô vắng nhà, tôi lại cảm thấy buồn. Tôi không còn giật mình nữa mỗi khi tình cờ đụng phải tay cô. Tôi không hoảng sợ nữa mỗi khi cô yên lặng hàng giờ hoặc cô quan sát những cánh chim bay hàng giờ. Ngày nào chúng tôi cũng lên sân thượng, ngồi trên đó trong lúc sao đêm còn chưa nhấp nháy. Mãi đến bây giờ tôi mới nhận thấy là thế giới này có biết bao nhiêu lá chim. Ngay cả quạ cũng rất nhiều. Tôi chỉ có thể phân biệt được, không lầm lẫn những con chim én, chủ yếu là do chúng bay vun vút. Nhưng Đô-rô-tê-a là một nhà nghiên cứu về chim thật tuyệt vời, cô hiểu biết về chim chắc còn hơn cả một cộng tác viên khoa học lâu năm. Chẳng những cô biết về cơ cấu của chúng, mà còn hiểu cả tính chất và thói quen của chúng nữa. Cô nói về chim như khi nói về người. Chim có đời sống riêng, có số phận, thậm chí có cả ước mơ nữa. Cái đó thì tôi chẳng ngạc nhiên chút nào. Nhiều đêm tôi suy nghĩ mà chẳng hề sợ hãi rằng có lẽ tôi đã mất trí rồi cũng nên. Nhưng sống như thế này rất dễ chịu và tôi cũng chẳng ước mong gì hơn.

Chúng tôi hay đi ăn tối và thường ngồi trên sân thượng của tiệm ăn đêm. Cô vẫn ưng đến tiệm ăn này

hơn mặc dù cô không phản đối nếu tôi đề nghị đến một nơi khác. Có lẽ ngồi thoải mái, dễ chịu trong một căn phòng đẹp đẽ là sự giải trí duy nhất của cô. Tôi rất thông cảm điều này vì chính tôi đã nhìn tận mắt căn phòng của cô trong bệnh viện. Giờ đây cô sống thảnh thơi, cô cười vui khi tôi bông đùa, cô ăn thấy ngon miệng. Chỉ khi nào có một người bạn hoặc một người quen của tôi tình cờ đến ngồi cùng bàn thì cô mới cau có, tỏ thái độ ác cảm, gần như thô lỗ đối với họ.

Còn ngoài ra cô càng ngày càng niềm nở và điềm tĩnh hơn. Và cái chính là giản dị hơn. Nhìn hai má căng tròn của cô mới thấy cô mập ra đôi chút. Tôi sung sướng thấy cô thay đổi, tôi tin là dần dần tinh thần cô sẽ thực sự khỏe khoắn. Suy cho cùng thì cô cũng đã có một mái nhà của mình, tôi nghĩ là hiện giờ như thế đã đủ. Tôi không muốn nghĩ đến mọi việc rồi sẽ kết thúc thế nào, điều quan trọng là cô bình phục hẳn.

Thế rồi lại đến ngày tôi thường đưa tiền lại cho vợ. Nhưng lần này tôi gọi dây nói báo trước để chuẩn bị sẵn. Tôi không muốn nghe những lời rầy la và lăng mạ.

— Na-đi-a đấy phải không, — tôi nói một cách thân thiện. — Xin cô, nếu có thể, đừng nói cạnh khóe tôi thôi.

— Được, anh cũng biết đấy, — cô ta trả lời lạnh nhạt. — Tùy anh đến cũng được, không đến cũng được, chứ chẳng cần phải tối hậu thư.

Tôi suy nghĩ khá lâu, gửi tiền qua bưu điện lại chẳng khôn ngoan hơn ư? Tuy vậy tôi vẫn đến. Tôi không phải hạng người lẩn tránh trách nhiệm, dù có

khó chịu đi nữa. Phải khó khăn lắm tôi mới ép được mình bấm chuông cửa. Con mèo, như sau này Na-đi-a nói với tôi, vừa nghe tiếng chuông đã phóng ngay ra phòng ngoài như một mũi tên. Thậm chí tôi còn nghe tiếng nó kêu ở sau cánh cửa nữa. Vào phòng khách thì nó ngồi xa xa một chút nhìn tôi, vẻ trách móc. Bằng hành vi của mình, rõ ràng tôi đã hoàn toàn tự hạ mình trong con mắt của nó.

Na-đi-a cũng ngồi trước mặt tôi. Mãi lúc này tôi mới để ý thấy cô ta mặc chiếc áo mới, sạch sẽ và không lê đôi dép vẹt gót như mọi ngày. Và trái với thường lệ, cô ta cứ ngồi yên lặng, đăm chiêu nhìn về phía trước. Hình như cô ta hoàn toàn quên mất là còn có tôi, cứ chìm đắm với những ý nghĩ không vui thường ngày. Nhưng rõ ràng là cô ta không tức giận. Cuối cùng cô ta quay mặt về phía tôi và nói:

— Tôi đã trông thấy cô bé dở người của anh rồi.

Có lẽ tôi phải đứng ngay dậy và lặng lẽ bỏ đi. Và không đưa tiền nữa. Nhưng rồi tính tò mò vẫn thường hay làm cho tôi nén giận.

— Ở đâu kia? — Tôi khó chịu hỏi.

— Tôi chờ cô ta ở gần Nhà xuất bản.

Biết đâu chả có người giống cô ấy!

— Ở đó ít nhất cũng có mười cô gái làm việc cơ mà, — tôi nói.

— Nhưng trong số đó chỉ có một cô dở người thôi. Chẳng khó gì mà không nhận ra cô ấy. Còn cô ấy thì không nghi ngờ gì cả, lên ngay tầu điện, tôi cũng lên theo. Tôi muốn nhìn cô ấy cho tỏ tường. Một cô gái không có gì xấu, chỉ có đôi chân, theo thị hiếu của anh, thì còn quá nhỏ đấy. Với anh thì phụ nữ chỉ có đôi chân thôi

mà. Anh An-tô-nhi này, anh không thấy gì hơn nữa đâu, ngay cả khi họ còn có cái đầu nữa.

— Cô thì đến đầu cũng chẳng có đâu! — Tôi buồn rầu nhận xét.

— Anh nói thế cũng chẳng có gì thông minh: — Na-đi-a trả lời một cách bình thản không ngờ. — Mặc dầu cô gái của anh rất nhạy cảm, nhưng cô ta không hề chú ý đến tôi, cô ấy còn đang vội về nhà. Thậm chí vừa xuống xe là cô ấy đã bỏ chạy. Và tôi cố nhiên cũng phải chạy thật lực để đuổi theo sau. Thôi được, cô ấy là người không bình thường đã vậy, chứ còn tôi thì hỏi vì lẽ gì? Anh An-tô-nhi này, tất cả đàn bà chúng tôi đều hơi hơi điên đấy, chứ không phải như đàn ông các anh đâu. Trong lúc tôi chạy theo cho kịp cô ta như thế, tôi lại thấy có phần yêu cô ta bởi vì một cô bé hời hợt, nông nổi tự phụ thì sẽ không chạy như thế.

Từ trước đến giờ tôi chưa hề nghe thấy Na-đi-a nhận xét tốt về phụ nữ. Hay cô ta cho Đô-rô-tê-a không hoàn toàn là phụ nữ và mọi việc xảy ra đều đúng chăng.

— Thật tội nghiệp cho cô gái! — Cô ta nói vẻ thông cảm. — Liệu cô ấy chờ đợi được gì ở anh kia chứ? Trên đời này tôi chưa từng thấy người nào thận trọng hơn và ích kỷ hơn anh đấy. Nhưng luật pháp lại đứng về phía anh.

Tôi ngạc nhiên nhìn cô ta và cái nhìn ấy làm cô ta nổi giận:

— Sao anh lại trố mắt nhìn tôi, cứ như là anh không hiểu tôi muốn nói gì ấy! Theo đúng luật thì anh không thể kết hôn với một cô gái điên được, và

anh chẳng có gì mạo hiểm, đó chỉ là sự kích động thần kinh một cách êm ái thôi.

– Chuyện nhảm nhí gì vậy! – Đến lượt tôi tức giận. – Tôi chẳng bao giờ nghĩ như thế.

– Thế thì tại sao anh lại dan díu với cô ấy?

– Đừng có nói năng lỗ mãng. Tôi muốn giúp cô ấy, có vậy thôi.

– Lại còn thế nữa! Ở đâu ra một người nhân từ như thế này nhỉ? – Cô ta khinh bỉ nhìn tôi. – Một sự tính toán tinh vi. Đừng có bực tức vội. Cần phải nghĩ rằng đây là vô ý thức. Nếu anh muốn, tôi sẽ nói thẳng ý kiến của tôi là hãy cắt đứt với cô ấy ngay tức khắc. Đúng là anh chưa hình dung được cô ấy là người như thế nào đâu. Anh cũng biết bến ô-tô ở đâu rồi; cô ta cứ thế chạy như điên như dại gần nửa cây số, tôi phải dừng lại nửa chừng, tự trách mình, rồi quay trở lại. Cố nhiên là tôi cảm thấy xấu hổ. Ai thì cũng phải xấu hổ mà thôi!

– Vì thế mà hôm nay cô trưng diện phải không? – Tôi hỏi.

Trong một thoáng, mắt cô ánh lên nỗi căm ghét:

– Phải! – Cô nói rắn rỏi. – Con người ta phải biết tự trọng. Dù ít nhiều thì con người phải biết.

Đến đây câu chuyện của chúng tôi cũng chấm dứt. Chúng tôi còn có thể nói gì với nhau nữa. Có cái gì còn lại giữa chúng tôi nữa. Tôi rút tiền trong túi ra để lên bàn và đứng dậy không được tự nhiên lắm.

– Thế anh không hỏi gì đến con à? – Cô ta nhìn tôi.

– Con ra sao rồi?

– Con ra sao rồi? Anh chỉ hỏi thế thôi à? Nó không muốn ở đây. Nó la khóc: con muốn ở với bà

kia, con muốn ở với bà. Thế đấy, nó cứ muốn ở nhà bà. Tôi biết nó giống tính ai! Tất cả hoặc hầu như tất cả đàn ông các anh đều sợ những người phụ nữ chấn chính. Anh An-tô-nhi, họ đối với đàn ông hình như khó hiểu hoặc bất lợi. Nhưng các bà già thì lại là chuyện khác. Bà mẹ hiền từ của tôi sẽ làm vừa lòng nó, vì bà ra sức cưng chiều nó.

— Hay là cho nó về ở với mẹ tội, — tôi nói. — Thuở bé bà cụ cũng rèn tôi ra trò đấy.

— Không được đâu. Đánh trẻ không phải lúc nào cũng được đâu. — Na-đi-a phản đối. — Thôi, anh đi đi, tôi không ưa những lúc anh cứ đứng như phỗng ấy.

Tôi bước ra cửa. Con mèo đưa tiễn tôi. Có lẽ nó cũng giận tội, chắc nó thấy khó hiểu vì ở đây tôi còn thiếu thứ gì nữa đâu? Giường đệm có đầy đủ, vợ lại còn mua thịt bò tươi ngon, tuy cũng đôi khi cô ta cho nhiều hành và hạt tiêu vào món sườn rán đến nỗi có mùi dễ sợ. Nhưng dù sao thì đó cũng không phải là nguyên nhân để ra ngủ trên mái nhà như một lũ ngu ngốc — những con mèo hoang không nhà. Tôi cúi xuống nhìn nó và bước vội qua căn phòng ngoài còn chưa kịp thu dọn. Khi đó tôi cũng không ngờ rằng sẽ còn phải trải qua rất nhiều, rất nhiều tháng buồn phiền nữa, rồi tôi mới lại có mặt ở ngôi nhà này.

Mùa hè mỗi ngày càng thêm nóng nực. Thậm chí mới sáng ra đã rất oi ả. Mỗi lần Đô-rô-tê-a đi làm về trông thật thảm hại. Nhưng chuyện đó không làm cho cô buồn, nói chung cô không bận tâm đến những cái khó chịu lặt vặt. Còn tôi phải ngừng hẳn công việc, thậm chí không đụng đến những phím đàn dương cầm bị hun nóng. Mặc dầu vậy, tôi vẫn bình thản, tôi không bị dày vò bởi nỗi khao khát muốn thuở là viết kín

những dấu chấm, dấu móc lên các trang nhạc. Những trang nhạc sẽ viết xong khi nào có thời gian, con người có quyền làm chủ lấy mình. Trong tháng này, chúng tôi hay đến khu hồ chứa nước, thường là vào lúc sáng tinh mơ khi trời còn chưa rạng hẳn. Thật dễ chịu khi phóng xe hết tốc độ và có cảm giác như những luồng không khí bị xe hơi xé ra đang thổi vào người. Những đỉnh núi mờ xa, đỉnh nọ tiếp đỉnh kia, ló ra từ trong bóng tối vụt sáng ngời lên dưới, những tia nắng mặt trời buổi sáng. Trên mặt các hồ dọc hai bên đường sương mù xanh xanh trong vắt đang bốc lên, buổi sáng đã nóng mà nước hồ lại còn nóng hơn. Cả cá đang trốn dưới đáy hồ, nhưng tôi cũng chẳng thiết đến lũ cá nữa, tôi cũng chẳng mang theo cần câu. Ai muốn bắt cá cứ việc, chẳng cần có tôi.

Tướng Crư-xtép đang kỳ nghỉ phép, ông sống ở biệt thự cùng bà Dô-rơ-ca. Ngay lúc chập tối, ông đã mắc mồi vào những lưỡi câu lớn và buông câu cạnh bờ. Sáng ra, ông kéo lên những con cá rất to đến nỗi chính ông cũng phải ngắm nghía hồi lâu với vẻ hài lòng như bắt được lũ quái vật dưới biển. Bà Dô-rơ-ca đem om cá với mỡ, rồi rưới nước xốt mai-ô-ne đề lạnh cực kỳ ngon do chính tay bà làm. Chúng tôi ăn uống rất ngon lành. Đô-rô-tê-a tập ăn được cá, trước kia cô sợ không dám đụng đến. Thỉnh thoảng tôi uống với vị tướng một cốc nhỏ rượu vang trắng. Tôi nghĩ rằng lần đầu tiên Đô-rô-tê-a sung sướng thật sự, kể từ ngày chúng tôi quen biết nhau. Vợ chồng vị tướng rất quý mến cô. Hai ông bà không có con, nhưng cũng không hẳn vì thế mà họ yêu thương Đô-rô-tê-a. Tướng Crư-xtép chắc chắn đã tìm hiểu lai lịch cô ấy. Nhiệm vụ ấy là của ông, nó buộc ông phải hiểu rõ mọi việc. Dù sao, ông cũng chưa lần

nào hỏi tôi xem cô ấy là ai và cô ấy là người thế nào đối với tôi. Nhưng bà Dô-rơ-ca, do trái tim nhạy cảm của mình, nhất định đã đoán ra cô ấy không phải là người tình của tôi. Hai ông bà đi theo sau cô ấy như hai con chó con cố gắng hết sức để làm vừa lòng cô ấy. Điều lạ lùng nhất là Đô-rô-tê-a không hề băn khoăn trước việc được chăm sóc tận tình này, cô xem cái đó là hoàn toàn tự nhiên. Có lẽ cô cho rằng đã hoàn toàn trả đủ cho họ bằng tình yêu được đền đáp có đi có lại.

Vào một trong những ngày như thế, tôi nằm dài trong bộ đồ tắm, ngay bên bờ hồ. Lòng tôi thảnh thơi trong sáng, điều này cũng hiếm có trong cuộc sống của tôi. Bỗng nhiên tôi nghe có tiếng xột xoạt ở phía sau. Đô-rô-tê-a đang đứng đó, tay đang đều đều xoa kem cho da rám nắng. Người cô bắt nắng trong một tháng qua, trên khuôn mặt đen giòn sáng ngời, đôi mắt như những hạt kim cương.

— Để anh xoa hộ em! — Tôi nói.

Tôi vô tình buột miệng nói vậy. Đô-rô-tê-a chỉ mỉm cười và trao cho tôi cái lọ. Tôi rót một chút ra lòng bàn tay và xoa lên bờ vai gầy gò rám nắng của cô. Tôi vẫn bình thản. Tôi xoa thong thả lên lưng cô thứ dầu nhờn đặc mà lòng không e ngại, cũng không xốn xang.

— Anh thật đáng yêu, anh An-tô-nhi ạ! — Cô nói.

— Nhưng không đáng yêu bằng bà Dô-rơ-ca của em phải không! — Tôi nói đùa.

— Cả ông lẫn bà đều hiền hậu! — Đô-rô-tê-a nói nghiêm chỉnh. — Bởi vì họ là những người bất hạnh.

— Tại sao em nghĩ thế?

— Ông bà ấy không có con mà lại!

Trời tối đã lâu, nhưng chúng tôi vẫn còn ở lại biệt thự. Chúng tôi ăn tối, uống một hai chai bia vừa lấy trong tủ lạnh ra. Mãi sau chúng tôi mới ra về. Chúng tôi về đến nhà đã khuya, nhưng trong thành phố vẫn còn ngột ngạt, nặng nề không sao chịu nổi, mùi nhựa đường và bụi bặm bốc lên. Thường chúng tôi chưa vội vào phòng ngay mà leo lên sân thượng đã. Ở trên đó ngọn gió di chân không đang qua lại trên các mái nhà và làm lay động các cần ăng-ten. Chúng tôi nằm dài khoan khoái hít thở không khí trong lành. Chúng tôi thường im lặng, chìm đắm với cảm giác bình yên, thư thái trong lòng; trong những đêm như thế này cảm giác ấy có lẽ chỉ có ở loài động vật nhai lại hiền lành. Vì thế, những lời nói đột ngột của cô khiến tôi bàng hoàng.

– Anh An-tô-nhi ơi, anh có muốn em kể chuyện ông bác cho anh nghe không?

– Tất nhiên là có rồi, – tôi đồng ý ngay.

– Nhưng mà em sợ, anh An-tô-nhi ạ.

– Em sợ gì?

– Em sợ anh không kham nổi... Mang nó trong lòng quả đáng sợ.

– Đối với đàn ông thì chuyện đó không có nghĩa gì, Đô-rô-tê-a ạ.

– Vẫn có đấy, – cô đau khổ đáp.

Và rồi cô im lặng rất lâu trước khi bắt đầu câu chuyện.

«Anh An-tô-nhi này, em đã nói chuyện bà già với anh rồi phải không?. Bà ấy rất là già, mỗi khi đi phải nặng nề lê từng bước. Họa hoằn lắm, thường là vào mùa xuân, bà ấy mới bước ra khỏi nhà và cứ ngồi ở

ngoài cửa hàng mấy giờ liền. Mỗi lần bà ấy định nói với em một điều gì đó thì em lại chẳng hiểu đến nửa lời. Bà ấy chẳng còn sót cái răng nào nên mỗi khi nói cứ lúng búng như là ngậm cháo đầy miệng. Bà ấy chẳng bao giờ đến nhà tắm. Với lại bà ấy làm cách nào mà lần tới đó được ? Ông Se-sô thì cố nhiên là có thể bế bà già chẳng những ra đến nhà tắm, mà còn đi khắp cả cùng trời cuối đất cũng được, nếu như ông ta muốn. Nhưng rõ ràng ông ta cho việc đó là thừa. Ngay đến bản thân ông ta cũng chỉ tắm có độ hai lần trong một năm, mặc dầu má vẫn đuổi ông ta đến nhà tắm. « Tôi sạch thế này cơ mà! – Ông ta phân trần. – Mà công việc của tôi cũng sạch sẽ nữa! ».

Thỉnh thoảng má gội đầu cho bà già. Thường là vào mùa hè và ở ngoài sân. Một chậu nước nóng, cái siêu và bánh xà phòng thường. Má xát xà phòng lên đầu bà già rất khéo rồi má rót nước ở siêu ra. Cái đầu bà già hóa ra lại rất nhỏ, nước cứ chảy ròng ròng xuống mũi. Bà già cố chịu, chỉ đôi lúc mới vẫy tung tóc giống như con trâu. Nước bắn tứ tung khắp nơi, má tức lộn ruột, mắng nhiếc bà già thậm tệ. Nhưng rồi một lần má thấy em tắm cho mấy đứa em sinh đôi rất khéo, má liền giao cho em việc gội đầu cho bà già. Má dúi cục xà phòng vào tay em rồi má bỏ đi.

Anh An-tô-nhi này, chưa bao giờ em nghĩ là việc đó lại kinh khủng đến thế. Em xát qua quít xà phòng lên đầu bà già, nhưng đến khi bắt đầu xoa vò thì bỗng dưng em thấy kinh tởm hết sức. Đến bây giờ em cũng không thể cắt nghĩa được là tại sao. Em quẳng vội xà phòng đấy rồi ba chân bốn cẳng chạy cuống cuồng ra khỏi nhà. Em cứ nghĩ là bà già đang đuổi theo ở đằng sau, người bà còn ướt rườn rượt, trông đến hãi

và thế nào bà ấy cũng tóm được bím tóc của em mất thôi. Em không biết đã chạy như thế trong bao lâu và chạy đến những đâu nữa. Cuối cùng, em mới trấn tĩnh lại. Em nghĩ: biết làm sao bây giờ, nếu rủi mà bà già chết, đầu vẫn còn ướt nước xà phòng hoặc có trời biết là bà già còn gặp chuyện gì nữa? Và em lại lấy hết tinh thần ra mà chạy, nhưng lần này là chạy về nhà. Bà già chẳng gặp rủi ro gì cả, bà ấy lần được vào bếp, ngồi ở đó và khóc, đầu hãy còn ướt. Ông Se-sô về nhà thấy vậy, liền đánh em và má đưa em đến ở với bác.

Bác em niềm nở đón em. Khi em kể chuyện cho bác nghe là em đã gội đầu cho bà già như thế nào thì bác rất ái ngại cho em. Anh An-tô-nhi này, điều kinh khủng nhất là bác và ba giống nhau như hai giọt nước. Có điều là bác già hơn một chút và hói gần trụi cả đầu. Quả thực bác không đến nỗi gầy còm như ba, nhưng cái cằm của bác lại nhọn hoắt cứ như là người không có cằm ấy. Bác làm em nhớ đến con chuột lang, nhưng nó già quá rồi, đến nỗi chán ngấy không thiết sống nữa. Mà theo em nghĩ thì bác còn giống con chuột túi nữa, mặc dầu em chưa được trông thấy giống chuột này lúc còn đang sống. Nhưng em lại cứ luôn luôn nghĩ rằng nếu con chuột túi đứng bằng hai chân sau, cái bụng phệ của nó sẽ giống như một cái túi, đem treo ở giữa hai chân. Bác em cũng có dáng vóc hệt như thế. Hai chiếc răng cửa của bác cũng treo lủng lẳng ở bên trên môi dưới. Có một đạo, em còn nghĩ là bác ăn cả đầu người nữa kia, bác gậm nhấm đỉnh sọ rồi vứt qua cửa sổ như vứt những chiếc gáo dừa. Em cũng tưởng tượng ra những bức tranh ghê gớm khác nữa. Em cứ nghĩ là bác không có xương, không có mặt, không có hình thù gì cả. Cứ như em nhìn thấy thì người bác dài loằng

ngoằng như con giun hoặc lại trương phồng lên, choán hết cả căn phòng từ đầu này sang đầu kia, giống như một khối đông sền sệt. Em sợ chết khiếp đi được dù chuyện đó không có thực đi chăng nữa, nhưng em biết chạy trốn đi đâu được nữa, quay về nhà thì em sợ bà già.

Anh An-tô-nhi này, kể ra bác cũng không phải là người xấu đâu, bác là người mộ đạo và tốt bụng. Mùa đông bác quét sạch những mẩu bánh vụn trên bàn đem rắc cho chim sẻ và chim bồ câu. Bác rất yêu chim bồ câu, thường vẫn âu yếm nhìn chúng, nhưng trong mắt bác lại ánh lên một vẻ lạ lùng thế nào ấy. Nhưng nói chung thì bác xấu ở chỗ nào nhỉ? Mắt bác luôn luôn rớm lệ cũng giống như ba ấy, có lẽ vì bác cũng bị vợ bỏ rơi. Bác và em, có hai người ở trong một ngôi nhà hoang vắng, không, không phải là dưới nhà mà ở trên gác, nhưng lẽ nào chừng ấy còn chưa đủ sao? Đôi khi em thấy khiếp hãi. Em thương tiếc cho bác là sao mà bác lại nhỏ nhen và gớm guốc như thế. Thậm chí em còn thấy thương bác khi bác ho hoặc hỉ mũi. Bác hỉ mũi thì rất tức cười, cả người bác xanh bợt và mắt thì xếch ngược lên trán. Em cứ luôn luôn nghĩ rằng chẳng hôm nay thì ngày mai, bác sẽ chết thế nhưng đến bây giờ bác vẫn còn sống, thậm chí còn không già đi tí nào. Cần phải nói với anh là ba không yêu bác và chưa lần nào dẫn em đến nhà bác. Bác là người nhút nhát quá đáng, bác sợ ngựa, sợ chó, sợ sấm chớp, thậm chí sợ cả ô-tô buýt nữa. Mà ô-tô buýt cũng né tránh bác. Em không hiểu tại sao, có lẽ những cái ô-tô ấy ghê tởm bác cũng nên. Có lần một chiếc ô-tô buýt trông thấy bác liền ngoặt gấp sang bên đường và đâm sầm vào tủ kính bầy hàng. Người ta bảo là phanh của ô-tô buýt bị trượt, nhưng không đúng như vậy

dâu, chỉ vì nó khó chịu khi phải đụng độ với bác nên mới thế.

Anh An-tô nhi ạ, em nói như vậy vì em cũng rất hãi bác. Khi bác nhìn lên tóc em, em cứ tưởng như co rúm người lại cho bé xíu đi như một con thỏ con. Có khi bác lại nhìn xuống chân em và mắt bác trở nên đờ đẫn và trơn trớt giống như là mắt thủy tinh. Em ở trong căn phòng ngày trước bác gái đã ở. Lúc đầu ở đây không có đồ đạc gì cả ngoài tấm đệm lò xo rách nát, bọn chuột đông lúc nhúc. về sau bác mang đến cho em chăn, vải trải giường, một cái bàn và vài thứ lặt vặt khác. Bác đối với em cũng hiền hậu như trước.

Nhưng trong thâm tâm, em vẫn thấy lo lo. Mặc dầu chính em cũng không hiểu vì sao em lại sợ bác. Bác không làm điều gì xấu với em. Chỉ có về đêm em vẫn nghe tiếng chân bác đi ở ngoài cửa. Bác đi rất khẽ, rón rén trên đầu ngón chân và đôi lúc thoáng nghe tiếng bác rên rỉ. Vị tất em đã có cảm giác ấy trong khi em nằm yên, sợ hãi, nín thở và dỏng tai nghe ngóng. Khi đó trong đầu em không có ý nghĩ ấy. Em luôn luôn nghĩ là bác sẽ gặm thủng đầu em và ném ra ngoài cửa sổ như một chiếc gáo dừa.

Ngày hôm đó bầu trời lúc chớm thu màu xám, mưa rơi những hạt li ti. Bác bảo em cùng với bác leo lên cái phòng xép áp mái nhà để tìm một chiếc phong bì đựng biên lai, hình như bác chót quên đem nhét vào chỗ nào đó trong đống va-li cũ. Anh An-tô-nhi ạ, em lập tức đoán ra có chuyện gì đây. Chỉ có điều em không hiểu là tại sao lại leo lên phòng xép trong lúc chung quanh nhà không một bóng người, dù có kêu thì kêu chứ cũng chẳng ai nghe thấy. Chắc chắn là bác sẽ bóp cổ em rồi đem treo lên xà ngang, làm như là tự

em thắt cổ. Ý nghĩ ấy chợt lóe lên trong đầu em. Anh An-tô-nhi này, nếu anh nghĩ rằng em bị thôi miên vì sợ hãi và em không ý thức được việc em làm thì anh nhầm đấy. Em không sợ hãi quá đáng như thế. Em có thể chạy xuống cầu thang và kêu cứu. Nhưng em đã không làm như vậy. Anh An-tô-nhi ạ, em thấy bác đang run rẩy và em bỗng thấy thương hại bác ghê gớm. Từ trước đến giờ chưa bao giờ em cảm thấy thương xót và đau khổ đối với người khác như lúc ấy thế rồi lòng em tan nát vì đau đớn và thương xót, bác là người yếu đuối, bơ phờ và bất hạnh làm sao. Sau này em cũng chỉ thương xót như thế đối với một cô gái sống chung trong phòng cùng với em trong bệnh viện của bác sĩ I-u-ru-cô-va. Cô ấy rất dễ thương, hiền lành và hoàn toàn bình thường, chỉ có đêm đêm cô ấy cứ mơ thấy có đàn chuột cống xông vào người. Cô hoảng hốt kêu la và chạy trốn bọn chúng. Phải khó khăn lắm em mới lay cô ta tỉnh dậy được và nói cho cô hiểu là chẳng làm gì có chuột cống. Thậm chí em cũng gầy rộc đi vì quá xúc động. Rút cuộc bà I-u-ru-cô-va cũng đoán ra chuyện gì và chuyển em sang phòng khác.

Đấy, bây giờ thì anh hiểu rõ mọi chuyện rồi. Chắc là với những người bình thường thì lại khác, nhưng còn với em thì mọi việc xảy ra đúng như thế. Em leo lên gác xép hệt như đi đến nơi tử hình. Trong phòng tối tăm, mùi giẻ rách hôi hám dễ sợ. Đến khi bác cúi xuống người em thì đột nhiên em lảo đảo và ngất lịm đi. Em nghĩ rằng chính cái đó đã cứu em. Bác sợ hãi còn hơn cả em nữa, em cứ hình dung là bác run bắn người, không còn đủ sức mà nhấc tay nhấc chân nữa. Nhưng cũng có thể là em tưởng tượng ra tất cả những cái đó thôi ».

Bầu trời tối sẫm, gần như đen đặc, một sự yên lặng không tả đang bao trùm. Không phải là sự yên lặng nữa, mà là sự tĩnh mịch đến khó tin là thật như một cái hố sâu, đang cuốn hút tôi.

Tôi kinh hoàng, phân tích một cách dữ dội tất cả những từ ngữ đang va đập trong tôi mà ý nghĩa chân thực của chúng tôi đã quên mất! Tôi vẫn nghĩ là tôi hiểu biết tất cả mọi người, hoặc hầu như tất cả, theo kinh nghiệm bản thân hoặc theo sách vở. Nhưng cho đến bây giờ tôi mới nhận ra rằng những cuốn sách, những từ ngữ không nói lên toàn bộ sự thật. Hoặc giả không dám nói lên sự thật.

– Anh thấy nặng nề lắm phải không, anh An-tô-nhi?

– Nặng nề ư? Tại sao? – Tôi hỏi lại.

– Anh không kham nổi những chuyện đó mà!

– Đừng nghĩ đến nữa! – Tôi nói. – Nó chỉ có thể làm em đau khổ mà thôi. Còn đối với những người khác, nó chẳng có quyền lực gì.

– Anh thật tốt bụng, anh An-tô-nhi ạ!

– Không đâu, Đô-rô-tê-a, anh không muốn là người tốt bụng như cách em hiểu đâu.

– Anh có muốn cảm thấy nhẹ nhõm không? Rất nhẹ nhõm ấy mà?

– Không, anh không muốn. – Tôi trả lời dứt khoát...

Tôi không muốn cảm thấy nhẹ nhõm. Tại sao tôi lại cần nhẹ nhõm? Vì lẽ gì mà tôi lại được trút bỏ? Ngược lại, tôi muốn gánh chịu tất cả những gì đổ xuống người tôi, tôi muốn nung nó trắng ra để nó nhiễm sáng và xuyên thủng bóng tối. Trong tiềm thức, tôi không nghĩ rằng tôi có thể sống cho đến nay như một kẻ nhởn nhơ vô tư lự, không mang nặng gì thêm, giống như

một thân thể mất trọng lượng. Hình như cô không hiểu, nên cô quay lại đăm đăm nhìn tôi hết sức chăm chú. Mặc dầu tôi không trông rõ cô trong bóng tối và còn đang mải mê với những ý nghĩ của mình, nhưng tôi vẫn cảm nhận rõ ánh mắt của cô hướng vào tôi.

— Đứng dậy nào, anh An-tô-nhi! — Cô nói khẽ. — Và đừng có sợ. Em không làm gì có hại cho anh đâu.

Tôi ngoan ngoãn đứng dậy.

— Đưa tay cho em!

Tôi đưa tay cho cô. Tôi thấy những ngón tay cô nóng bỏng và mạnh mẽ không ngờ.

— Bây giờ anh hãy nhìn lên trời, anh An-tô-nhi. Anh cần phải quen dần với bầu trời.

Quen với bầu trời ư? Vì sao con người lại phải quen với bầu trời nhỉ? Tôi nhìn trời và giờ đây tôi thấy bầu trời hình như thấp hơn trước, tưởng chừng như tôi thành một người khổng lồ và có thể đụng tới đỉnh trời cao vút. Phía dưới kia tối đen và lạnh lẽo chưa từng thấy. Nhưng những vì sao lại chói lòa rực rỡ đến nỗi, tôi bất giác nheo mắt lại.

— Nhanh chưa, anh An-tô-nhi, anh có cảm thấy nhẹ nhõm khác thường không. Dường như bỗng nhiên anh hóa thành không khí... Yên đã... Anh chỉ cần trả lời em là anh cảm thấy có hay không?

— Có! — Một chút sau tôi đáp.

— Vậy là chúng ta bay rồi đấy, anh An-tô-nhi ạ, giờ thì dễ chịu rồi... Đừng có làm những động tác đột ngột. Và cái chính là đừng có nghĩ ngợi gì hết. Có vậy thôi. Mong anh hạnh phúc!

Tiếng nói của cô vang lên thánh thót và du dương khác thường. Thậm chí tôi không cảm thấy là chúng

tôi đã rời sân thượng rồi. Chúng tôi đang bay ở độ cao, phía dưới chúng tôi những ánh đèn của thành phố đang nhấp nháy. Chúng tôi nhìn rõ chúng như nhìn từ trên máy bay lúc đang hạ cánh. Hình như chúng tôi đang bơi trong hằng hà sa số ánh lửa. Tuy nhiên, cũng không giống như khi bay lên, chúng tôi không bay đi mà lượn như chim với đôi cánh chắc khỏe và tin cậy. Tôi cảm thấy rõ thân thể của mình và không khí giống như nước đang bao bọc quanh người.

– Anh có sợ không, anh An-tô-nhi? – Cô hỏi. – Có hay không nào?

– Không, không mảy may!

– Anh muốn lên cao nữa không?

– Có, có!...

Chúng tôi bay về phía những vì sao, mỗi lúc thấy chúng càng to thêm và càng chói lọi. Gió mạnh ào ào quất vào mặt tôi, trán tôi lạnh cóng, lỗ mũi mở rộng ra. Trong giây phút ấy, tôi vẫn không mất cảm giác hay mất trọng lượng, tôi vẫn cảm thấy bàn tay cô mạnh mẽ hơn, nóng rực lên và nắm chặt tay tôi. Sau đó, cuồng phong lắng dịu đi, mặc dầu không khí vẫn còn lạnh thấu xương. Chúng tôi lại lượn ở trên cao, nhưng giờ thì tôi chỉ còn nhìn thấy có các vì sao đang làm tôi chói mắt.

– Đô-rô-tê-a, mặt đất ở đâu?

– Bên dưới chúng ta, – cô đáp, – anh đừng sợ, chúng ta đang bay ngửa.

Chẳng lẽ cô nghĩ rằng tôi sợ ư? Tất cả những gì tôi đang trải qua lúc này tôi thấy còn tự nhiên hơn và hiện thực hơn toàn bộ cuộc sống của tôi trước đây. Đô-rô-tê-a nói đúng. Người ta sinh ra từ loài chim.

– Anh hạnh phúc chứ, anh An-tô-nhi ?

– Đúng thế, Đô-rô-tê-a...

– Anh thấy đấy... Nhưng mà con người không thể có hạnh phúc nếu không xứng đáng với nó.

– Anh thì có gì xứng đáng, Đô-rô-tê-a ?

– Vì anh đã tin em.

Chúng tôi lại cảm thấy hơi ấm của mặt đất. Những ánh đèn hầu như không phân biệt được của thành phố hãy còn xa xôi làm sao! Thành phố giống như một Tiểu ngân hà của trái đất, bị mất hút giữa vũ trụ bao la.

– Bây giờ chúng ta đang ở đâu, Đô-rô-tê-a ?

– Đang bay trên núi. Vì thế bên dưới mới tối đen thế kia.

– Tối đen và chết lặng! Nhưng mà vẫn cứ tuyệt diệu.

Chúng tôi lượn lên trên núi, cao hơn cả những đỉnh chon von đại bàng thường ngủ đỗ.

– Anh có lạnh không, anh An-tô-nhi ?

– Hơi lạnh thôi.

– Còn em thì chẳng lúc nào lạnh cả, – cô nói. – Anh có thấy người em đang nóng không ? Em nghĩ là cái nóng của em sẽ truyền sang cho anh, anh An-tô-nhi ạ. Nhưng không lo, chúng ta đang xuống thấp đây.

Và quả thực chúng tôi đang hạ dần xuống thành phố. Những ánh đèn thành phố mỗi lúc một rõ hơn. Những luồng không khí bao quanh chúng tôi lúc ấm lúc mát giống như chúng tôi đang bơi ngoài biển. Tôi càng cảm thấy nhẹ nhõm, lâng lâng như có thể rung ngân thành tiếng.

– Trước kia em đã bay lần nào chưa, Đô-rô-tê-a ?

– Nhiều lần rồi, anh An-tô-nhi ạ.

– Bao nhiêu lần kia?

– Em không nhớ nữa. Nhưng cũng chẳng đơn giản đâu. Chúng ta không thể bay như chim khi nào chúng ta muốn đâu.

Giọng nói của cô yếu dần đi. Đúng như cô nói, chúng tôi không nên nói chuyện. Chắc là nói chuyện làm cô mất sức. Chúng tôi cứ hạ thấp xuống mãi, tôi đã phân biệt được rõ ràng những con đường có ánh đèn ô-tô lấp loáng ngược xuôi. Sau đó tôi bắt đầu nhận ra các phố và các quảng trường, thậm chí còn trông rõ cả các tòa nhà có quầng sáng đèn nê-ông. Tôi cảm thấy bàn tay cô dần dần lạnh giá trong tay tôi, còn các ngón tay cô đang run rẩy.

– Cần phải hạ xuống thôi, – cô nói rất khẽ.

– Đúng thế, – tôi đáp.

Thật khó mà hình dung cái lúc lại bước đi trên mặt đất rắn chắc, cái lúc lê đôi chân nặng nề, hít thở không khí bị hun nóng. Tất cả những gì tôi cảm thấy là tự do vô hạn bỗng quay trở lại là nô dịch tất yếu không gì khuây khỏa được.

– Em tìm được nhà chúng ta không, hở Đô-rô-tê-a?

– Đừng nói chuyện nữa, anh An-tô-nhi, – cô đáp khẽ.

Tôi gần như không nhận ra là chúng tôi đã đặt chân lên nền bê tông sân thượng đang nóng như thế nào nữa. Chúng tôi không từ từ hạ xuống mặt đất mà thả mình xuống tựa như chim. Tôi không nhìn rõ được mặt cô, nhưng tôi cảm thấy cô xanh xao lắm. Chạm vào bàn tay cô lúc này đang lạnh như nước đá, tôi vội kéo cô xuống nhà. Chúng tôi lần theo cầu thang tối om và mở cửa phòng. Tôi từ từ đưa tay lên bấm công tắc. Đèn bật sáng. Tôi vẫn chưa ngủ. Tôi không thức giấc

thì có nghĩa là tôi không nằm mơ. Tôi cảm thấy bàn tay Đô-rô-tê-a, tôi đang còn nắm trong tay, lại đang run rẩy.

— Tắt đèn đi, anh An-tô-nhi! — Cô nài nỉ.

Tôi lại bấm công tắc và chúng tôi chìm vào bóng đêm ấm áp và ẩm ướt hệt như đang ở trong hang gấu. Tôi cảm thấy Đô-rô-tê-a tách xa tôi và biến mất, dường như hòa tan trong không khí. Cả người tôi xốn xang, rõ ràng tôi hốt hoảng không hiểu đã xảy ra chuyện gì. Hoặc không xảy ra chuyện gì cũng nên? Cái đó tôi cũng không biết nữa. Những nỗi sợ hãi thì cứ mỗi lúc một quấn chặt lấy người tôi, nó đặc quánh, nhớp nháp, nó thấm vào các lỗ chân lông, nó nhập vào trong tim và tôi thấy mình hóa ra đờ đẫn.

— Anh An-tô-nhi! — Cô gọi. — Anh An-tô-nhi, sao anh cứ đứng thế?

Nghe tiếng cô nói, tôi nhẹ cả người. Tôi vẫn còn đứng ngây ngô ở ngưỡng cửa, thậm chí còn chưa khép cửa nữa.

— Anh không thấy em đâu cả! — Tôi đáp.

— Thế mà em lại thấy anh đấy, — cô nói. — Anh cứ đi thẳng nhé!

Tiếng nói của cô không vang và không rõ như khi đang bay ở trên kia. Song, đó là tiếng nói của cô, hơi mệt mỏi, nhưng là tiếng nói đích thực và sống động của con người. Tôi cẩn thận bước về phía trước, va phải cái gì đó, có lẽ đó là góc chiếc đi-văng, nhưng không thấy đau.

— Anh có lạnh không? — Cô hỏi.

Tôi giật mình, không ngờ tiếng cô lại vang lên ngay sát liền như thế.

– Không lạnh lắm.

– Nhưng tay anh đang run đây này, anh An-tô-nhi!

– Em biết không... Khi ở trên đó ấy mà...

Tôi không dám nói hết ý nghĩ của mình. Ngộ nhỡ không có cái «trên đó» thì sao? Ừ mà cố nhiên là không có và không thể nào có được. Tối nay vẫn là một buổi tối bình thường và chúng tôi vừa mới ở sân thượng xuống, và sắp sửa đi ngủ mà thôi.

– Lại đây, em sẽ sưởi ấm cho anh! – Cô nói.

Tôi nghe tiếng cô đang vội vã thay áo trong bóng tối nghe thấy hơi thở dồn dập của cô. Đôi cánh tay trần của cô thấp thoáng trong bóng tối. Tôi đột ngột ôm lấy cô và cũng chính giây phút ấy tôi chợt lùi lại. Một cảm giác khủng khiếp choán lấy người tôi, tựa như tôi vừa ôm một xác chết.

– Anh sao thế? – Cô kêu lên.

– Nhưng em.. người em lạnh như nước đá ấy! – Tôi kêu lên và sợ hãi cả tiếng nói của chính mình.

Một giây sau, cô nói:

– Anh An-tô-nhi này. Sức mạnh của em chỉ đủ cho một người. Thế mà hôm nay chúng ta có những hai người. Anh đừng sợ, anh An-tô-nhi ạ. Em không phải là thiên nga đâu, em là người mà.

Thế là việc đó quả thực đã xảy ra nên cô mới nói một cách bình tĩnh như thế. Cố nhiên không ai có thể bay ở trên cao mà lại không hy sinh một cái gì. Chỉ riêng những thiên thần trong kinh thánh mới bay lượn nhởn nhơ không cần có mục đích rõ ràng. Tôi lại cảm thấy yên tâm như khi còn đang bay ở trên kia. Tôi đưa bàn tay lạnh giá vuốt ve hai má mơn mởn, đôi bờ vai và cái cổ thanh tân của cô. Tôi cảm thấy sự

ấm nóng thực sự của con người đã dần dần trở lại nơi cô, làm cho da cô hồi sinh, bắt đầu co giãn. Ban đầu là đôi tay, lát sau là đôi chân thon thả của cô được sưởi ấm. Hơi th ở của cô mỗi lúc một ấm áp hơn, thân hình nhỏ nhắn mềm mại của cô mỗi lúc một rạo rực Thậm chí những sợi tóc nhỏ nhẹ của cô cũng quấn chặt lấy những ngón tay tôi như những sợi tóc có hồn. Tôi cảm thấy đầu óc càng thêm quay cuồng dữ dội tưởng như đang rơi từ trên cao xuống với một tốc độ ghê người. Nhưng giờ đây tôi chẳng bận tâm nữa, ở bên dưới kia mặt đất quen thuộc vẫn đang đợi tôi. Đằng nào cũng thế cả, dù cho mặt đất có đem lại cho tôi cái sống hay cái chết thì cũng như nhau mà thôi. Trong khoảnh khắc ấy cũng giống như thú vật hoặc cỏ cây, tôi hiểu ra cái chân lý đơn giản rằng sống và chết chẳng qua chỉ là hai khuôn mặt hư ảo thay thế nhau của sự tồn tại vĩnh cửu mà thôi.

Tôi thức dậy muộn. Đô-rô-tê-a không còn ở nhà. Giường cô bỏ không. Không có một dấu vết nào dù là rất nhỏ, chứng tỏ sự có mặt của cô, đúng như cô chưa khi nào có mặt trên cõi đời này. Một cảm giác kỳ lạ xâm chiếm lấy tôi, dường như tôi quay ngược lại thời gian, trở về một mùa hè nào đó đã qua. Hay là trở về một trong những thế kỷ dĩ vãng, một thế kỷ trống rỗng, không có sự sống như là kỷ niệm về những người đã chết. Tôi sợ hãi nhìn ra chung quanh, không một thế kỷ dĩ vãng nào. Vẫn là tấm thảm màu da cam, hai chiếc ghế bành có tay dựa bằng gỗ, nắp chiếc đàn dương cầm lấp loáng như một tấm gương dưới những tia nắng của mặt trời mùa hè. Không nghi ngờ gì nữa, tôi vẫn đang ở nhà mình... Quần áo của tôi vẫn quăng bừa bãi quanh phòng. Đúng là cảm giác này thường

xảy ra trong cuộc sống bừa bộn của tôi những khi tôi không biết là mình đang ở đâu, vì mục đích gì và tại sao lại ở đúng nơi đó. Nhưng bây giờ thì chẳng có gì phải nghi ngờ nữa, rõ ràng tôi đang ở nhà mình.

Những hồi niệm rực rỡ và sâu sắc cứ nối tiếp nhau hiện ra. Nhưng mặc dầu vậy, hình như chúng vẫn ở bên ngoài tôi. Hình như chúng ngăn cách với tôi bằng một vật cản mỏng manh, một bức tường gỗ dán, một cánh cửa không có chìa khóa. Tôi đã nhìn thấy tất cả. Hành lang buồn tẻ, dài thăm thẳm, nền nhà lát đá vừa lau hãy còn ướt, những cửa sổ có bịt lưới sắt. Tôi đã nhìn thấy tất cả. Cô gái xanh xao có đôi tay vểnh lên, nắm không khí tưởng tượng trong lòng bàn tay. Bao giờ kia và ở đâu nhỉ ? Tôi càng đè chặt vào cánh cửa, tôi không muốn cho bất kỳ ai và bất kỳ cái gì lọt vào phòng. Những nỗi sợ của tôi vẫn cố len lỏi qua lỗ khóa và qua khe cửa vào phòng.

Đang ngồi trên giường, tôi bất giác đứng dậy, thu dọn quần áo bừa bộn trên sàn nhà. Tôi vào phòng tắm. Ở đây, trên chiếc giá bằng kính đặt trước gương, những đồ vật của cô vẫn nằm y nguyên : chiếc bàn chải răng nhỏ nhắn, hộp crem, chai nước gội đầu. Trời ơi, tôi có điên thực hay không ? Tôi đứng dưới vòi nước lạnh, toàn thân run rẩy. Tôi còn có thể đứng như thế bao lâu nữa, nhưng sau bị bỏng rát tôi nhảy ra khỏi phòng tắm và vội vã mặc quần áo rồi quay về căn phòng lớn. Bấy giờ cảm thấy người dễ chịu hơn và còn ngắm nhìn qua cửa sổ nữa. Đang giữa một ngày hè bình thường và nóng nực, mặt đường nhựa bốc hơi, những chiếc ô-tô đỗ cạnh nhà có những bộ phận mạ kền sáng lóa mắt. Xa hơn chút nữa, trên thảm cỏ xanh, chiếc máy xén đang kêu vo vo nghe chán cả tai. Một

cụ già tóc bạc, mặc chiếc quần thủng đang lơ đãng và chán nản đẩy chiếc máy ở đằng trước. Tôi xem đồng hồ, chín giờ hai mươi hai phút. Tôi nhìn tờ lịch : ngày hai mươi sáu. Cố nhiên là ngày hai mươi sáu tháng bảy, vậy hôm qua là ngày hai mươi nhăm. Tôi hiểu rằng khôn ngoan nhất là hãy ra khỏi nhà, hòa lẫn vào đám đông trên đường phố. Chỉ cần có mấy phút thôi là nghe được tiếng nói bình thường của con người và sẽ trấn tĩnh lại.

Tôi thở phào nhẹ nhõm, ngồi vào xe ô-tô và mở máy. Người bạn duy nhất của tôi tuy vô tri vô giác, nhưng lại tận tụy trung thành, gồm các bộ phận bằng thép, các dây điện, các tấm sắt, chạy bằng thứ hơi độc hại, — ngươi cứu ta đến lần thứ mấy rồi ? Tôi thong thả quành xe ở góc phố và phóng ra đại lộ. Chiếc máy xúc khổng lồ đang lười biếng bò trên mặt đường rải đá rắn chắc. Cái đầu kỳ quái của nó, bé xíu so với thân hình cồng kềnh đang buồn bã cúi xuống như ngửi hết mặt đường. Tôi cẩn thận vượt lên trước nó và phóng nhanh hơn. Tôi biết tôi đang đi đâu. Chỉ có ở nơi đó người ta mới giúp đỡ được tôi, chứ không còn nơi nào khác nữa.

Buổi sáng hôm đó, bệnh viện không đông người như mọi ngày. Cái mùi bệnh viện nặng nề do tôi tưởng tượng ra hơn là có thực lại đập vào mũi tôi. Tôi vào phòng làm việc của bà I-u-ru-cô-va. Bà đang ngồi bên bàn chăm chú đọc tờ giấy đánh máy nhỏ li ti. Nghe tiếng động, bà ngẩng đầu lên. Dù bà có điềm tĩnh và vốn quen với mọi chuyện bất ngờ đi nữa thì tôi vẫn thoáng thấy trong ánh mắt của bà một vẻ lo ngại.

— Ông Ma-nhép, mời ông ngồi !

Tôi lặng lẽ ngồi xuống, cố lấy lại hơi thở. Mãi đến lúc này tôi mới nhận ra là trong lúc lên thang gác không những tôi đi vội mà còn chạy nữa.

– Hình như ông có điều gì bất an phải không? – Bà hỏi trước tiên.

– Chẳng lẽ điều ấy lộ ra hay sao?

– Vâng, trông mặt ông kém thần sắc. Có thể ông đang sợ hãi điều gì? – Bà nói ân cần và dịu dàng khác thường.

– Quả là cũng có một chút.

– Việc gì xẩy ra vậy?

– Chúng tôi đã bay! – Tôi buột miệng nói. – Đô-rô-tê-a và tôi.

Bây giờ tôi mới hiểu rõ là trong giọng nói của tôi chắc là có một vẻ tức giận và căm ghét nữa. Nhưng mà tôi chẳng mong những lời tôi nói sẽ gây cho bà một ấn tượng mãnh liệt như thế. Khuôn mặt dịu dàng, vàng như sáp ong của bà, biểu lộ sự bình thản, tĩnh lặng, bỗng nhiên biến đổi, trở nên lo âu, căng thẳng. Tôi đoán là bà sợ, nhưng tôi cố giấu, không để bà biết điều đó.

– Ông hãy kể tỉ mỉ xem nào! – Bà I-u-ru-cô-va điềm đạm nói.

Có lẽ tôi đã kể lại khá rõ ràng những điều chưa hẳn đã có đầu có đuôi. Tôi kể xong, bà vẫn im lặng. Tôi đoán là bà đang cố giữ cho được tự chủ. Sự vô nghĩa lý trong những điều tôi kể ra lại làm cho tôi yên lòng. Nhưng sự im lặng của bà khiến tôi sợ hãi. Cuối cùng, bà I-u-ru-cô-va ngẩng lên nhìn tôi rất bình thản.

– Trước hết, xin ông chớ xúc động! – Bà nói dịu dàng. – Ông vẫn tuyệt đối bình thường, không có nỗi nguy hiểm nào đe dọa ông cả.

– Những người bình thường đâu có bay! – Tôi giận dữ nói.

– Không có bằng cớ nào chứng tỏ là ông đã bay! – Bà nói tiếp. – Đôi khi người ta vẫn tưởng những ảo giác là thực hơn cả bản thân cái thực nữa kia.

– Thế nhưng chẳng bao giờ tôi có ảo giác cả. Một người khỏe mạnh thường không có ảo giác. Tại sao tự dưng đang yên lành lại bắt đầu có ảo giác là thế nào?

– Ông nhầm rồi! – Bà đáp. – Ông cũng biết Đô-rô-tê-a là một cô gái không hoàn toàn bình thường. Cô ta có khả năng đọc được ý nghĩ, vậy thì tại sao cô ta lại không có được một sức mạnh kích thích?

Tôi sững sờ, tôi chưa nghĩ đến điều ấy.

– Bà cho là cô ấy thôi miên tôi hay sao?

– Không hẳn là như thế đâu. Nhưng cũng đại loại như thế.

Ừ mà cũng đúng thế thật, chẳng lẽ có thể khác hay sao? Tôi như người cất được gánh nặng.

– Bà loại trừ khả năng bay phải không?

– Tôi không loại trừ, – bà nhẹ nhàng đáp. – Mặc dầu tôi khó tin khả năng ấy.

– Bà không loại trừ chứ gì? – Tôi hầu như kêu lên.

Tôi thấy mắt bà thoáng vẻ bực bội. Có thể là sự khinh thường kín đáo.

– Ông còn muốn điều gì ở tôi nữa? Tôi có thể khẳng định những điều tôi biết và hiểu rõ. Ông là một người hoàn toàn bình thường và không có gì đe dọa ông cả. Chẳng lẽ ông thấy như vậy còn chưa đủ hay sao?

Vâng, điều đó đối với tôi còn chưa đủ thật. Tôi lại băn khoăn nhìn bà.

— Thưa bà I-u-ru-cô-va, hẳn bà biết thế nào là vạn vật hấp dẫn.

— Không, tôi không biết! — Bà giận dữ trả lời. — Thậm chí đến vật lý người ta cũng không biết nữa.

— Vấn đề không phải ở định nghĩa, mà là thực chất kia. Chắc bà có nghe nói là cần có một khối năng lượng ghê gớm như thế nào mới đưa nổi tên lửa lên quỹ đạo?

— Thế ông cho rằng nhân loại biết được hết tất cả những cái gọi là năng lượng hay sao?

— Tôi không hiểu bà định nói gì.

— Thưa ông Ma-nhép, khoa học đã chứng minh rằng có thứ năng lượng chỉ của vật chất sống, — bà nói. — Và không nên cắt nghĩa nó bằng bất kỳ quy luật vật lý nào mà ngày nay người ta đã biết.

Người phụ nữ này rõ ràng không còn tỉnh táo nữa rồi. Hoặc là bà ta không thông thạo nghề nghiệp. Chẳng lẽ tôi nhìn vào tâm hồn lại khó thế ư? Và rồi tôi cũng dần dần yên tâm. Tôi không muốn nghĩ rằng tôi đã bay, điều này đối với tôi thật phi lý và khủng khiếp. Thà rằng tôi bị thôi miên thì cũng ngàn lần thích hơn.

— Ông không nên sợ hãi ý nghĩ đó! — Bà nói tiếp. — Không phải vì chuyện xác nhận chân lý đâu mà vì sức khỏe tinh thần của ông. Tôi không muốn ông tin rằng ông đã bay... Điều đó làm sao mà tin được. Nhưng điều đó cũng không ngu ngốc hoặc khủng khiếp như ông nghĩ đâu. Dù sao, chúng ta vẫn còn chưa biết hết mọi khả năng của ý thức con người, chưa biết sự phát triển của vật chất biết tư duy còn có thể đến đâu nữa.

— Con người không thể bay được! — Tôi thều thào nói. — Con người không thể làm được cái đó. Cái đó chỉ là chuyện điên rồ.

– Thưa ông Ma-nhép! Sao ông lại cứ làm ra ngu ngốc thế? – Bất ngờ bà nổi giận. – Ông hãy cứ thử suy nghĩ hiện đại hơn một chút xem nào. Đó chẳng phải là thần bí, cũng chẳng phải là điên rồ đâu! Đó là khoa học!

Lần này thì tôi yên lặng, tôi biết rằng càng kéo dài câu chuyện với bà, càng bất lợi cho tôi. Với lại tôi cũng không định tranh luận với bà về những lý thuyết khoa học đáng ngờ của bà. Tôi đâu phải là người kém cỏi đến nỗi không biết thế nào là thần giao cách cảm chẳng hạn. Nhưng còn chuyện bay?

– Chúng ta hãy chấm dứt câu chuyện này! – Tôi nói lâu bầu. – Bà chớ lo ngại về tôi, tôi biết tự kiềm chế được.

Bà I-u-ru-cô-va mỉm cười gượng gạo:

– Tôi sẽ đưa thuốc cho ông, – bà nói. – Ông cứ uống trong ba ngày, mỗi ngày ba lần. Sau đó mời ông đến gặp tôi.

– Cám ơn bà.

– Trong bất cứ trường hợp nào, ông cũng đừng làm cho Đô-rô-tê-a lo lắng. Ông đừng có căn vặn, cũng đừng có can ngăn cô ấy. Cố nhiên là cô ấy tin những điều cô ấy làm. Giờ thì chúng ta không nên trái ý cô ấy. Nhưng nếu cô ấy lại rủ ông bay lần nữa thì ông cứ từ chối, dù cô ấy có không bằng lòng đi nữa.

– Xin bà cứ yên tâm! – Tôi nói vẻ khó chịu.

– Thế mà tôi lại không yên tâm! Chẳng lẽ ông không hiểu là tại sao cô ấy lại thực hiện thí nghiệm đó, nếu có thể gọi như vậy, với chính ông.

– Điều đó thì tôi chẳng để ý nữa! – Tôi lạnh nhạt đáp và bước ra khỏi phòng.

Tôi về đến nhà khoảng hai giờ, Bây giờ tôi không sợ cái đã xảy ra, mà sợ cái sẽ xảy ra. Tôi sợ gặp Đô-rô-tê-a, sợ ngay chính Đô-rô-tê-a. sợ cả những lời lẽ chúng tôi sẽ nói, Đối với cô, tôi có một cảm giác thù địch, khó hiểu. Cô chẳng phải là người khách không mời mà đến đó sao, gây nên áp lực thô bạo với cá tính và bản chất người của tôi ?

Tôi không muốn đợi cô nữa. Khi kim đồng hồ nhích dần đến bốn giờ là giờ cô vẫn đi làm về, tôi hấp tấp ra xe hơi và phóng đi, không định là sẽ đi đâu nữa. Tôi tạt qua tiệm rượu ban ngày của khách sạn « Xô-phi-a » uống một trăm gam vốt-ca và chỉ đến lúc đó tôi mới đủ cam đảm để gọi dây nói.

— Đô-rô-tê-a đấy phải không ?

— Em đây, anh An-tô-nhi, anh gọi từ đâu thế ? — Giọng cô lộ rõ vẻ lo lắng.

— Từ hội nhạc sĩ đây, — tôi điềm nhiên nói. — Anh đang ngồi trong cuộc họp. Anh sẽ về nhà khoảng mười giờ. Em không đi đâu cả chứ ?

— Dĩ nhiên là không rồi. Anh biết rồi đấy, em chẳng đi đâu đâu.

Tôi về nhà trước mười giờ, tinh thần sảng khoái nhờ có rượu vốt-ca, tôi đem pha lẫn với bao nhiêu là nước chanh để Đô-rô-tê-a không biết là tôi uống rượu. Có lẽ rồi thời gian sẽ xóa nhòa nhiều điều trong trí nhớ của tôi, nhưng tôi biết là cho đến giây phút cuối cùng của cuộc đời, tôi sẽ vẫn nhớ ánh mắt của cô. Ánh mắt ấy nói lên điều gì ? Tôi tìm mãi vẫn không có lời nào để cắt nghĩa nữa. Tìm ra được lời cũng có nghĩa là hiểu tất cả. Song rõ ràng điều đó quá sức tôi.

Trong ánh mắt ấy toát lên niềm hy vọng, nỗi băn khoăn và một câu hỏi thầm lặng gần như khủng khiếp.

— Xin chào! — Tôi làm ra vẻ thân mật, xuề xòa. — Thế nào, vắng anh, em có buồn không?

— Anh biết đấy, em chẳng khi nào buồn, anh An-tô-nhi-ạ — cô trả lời se sẽ.

— Anh biết thế nên anh mới hỏi.

Tôi tiếp tục diễn màn hài kịch thảm hại ấy thêm mười phút. Tôi thú nhận đã uống một hai ly rượu rum với bạn bè. Nhưng khác với cô là tôi buồn muốn chết. Cô mỉm cười, rõ ràng cô thấy trong lòng nhẹ nhõm hơn. Chắc hẳn cô cắt nghĩa hành vi không tự nhiên của tôi là do tôi say rượu. Và cũng thật bất ngờ ngay với chính tôi, bỗng nhiên tôi thốt lên:

— Thế này nhé, Đô-rô-tê-a, ngày mai anh sẽ đi Plốp-đíp và ở đó chừng hai, ba ngày.

— Có việc gì thế? — Cô hồi hộp hỏi.

— Ở đó tổ chức hòa nhạc các tác phẩm của anh. Anh phải có mặt trong hai buổi tổng duyệt cuối cùng.

— Thôi được, anh cứ đi đi, — Đô-rô-tê-a bằng lòng.

Vẫn chẳng có gì tốt hơn. Cô lại buồn bã, nét mặt ủ ê. Tôi để ý thấy mới từ hôm qua đến nay, cô đã có vẻ hốc hác, người gầy rộc đi. Một nỗi đau buốt bất ngờ nhói lên trong tim tôi.

— Này em, chúng ta cùng đi dự hòa nhạc nhé? — Tôi nói thêm, cố gượng làm vui. — Em đã đến Plốp-díp lần nào chưa nhỉ?

Nhưng hình như cô không nghe thấy tôi nói. Cô tự lự đi lại bên cửa sổ đang mở rộng và đứng đó hồi lâu. Khi cô quay lại, gương mặt cô rất nhợt nhạt.

– Anh An-tô-nhi, em đã sai lầm! – Cô nói thì thào. – Em không muốn làm cho anh sợ hãi. Em cứ nghĩ... cứ nghĩ là anh hiểu em!

Cô ấy đang nói gì vậy? Mọi việc vừa mới tối hôm qua thôi. Tôi cố lắm mới nói thành lời:

– Đô-rô-tê-a, hôm nay chúng ta không nói chuyện ấy nữa...

– Thôi cũng được, – cô nói. – Anh có muốn uống chè cho ấm không?

– Không. cám ơn em... Anh mệt mỏi quá thế.

Hình như một cái gì đó đổ vỡ trong tối. Tôi đứng lên và chậm chạp đi sang phòng ngủ.

Ngày hôm sau, tôi dậy sớm, ngay từ lúc trời vừa rạng. Muốn cho Đô-rô-tê-a khỏi thức giấc, tôi nhón chân đi qua căn phòng lớn, rón rén như một tên trộm. Cô đang ngủ, quay mặt về phía cửa sổ, bên ngoài ban mai đang đến. Cái cổ thon thả hiện ra trăng trắng, mềm mại trong bóng mờ trước lúc bình minh. Bây giờ tôi không dám nghĩ là cô đang ngủ. Có lẽ cô không muốn để tôi biết là cô đang thức. Cô đã không ngủ suốt cả đêm qua. Hoặc cô không đủ sức để chia tay cùng tôi. Nhưng tôi đinh ninh là tôi sẽ trở về. Tôi tin điều đó như người ta tin số phận. Và không phải ba ngày nữa, mà chỉ vẻn vẹn hai ngày thôi. Tôi chỉ mong được yên ổn, tập trung tinh thần và sức lực. Tôi không muốn thực lòng không muốn trốn chạy số phận, dù số phận có thế nào đi nữa. Tôi đã quyết định dứt khoát như thế sau một đêm dài thao thức.

Tôi ngồi trong xe rồi mà vẫn còn chưa biết là sẽ đi đâu. Dù đi đâu cũng không phải là đi Plốp-đíp. Plốp-đíp cũng giống như bất kỳ thành phố nào khác, đều

ồn ào, tập nập. Thế mà tôi lại đang cần yên tĩnh và thanh thản, và cốt sao đừng có người quen nào làm tôi vướng mắt. Tôi lái xe đi Bô-rô-vét. Vào thời gian này, thành phố cũng khá đông người, khách sạn đã hết chỗ. Nhưng tình cờ rồi tôi cũng tìm được một phòng chưa có người ở, tôi liền mang hành lý đến, nếu có thể gọi chiếc va-li độc nhất của tôi như vậy. Ở đây, yên tĩnh và vắng vẻ, cái khoảng không trong veo và những hàng cây im lìm đã hấp dẫn tôi. Ngay buổi sáng đầu tiên tôi đi dạo chơi trong rừng. Sự yên tĩnh ngự trị trong khu rừng già rậm rạp, ngay một tiếng chim hót cũng không. Tôi cứ bước hú họa trên con đường mòn tôi đụng phải một tổ kiến giống hệt thành Ba-bi-lon thu nhỏ làm bằng đất, lá khô và vỏ cây, lúc nhúc những chú kiến đen đang đi lại. Tôi đi mãi đến một khoảng rừng thưa thoáng đãng ngập ánh mặt trời và vàng rực những hoa. Tôi đứng lặng giây lát rồi quay trở về.

Ăn chiều xong, tôi ra ngoài sân thượng cũng đồng thời làm nơi đặt quầy cà-phê. Tôi uống thứ rượu cô-nhắc tồi, loại rẻ tiền, vì không có loại nào khác. Tôi uống thong thả nhưng uống nhiều. Lần đầu tiên trong đời tôi uống một mình. Mặt trời đã khuất bên kia núi từ lâu, phố xá đã chìm vào bóng đêm. Tôi càng uống bao nhiêu càng hiểu thêm sâu sắc sự ngu xuẩn của mình và cả sự đê tiện quá quắt của mình nữa. Tôi cố không nghĩ đến Đô-rô-tê-a, nhưng cứ chốc chốc cô lại hiện ra trong trí tưởng tượng của tôi và trong đôi mắt đầy vẻ hãi hùng của cô vẫn còn đọng lại câu hỏi câm lặng ấy.

Trong đêm đầu tiên, tôi trở về phòng mình ngay sau khi quầy cà-phê đóng cửa, vừa say ngà ngà lại

đồng thời vừa tỉnh táo, lòng nặng một linh cảm là có chuyện chẳng lành. Trong giấc ngủ chập chờn, tôi nằm mơ thấy mình lại đang bay trên thành phố, bên trên những dãy núi, lẫn vào giữa những đám mây nhẹ như khói, đang lơ lửng ở tầng không. Tôi cảm thấy hạnh phúc vô cùng tận. Nhưng rồi tôi thức dậy với một cảm giác lo âu. Ngoài cửa sổ mặt trời mùa hè chói lòa, mùi nhựa thơm hăng hắc bốc lên từ những hàng thông vươn dài tận cửa sổ phòng tôi. Tôi bước ra ngoài ban-công hẹp bằng xi-măng, thực ra lúc này còn sớm lắm, nhưng thung lũng xa xăm lọt giữa những dãy núi hãy còn chìm khuất trong bóng tối. Ở một nơi nào đó không xa lắm, có tiếng nước chảy róc rách. Tôi xuống nhà, gọi món trứng tráng dăm-bông và một chai bia. Chai bia mát lạnh, làm cho tôi tươi tỉnh không ngờ. Nói cho cùng thì người ta điên hay tỉnh, hỏi có gì là quan trọng? Điều quan trọng là người ta cảm thấy vui thích. Thế mà tôi đã được hạnh phúc trong giấc mộng rồi, còn muốn gì hơn nữa?

Trời tối lúc tôi đang ngồi trên sân thượng, đang say và bực bội. Suốt ngày nay tôi không rời khỏi bàn. Trong những giờ vui vẻ nhộn nhịp nhất, những khách du lịch người Đức, phần đông mặc quần soóc, đội mũ lưỡi trai ngộ nghĩnh làm bằng da, đã đến ngồi với tôi. Một vài người, chủ yếu là phụ nữ, đã nhìn tôi vẻ hứng thú, thậm chí còn tỏ ra kính trọng nữa, họ không hiểu cái người u sầu đang ngồi kia, có một thân một mình tựa như một con chim đêm, đứng dưng nhìn ngó mọi người chung quanh là kiểu người như thế nào. Nhưng thôi, hôm nay nữa là ngày thứ hai và cũng là ngày cuối cùng mà, ngày mai tôi sẽ ra đi. Nhưng tại sao lại là ngày mai?... Tại sao cứ nhất định phải là

ngày mai?... Chẳng lẽ tôi bắt buộc phải tuân theo một thời hạn nào chăng? Hay là ở đây tôi đã tìm thấy cái mà tôi đi tìm? Cố nhiên không phải như thế. Đã vậy thì tại sao lại phải chờ đợi cái ngày mai nóng nực không sao chịu nổi ấy làm gì? Tôi đứng dậy khỏi bàn và giống như một anh mù, tôi lần ra xe hơi, không kịp trả tiền, không nói với ai một lời nào và cũng không lấy hành lý. Tôi mở máy và cho xe chạy ra đường cái. Hai tay tôi vẫn còn run, răng va vào nhau lập cập. Cũng may mà tôi thuộc đường như lòng bàn tay và có thể phóng xe trên đường bất kể tình huống nào! Cũng do quá đỗi căng thẳng mà tôi tỉnh rượu trước lúc xe chạy vào thành phố. Tuy nhiên, tôi cũng không để ý là xe đang lao vun vút. Mãi đến lúc tôi đỗ xe lại trước cái tháp cao tối sẫm của ngôi nhà chúng tôi thì tôi mới trấn tĩnh lại được. Không kịp đóng cửa xe, tôi chạy bổ lên các bậc thềm. Thang máy còn chạy. Tôi lên đến tầng gác của mình, bàn tay run run vặn chìa khóa trong ổ và kéo mạnh cửa ra. Ôi, lạy Chúa và các thánh thần! Đèn vẫn sáng ở phòng ngoài! Đèn vẫn sáng trong phòng lớn, từ ngoài cửa tôi đã trông thấy chiếc túi xách màu xanh của cô nằm trên bàn.

— Đô-rô-tê-a! Tôi kêu lên vui sướng.

Nhưng Đô-rô-tê-a không có nhà.

Vâng, đúng là cô không có nhà, nhưng tất cả mọi thứ đều chứng tỏ rằng cô vừa mới đi ra thôi. Cô sẽ về ngay bây giờ, vì cô còn quên chưa tắt đèn. Tôi chăm chú xem xét khắp phòng từng li từng tí một. Cô chưa ăn tối. Cô không mang theo một thứ áo quần nào cả. Cô cũng không mang theo tiền nữa vì chiếc túi xách vẫn còn để trên bàn. Nhưng điều đặc biệt làm tôi hoang

mang và sợ hãi là ở phòng ngoài vẫn còn nguyên đôi giầy duy nhất của cô. Cô không thể nào đi chân không ra được? Cố nhiên là không rồi, cùng lắm, cô chỉ lên sàn thượng mà thôi. Sao tôi không đoán ra ngay nhỉ chắc chắn cô đang ở trên đó rồi. Tôi leo lên thang gác.

Nhưng trên sân thượng chẳng có ai cả. Thất vọng tôi bước lại chỗ lan can thấp. Vô tình, tôi nhìn lên trời, dường như Đô-rô-tê-a không phải là người mà là chim, bất kỳ lúc nào cũng có thể từ trong bóng tối bay vụt ra. Không có gì cả ngoài những vì sao mờ nhạt, xấu xí và những bóng mây tối đen. Tôi đi xuống nhà, nhìn đồng hồ đã mười hai giờ kém mười phút. Tôi ngồi vào ghế và bắt đầu đợi.

Bây giờ tôi khó mà nhớ lại được cái đêm khủng khiếp ấy. Với lại có gì mà nhớ. Một nỗi kinh hoàng nhớp nháp như một con sâu khổng lồ, chậm chạp trườn bò vào trong nhà. Tôi như bị trói chặt vào ghế bằng một sợi dây vô hình, tôi không thể chạy trốn nó, cũng không thể ngăn chặn nó lại hay giẫm nát nó đi. Tôi đã cố gắng vô ích để tự an ủi bằng những lý do xác đáng. Trong đời này có chuyện gì mà lại chẳng xảy ra. Kể cả việc ngu xuẩn, việc bình thường cũng như việc bất ngờ. Có thể là một người thân của cô qua đời như bà mẹ chẳng hạn, và người ta gọi cô đến ngay tức khắc. Có thể là cô đã mua một đôi giầy mới. Có thể là cô đang buồn rầu ngồi bên chiếc bàn con nào đó trong khách sạn đêm và lắng nghe mọi người trò chuyện. Có thể là còn tệ hơn nữa; căn bệnh của cô lại bắt đầu tái phát và cô đang đi lang thang, điên dại, trong các phố vắng người. Thậm chí, tôi thấy thà như thế vẫn còn hơn là điều khủng khiếp nhất. Thà tôi nhìn thấy cô dù có điên dại cũng còn hơn là không

nhìn thấy nữa. Dù cô có bị người ta trói chặt vào giường, dù cô có kêu la và rên rỉ, nhưng miễn là cô ở đây, ở ngay bên tôi! Tôi sẽ có đủ sức lực, nhất định tôi sẽ có đủ sức lực và khả năng để đưa cô trở lại cuộc sống bình thường.

Đến khoảng ba giờ sáng, tôi chợt nhớ những viên thuốc bị bỏ quên của bà I-u-ru-cô-va. Tôi uống hai viên và nửa giờ sau uống thêm viên nữa. Tôi cứ ngồi nguyên như thế cho đến tận sáng ngày, người đờ dẫn và vô tri vô giác, đầu óc hoàn toàn trống rỗng. Độ tám giờ, tôi đành miễn cưỡng đứng dậy. Tôi tắm nước lạnh, thay quần áo rồi lại chậm chạp lần lên sân thượng. Đứng trên sân thượng nhìn rõ cả một vùng chung quanh nhà như nhìn vào lòng bàn tay. Không người nào đi vào nhà mà tôi không nhìn thấy.

Chính vì thế, tôi mới chú ý đến một đám đông người đứng cách ngôi nhà chúng tôi không xa, ước chừng một trăm mét, họ vây quanh một khoảng đất trống khá rộng có những hố chất đầy phế liệu xây dựng. Họ tụ lại một chỗ, cúi lom khom xuống mặt đất, có một vài người còn ngồi xổm xuống nữa. Rõ ràng có điều gì đang làm họ xúc động. Cứ nhìn họ đi lại bận rộn và nghe tiếng nói hốt hoảng của họ vẳng đến tai tôi cũng có thể đoán là họ đang lo lắng chuyện gì đó. Căn cứ vào những chiếc mũ bảo hộ lao động thì số đông trong bọn họ là công nhân ở công trường bên cạnh. Họ nâng vật gì đó từ dưới đất lên, lúng túng làm vướng nhau, rồi họ đưa vào nhà. Tôi nhìn thấy rất rõ ràng đó là một phụ nữ, đôi chân nhỏ nhắn không giầy, buông thõng xuống như chân người chết. Đến khi họ đi lại gần nhà hơn thì tôi nhận ra chiếc áo

quen thuộc. Tôi đâm bổ xuống thang gác, không còn đủ sức để chờ thang máy nữa.

Họ đang mang Đô-rô-tê-a đi. Sau này tôi mới được biết là cô đã nằm suốt cả đêm trên bãi đất trống trải, lồi lõm, máy ủi còn đang san dở. Cô nằm ở đó cho đến lúc người lái cần cẩu ngẫu nhiên nhìn thấy từ trên khoang máy ở tít trên cao.

Mãi cho đến giờ ăn chiều tôi mới gọi dây nói được cho tướng Cru-xtép. Tôi cắt nghĩa vắn tắt cho ông rõ việc gì đã xảy ra. Sau một lát im lặng, ông trả lời tôi bằng giọng nói thản nhiên như thường lệ:

— Thôi được rồi, ông cứ đến chỗ tôi. Tôi sẽ cấp giấy ra vào cho ông.

Nửa giờ sau, tôi đã ngồi trong phòng làm việc của ông. Trước mắt tôi dường như là một người khác hẳn chăm chú, bình thản và xa lạ. Nhưng đôi mắt ông mới đặc biệt làm tôi kinh ngạc, chưa bao giờ tôi nghĩ là ông lại có một cái nhìn lạnh lùng, sắc sảo và tịnh tường như thế. Chỉ khi ông bắt đầu nói thì trong giọng nói của ông mới biểu lộ một chút gì đó quen thuộc và thân thiện.

— Điều thứ nhất là ông hãy bình tâm lại, — vị tướng nói. — Và ông hãy kể cho tôi nghe đầu đuôi, càng cặn kẽ bao nhiêu càng tốt. Tất cả những gì đã xảy ra giữa ông và cô ấy.

Tất cả những cái gì đã xảy ra ư? Chẳng lẽ lại có thể diễn tả được những cái đó bằng lời hay sao? Chẳng lẽ tự tôi hiểu được rõ việc gì đã xảy ra? Và liệu tôi có thể kể với ông rằng vào lúc nửa đêm chúng tôi đã bay đôi với nhau trên bầu trời cao tối đen ư? Tôi đã hiểu quá rõ cái lô-gích nghiệt ngã của một đầu óc tỉnh táo và chậm chạp như của ông rồi. Kể lại tất cả

thì tôi chẳng có đủ tinh thần. Nhưng che giấu đi cái điều chủ yếu thì tôi lại cảm thấy câu chuyện của tôi không có sức thuyết phục, thậm chí còn khó tin là thật nữa.

– Ông còn điều gì giấu tôi thì phải! – Vị tướng nói khi thấy tôi im lặng.

– Không có gì đâu! – Tôi tuyên bố dứt khoát.

– Thế thì tôi không hiểu tại sao ông lại đột nhiên đi Bô-rô-vét?

– Thì tôi đã cắt nghĩa để ông rõ là tại sao rồi! Đêm ấy chúng tôi lần đầu tiên gần gũi nhau. Không biết ông có hiểu rằng việc ấy làm cho tôi rất xúc động. Dù sao thì cô ấy cũng không phải là một cô gái bình thường, có một số phận bình thường. Tôi cần phải tập trung tư tưởng, phải trấn tĩnh lại.

– Đúng là ông đã xử sự chẳng khôn ngoan chút nào! – Vị tướng nói, vẻ cau có. – Thế ông không nghĩ là cần phải làm cho cô ấy yên lòng, phải nói với cô ấy những lời dịu dàng hay sao? Đặc biệt là sau một đêm như thế.

Tôi cảm thấy mình bị dồn vào chân tường.

– Biết làm sao được, việc đã như vậy rồi, – tôi nói vẻ bất lực. – Bây giờ tôi mới hiểu nhưng chẳng còn làm gì được nữa.

– Ít ra thì ông cũng phải gọi dây nói từ Bô-rô-vét về cho cô ấy chứ. Tại sao lại không? Một đôi lời âu yếm cũng an ủi được cô ấy.

– Vâng, tôi cũng muốn thế thật. Nhưng phải gọi dây nói đường dài liên tỉnh, như vậy cô ấy sẽ đoán ra là tôi không ở Plốp-díp.

Rõ ràng ông đang chờ câu trả lời đó, vì nét mặt ông hơi sáng lên. Nhưng ông vẫn ngồi yên bất động như cũ, trầm ngâm suy nghĩ. Mãi lúc này tôi mới hiểu là ông buồn rầu và chán nản, ông phải cố gắng mới tự chủ được.

— Theo như tôi hiểu thì ông đang thẩm vấn tôi, — tôi nói.

— Vâng, tôi thẩm vấn! Quả thật không giống như các trường hợp tương tự.

— Các trường hợp nào kia?

— Một tội ác cực kỳ khủng khiếp, — ông đáp. — Đô-rô-tê-a đã bị giết chết. Giết như thế nào ấy à, ông muốn hỏi thế chứ gì? Cô ấy đã bị ném từ cửa sổ tầng các trên cùng hoặc từ sân thượng trên cao xuống, như sân thượng nhà ông chẳng hạn. Thân thể cô ấy bị dập nát, xương bị gẫy, xin lỗi, vì tôi phải nối với ông chuyện đó.

Hai mắt tôi tối sầm lại, mặc dầu tôi vẫn chờ ông nói một điều gì đó tương tự. Nhưng tôi đã trấn tĩnh lại được và hỏi:

— Tại sao ông lại cho rằng cô ấy bị ném xuống chứ không phải cô ấy tự lao xuống?

— Tại vì rằng ở đó, chỗ người ta tìm thấy thi hài, lại không có tòa nhà nào cả. Rõ ràng cô ấy đang bị mang đến đó sau khi... Và ai có thể làm việc đó ngoài hung thủ ra.

— Ông phân tích cố nhiên là hoàn toàn lô-gích.

— Thế sự việc này xảy ra vào lúc nào?

— Giám định y khoa xác nhận khá chính xác — vào khoảng giữa mười một giờ và mười hai giờ đêm. Cũng lại đúng lúc đó ông về nhà.

– Vâng, tôi hiểu, sự nghi ngờ rất nghiêm trọng lại rơi vào đúng tôi! – Tôi dửng dưng nói. – Nhưng như vậy phải có chứng cớ.

Thực tình lòng tôi rất dửng dưng. Việc người ta nghi ngờ tôi phỏng có ý nghĩa gì? Cô ấy đã chết rồi. Điều đó thì không sao sửa chữa được nữa. Không có một cuộc điều tra nào có thể làm cho cô ấy sống lại được. Vả chăng, tôi có quyền gì mà bào chữa, nếu quả thực tôi là người có lỗi trong cái chết của cô ấy.

– Tôi không nói như vậy, – vị tướng đáp một cách khô khan. – Có một vài sự việc xóa bỏ được sự nghi ngờ ông.

– Những sự việc nào? – Tôi hỏi mà chẳng hề quan tâm.

– Giả dụ cô ấy bị ném từ sân thượng nhà ông xuống thì cô ấy sẽ rơi trên mặt đường nhựa ngay đằng trước nhà. Thế thì trên người cô ấy phải còn lại dấu vết của nhiều chỗ xuất huyết. Đằng này lại không có những dấu vết đó! Có họa là ngu ngốc mới nghĩ rằng sau khi ném cô ấy ở một nơi khác xong ông mới kéo thi hài lại chỗ đó. Như vậy để làm gì? Để có những tang chứng chống lại ông hay sao?

– Tất cả có vậy thôi à? – Tôi hỏi.

– Cố nhiên là chưa hết! Nhưng đó là cái chủ yếu. Tuy nhiên, câu hỏi vẫn còn nguyên đó – ai là hung thủ? Tại sao hung thủ lại kéo thi hài đến đó? Để tránh bị nghi ngờ chăng? Vì sao hung thủ lại không để thi hài ở chỗ nào đó trên hè phố? Hình như hung thủ là người điên, một người bị bệnh tâm thần hay sao đó.

– Lý đương nhiên rồi! Hỏi còn có thể nghĩ ra điều gì nữa? Chẳng lẽ một người bình thường có thể nghĩ

là cô ấy rơi từ trên trời xuống hay sao? Tôi yên lặng, vị tướng buồn rầu nhìn tôi.

– Trông ông tuyệt vọng lắm!—Ông nói bằng một giọng khác hẳn.—Ông hãy về nhà, cố ngủ lấy một giấc, nếu có thể được... Người ta không khởi tố ông đâu.

– Vụ án nào kia,—tôi ghê tởm nói.—Tôi muốn nhổ toẹt vào vụ án của ông!

Tôi trở về nhà. Tôi không còn biết đi đâu nữa, cả thế giới này tôi đều căm ghét. Những căn phòng trống rỗng, ngột ngạt, những tấm màn cửa sáng rực ánh mặt trời, những cái gạt tàn thuốc lá sáng gắt ánh kim loại. Thậm chí cả những nỗi khổ sở, đau đớn hình như trong phút chốc cũng bốc hơi trong không khí bị nung nóng. Và đó mới là điều đáng sợ nhất. Tôi cảm thấy mình chẳng những bất hạnh mà còn trống rỗng vô cùng. Giờ đây sự dối trá thảm hại của tôi không để cho tôi được yên tĩnh nữa. Tại sao tôi không nói hết sự thật với ông ta? Cố nhiên là ông ta cũng sẽ không tin. Tôi biết là tôi phát điên mất thôi! Nhưng tại sao lại như vậy được? Chẳng lẽ sự thật lại không cao hơn tất cả hay sao? Dù sự thật có như thế nào đi nữa! Nếu tôi đã giết cô ấy bằng sự nhỏ nhen hoặc yếu đuối của tôi thì lý trí bất hạnh của tôi có thể nghĩ ra cách chuộc tội thế nào đây?

Tôi đứng rất lâu dưới luồng nước xối xả của cái vòi lạnh giá nhưng cũng chẳng thể nào yên tâm. Tôi cố an ủi mình bằng niềm hy vọng rằng tôi không có lỗi trong cái chết của cô ấy. Lẽ nào tôi lại mong điều bất hạnh hay sao? Chính tôi cũng không biết thực tế việc gì đã xảy ra. Và không một ai và không khi nào biết được. Mà nếu cô ấy chủ tâm xếp cánh thì sao nhỉ?

Hoặc bất ngờ cô kiệt sức và rơi xuống vực thẳm. Nhưng tự buộc tội hoặc tự bào chữa thì ý nghĩa gì? Tất cả những cái đó chỉ liên quan đến mình tội. Còn Đô-rô-tê-a? Không có sức mạnh nào ở trên đời có thể trả lại cuộc sống cho con người duy nhất biết bay ấy?

Đêm đã khuya, tôi leo lên sân thượng, trái tim tôi nặng chĩu. Tôi không dám nhìn lên trời và những vì sao xấu xí đang nhấp nháy yếu ớt trên đầu tôi. Nhưng vì sao ấy không bao giờ là của tôi. Tôi không có đôi cánh để bay tới các vì sao. Tôi không đủ sức. Bác sĩ I-u-ru-cô-va đã đoán được ngay là tôi không bao giờ vượt qua được ba-ri-e Và tôi sẽ không lên cao hơn cái mặt sân bằng bê-tông trần trụi, bị mặt trời nung nóng này, mà thỉnh thoảng những con chim bồ câu cô đơn vẫn đến đậu.